

Tác Giả và Tác Phẩm

Thảo Trường

Tiểu sử

Tên thật: Trần Duy Hinh. Sinh ngày 25.12.1938 tại Nam Định, Bắc Việt.
Mất ngày 26.8.2010 tại California, Hoa Kỳ

Tác phẩm

Chạy Trốn (truyện, 1964) - Bên Đường Rầy Xe Lửa (truyện dài, 1971)
Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai (tập truyện, 1995) - Đá Mục (tập truyện, 1998)



(tranh Nguyễn Thuyên)

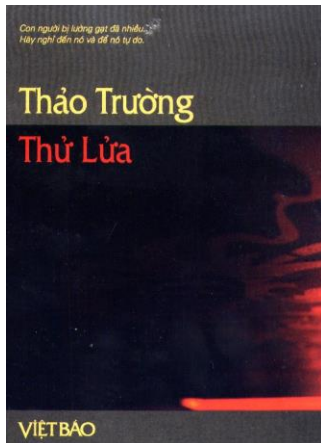
Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2
Người đàn bà mang thai trên kính đồng tháp – 2
Thảo Trường – Đặng Tiến - 5
Viên đạn bắn vào nhà Thục – 9
Tôi đọc Thảo Trường – Đặng Thơ Thơ – 19
Những đứa trẻ đầu thai giữa hàng rào – 22
Thảo Trường, nhà văn dần thân với...- Nguyễn Vy Khanh - 29

Phụ đính:

Trò chuyện với nhà văn Tha/o Trường- Phạm Phú Minh – 43
Phỏng vấn Thảo Trường – Đặng Phú Phong – 46
Khẩu hiệu – 51
Chuyện hai nhà văn – Ngô Nhân Dụng – 59
Phỏng vấn nhà văn Thảo Trường - Nguyễn Mạnh Trinh – 61
Xuất cảnh - 70
Vài kỷ niệm với Thảo Trường – Du Tử Lê – 75
Cuốn sách nào đã ảnh hưởng nhiều nhất tới tôi? – Viên Linh - 81
(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Nhà văn Thảo Trường là một người cầm bút đã thành danh từ lâu trước 1975 tại miền Nam. Tập truyện ngắn đầu tay của ông có nhan đề *Thủ Lửa* xuất bản năm 1962 khi ông ở tuổi thanh niên. Sau đó ông được mọi người biết đến với các tác phẩm như *Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp*, *Vuốt Mắt*, *Cánh Đồng Đã Mất* và nhiều tác phẩm khác. Biên cố 1975 ông đã là một trong những người bị giam cầm lâu nhất trong các trại cải tạo, hết trong Nam đến ra ngoài Bắc, hết ngoài Bắc lại vào trong Nam, tổng cộng 17 năm. Từ sau năm 1993 là năm ông đến Mỹ, ông lại tiếp tục sáng tác sau gần hai thập niên xa cách với thế giới chữ nghĩa. Theo VOC Television cuốn sách đầu tiên sau cải tạo là *Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai* xuất bản năm 1995, từ đó đến nay đều đặn cứ vài ba năm ông lại cho ra đời một đứa con tinh thần.

Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp (Saigon.27.11.1964.)



*“Người đàn bà mang thai
trên kinh Đồng Tháp,”
(Tranh Đinh Cường)*

Con kinh thẳng tắp dài hun-hút kéo từ Gãy-Cờ-Đen đến quận lỵ Mỹ An, nhìn trên bản đồ nó ẹt ọt như một chiếc que đan. Hai bên bờ kinh cây cối um-tùm, ngả nghiêng che phủ gần kín hết ánh sáng của mặt trời chiếu xuống mặt nước. Kinh rộng độ mười thước, nước đục lờ đờ, vài cây bèo cam phạn hẻo lánh. Nhà cửa rải rác ẩn hiện dưới những tàng cây. Rất nhiều những con lạch nhỏ ăn thông từ cánh đồng ra lòng kinh. Đường mòn đã chặt chội lại khúc khuỷu bởi những cây cầu khỉ bắc ngang những con lạch đó. Nhà chị Tư ở khoảng giữa con kinh, gần bến đò, cuối đường đi vào Tháp. Chị Tư sống và lớn lên ở đây. Ngoài thời gian mấy tháng phải về binh vận tại chợ quận, chị Tư không hề biết đến đời sống rộng lớn của cái thế giới này. Con kinh đã cô lập chị trong những kỷ niệm chặt chội. Thật vậy, chị Tư chưa đi xa hơn đầu con kinh, chị Tư chưa đi quá chợ quận. Chồng chị tập kết từ mười năm nay không về. Tỉnh thoảng chị cũng nhận được thư của anh do những người cán bộ chuyển từ ngoài Bắc vào. Thư nào chồng chị cũng nói là khoẻ mạnh, vì bận công tác nên chưa về được. Vợ chồng chị lấy nhau được chừng nửa năm thì anh Tư đi theo bộ đội tập kết. Chị Tư ở lại với bà mẹ chồng quanh quẩn, mòn mỏi. Bà mẹ anh Tư đã chết cách đây hai năm với một niềm ân hận là không được gặp mặt lại đứa

con trai duy nhất của bà. Chị Tư từ đó chỉ còn một mình trong căn nhà vắng vẻ. Vào những buổi chiều chị ra ngồi ở bờ tre sau nhà, nhìn ra cánh đồng trống mênh mông, nghĩ tới anh Tư. Những lúc đó niềm cô đơn trong lòng chị nhức nhối rất ruột rất gan và chị ứa nước mắt cho số phận. Hồi anh Tư mới đi tập kết, mẹ con chị sống cô cút với những hy vọng từng năm, từng năm, đợi ngày anh Tư trở lại. Anh Tư chưa bao giờ trở lại nhưng có những đồng chí của anh trở lại. Lúc đầu họ còn ẩn hiện trong xóm, dần dần họ đi lại công khai, và tầm hoạt động của những người dân vệ trong đồn bến đò càng ngày càng thu hẹp lại. Đến một đêm súng nổ ran và lửa cháy thiêu trụi tất cả đồn đó. Ngày hôm sau máy bay đến oanh tạc dọc theo bờ kinh làm cho những cây cối vốn đã khẳng khiu lại càng khẳng khiu vì bị những làn đạn làm ngã gục. Rồi thôi... Những anh cán bộ vẫn tiếp tục chuyển từ nhà nọ sang nhà kia, hết rĩ tai từng người lại tập trung cả xóm học tập. Chị Tư biết đến những tiếng: Tự do, Dân-chủ, Độc-lập, Hạnh-phúc, Cầm thù, Đả-đảo... và nhiều tiếng nữa từ đó. Nhưng rồi chừng hơn một năm sau quân đội đến. Những anh cán bộ liền vắng mặt. Mẹ con chị Tư lại được biết thêm một số tiếng lạ nữa. Chị đi làm Ấp chiến-lược, chị học tập chính trị “tam-túc”, “tam-giác” trong vòng đai kẽm gai và bờ đất. Đồn dân-vệ được xây cất lại với bộ mặt mới. Yên được một dạo. Nhưng rồi những anh cán bộ lại ẩn hiện, lại mò mẫm rĩ tai trong đêm tối. Rồi đồn dân vệ lại nổ súng và cháy trụi. Ấp chiến lược thành ấp chiến đấu. Mấy anh cán bộ lại học tập. Mẹ anh Tư chết vào thời kỳ này và không biết bà chết vì bệnh gì. Chị Tư lúc này đã trở nên một người biết tới hai chủ nghĩa: cộng-sản và nhân vị. Chị có thể nói rất trôi chảy về những chủ nghĩa đó vì chị đã được nghe quá nhiều lần. Rồi một hôm chị được đề cử đi binh vận tại chợ quận. Lúc đầu chị nhất định không chịu đi làm công tác đó, nhưng sau chị nhận được một lá thư do một anh cán bộ chuyển tới nói là của anh Tư ở ngoài kia gửi vào. Thư anh Tư khuyên chị nên hăng hái đi công tác binh vận theo chỉ dẫn của các đồng chí cán bộ. Chị Tư khấn gói lên chợ quận ở cùng với một cán bộ giả dạng làm em trai. Chị mở một quán cháo và từ cái quán cháo đó chị quen với một anh binh sĩ truyền tin trong quận. Chú em trai của chị cũng trở thành một anh dân-vệ trong quận. Thời gian này chị Tư quên đi mất hình ảnh anh Tư, vì chị Tư đã được sống lại những cảm giác khoái lạc đến hỗn độn với anh binh sĩ truyền tin và “chú” em trai cán bộ. Chị dấy-dựa trong những niềm hoan-lạc tràn ngập đó. Cuối cùng, đến một hôm, cái thai trong bụng chị máy động. Cái máy động thứ nhất làm chị bàng hoàng. Chị tự hỏi “nó” là của ai? Của anh cán bộ hay anh binh-sĩ truyền tin? Chị thần thờ cả người và chị muốn rời ngay cái chốn đó. Chị tự hỏi của ai? Chị muốn biết của ai? Cái thai của ai cũng được nhưng chị phải biết chắc là của người nào. Lúc này chị lại nghĩ tới anh Tư dữ dội. Và chị Tư bỏ dở công tác binh vận. Chị trở về căn nhà xiêu vẹo ở ven bờ kinh. Chị khóc ròng vì không biết cái thai của ai. Chị khóc ròng vì anh Tư đi mãi không về. Lúc đó chị mới nghiệm ra rằng trong những lúc chị quần quai khoái lạc với anh cán bộ hay với anh binh sĩ truyền tin, chị không nghĩ tới anh Tư nhưng là những lúc chị sống lại, tìm thấy cái cảm giác mười năm về trước. Chị tìm thấy mà chị không biết là thấy. Anh cán bộ cũng đào ngũ dân vệ, trở về xóm với chị. Anh hẳn học với chị, anh mắng nhiếc chị đã làm hỏng kế hoạch của anh. Anh hành hạ chị ngay cả những lúc anh ngủ với chị. Cái thai mỗi ngày một đập mạnh và bụng chị Tư lớn dần lên. Một hôm chị hỏi anh cán bộ cái thai trong bụng chị là con của ai, anh ta bảo là con của Đảng.

Trong phong trào thi đua đặt chông bẫy diệt Mỹ phòng thủ xóm, anh cán bộ giao cho chị Tư một quả lựu đạn, bảo chị phải kẻ một khẩu hiệu “Đả đảo Đế quốc Mỹ” mắc lên một thân cây và gài trái lựu đạn vào sau tấm biểu ngữ làm bẫy. Anh còn làm cho chị xem rồi tháo ra để chị làm lấy. Anh lý luận rằng phải chính chị tự tay làm lấy để cho hành động thấm nhuần tư tưởng! Chị Tư ị-ạch kẻ khẩu hiệu “Đả đảo Đế quốc Mỹ” trên một tấm ván gỗ. Chị Tư ị-ạch vác thang ra gốc cây trước cửa nhà. Chị Tư ị-ạch mang cái bụng chừa lên thang. Chị Tư ị-ạch đóng đinh tấm bảng vào thân cây và buộc quả lựu đạn nơi phía sau tấm bảng. Chị Tư ị-ạch cột sợi giây oan nghiệt từ chốt lựu đạn sang một cành cây, trước cặp mắt khuyến khích của anh cán bộ đứng dưới. Mồ hôi chị Tư vã ra ướt đầm cả quần áo. Chị tuột xuống thang trở vào nhà thay quần áo khác rồi trở ra ngồi ở bậc cửa nhìn lên tấm bảng khẩu hiệu “Đả-đảo Đế-quốc Mỹ”. Anh cán bộ mang hộ chị chiếc thang vào sau nhà, xong cũng ra ngồi kẻ bên chị. Chị Tư ứa nước mắt nhìn tấm bảng,

nhìn anh ta, rồi chị giắt anh ta vào giường. Chị Tư đè ngửa anh cán bộ xuống rồi chị khóc nức lên thành tiếng: “Tôi đây, tôi là của anh, nhà của tôi là của anh, cái bào thai này cũng là của anh. Nó phải là của anh!” Anh cán bộ ú ớ dưới ngực chị: “Nó là của Đảng! Tất cả là của Đảng!”

Cuộc hành quân đến xóm đó thì dừng lại. Người sĩ quan chỉ huy bước vào nhà chị Tư. Anh cán bộ không còn ở đó. Chị Tư ngồi ôm bụng trên chiếc chõng tre nhìn người sĩ quan. Người sĩ quan quan sát khắp gian nhà. Bên ngoài toán lính đang xục xạo tìm kiếm. Một anh vào báo cáo với người sĩ quan, cuộc tìm kiếm không có gì khả nghi ngoại trừ cái khẩu hiệu “Đả đảo Đế quốc Mỹ”. Người sĩ quan ra lệnh không ai được đụng tới tấm bảng. Mới lúc này đây đã mất hai người đồng đội của họ chết vì vô ý giật một tấm khẩu hiệu trên cây xuống và đã bị lựu đạn nổ tan xác.

Người sĩ quan bước ra dưới gốc cây ngược lên quan sát rồi trở vào hỏi chị Tư “Ai gài tấm biểu ngữ Đả đảo Đế quốc Mỹ ngoài kia?” Chị Tư nói “Tôi gài”. Người sĩ quan nói “Ra gỡ xuống”. Chị Tư nói “Lậy cậu, nổ chết tôi”. Người sĩ quan lại hỏi “Chồng chị đâu?” Chị Tư trả lời “Mất tích mười năm nay rồi”. Sĩ quan nói “Tập kết hả?” Chị Tư gật đầu và y quát chị ra gỡ tấm khẩu hiệu xuống. “Chị làm chị chịu ai bảo cái lên”. Chị Tư vẫn ngồi ì ra. Người sĩ quan rút súng lên đạn. Chị Tư hoảng sợ ôm bụng ì ạch đứng dậy. Chị Tư ì ạch với cây gậy dựa nơi góc nhà. Chị Tư ì ạch bước ra gốc cây. Chị Tư ì ạch dơ gậy lên giáng thật mạnh vào tấm bảng khẩu hiệu “Đả đảo Đế quốc Mỹ.” Và trái lựu đạn văng xuống. Chị Tư hốt hoảng vút gậy bỏ chạy. Toán lính nằm rạp cả xuống. Nhưng trái lựu đạn không nổ. Chị Tư ngã sấp mặt xuống trước cửa nhà. Nước mắt chị trào ra. Ngất đi...

Chị Tư bị động thai. Người sĩ quan bế chị vào nhà đặt nằm trên giường săn sóc cho chị. Suốt đêm đó chị Tư bị hâm hấp sốt, thỉnh thoảng bị chuyển bụng. Người sĩ quan đứng cúi đầu bên giường chị. Chiếc đèn dầu lập loè chiếu bóng anh ta hắt lên vách méo mó. Gần sáng chị Tư sinh một đứa con trai thiếu tháng. Người sĩ quan đỡ đẻ cho chị, anh ta làm công việc đó rất chăm chỉ. Đứa bé khỏe mạnh khóc lên những tiếng làm cho anh ta vui ra mặt. Hắn luôn luôn sờ trán chị Tư. Chị đã tỉnh và mỉm cười với hắn. Hắn cười lại... Sáng hôm sau y sĩ đơn vị đóng cách đây hơn cây số được mời tới săn sóc cho mẹ con chị Tư. Mấy hôm sau, người sĩ quan đến hội đồng xã, mới được thành lập lại một lần nữa tại đồn dân vệ bến đò, làm khai sinh cho đứa bé. Hỏi cha nó đâu chị Tư lắc đầu trả lời không có, nên người sĩ quan bèn khai cho nó mang họ của ông ta. Lúc trở về căn nhà chị Tư, người sĩ quan lại sờ trán chị Tư, sờ trán đứa nhỏ và nói với mẹ con chị rằng có lẽ anh ta cũng đã có nhiều con nhưng không biết chúng ở đâu và chưa hề khai sinh cho đứa nào. Bèn khai sinh cho đứa nhỏ này mang dòng họ của mình.

NHẮN-TIN: Nhắn cậu nhỏ mang dòng họ cùng với tôi, hai mươi năm nữa, cậu khôn lớn (lời Nhắn Tin này chỉ gửi đến cậu khi cậu đã trên hai mươi tuổi), lúc đó tôi không biết cậu sống trong hoàn cảnh nào, trong một xã hội nào. Cậu cho tôi xin cậu một điều là, trước khi cậu hành động, trước khi tranh đấu, trước khi cách mạng, trước khi biểu tình, trước khi đảo chánh, trước khi lật đổ, trước khi hành quân, trước khi thuyết pháp, trước khi cầu nguyện, trước khi hội thảo, trước khi thụt kết, trước khi hành lạc, trước khi đập phá, trước khi hy sinh...nghĩa là trước khi quyết định làm một việc gì, xin cậu...chỉ xin cậu hãy nghĩ đến người đàn bà mang thai khôn khổ, hãy nghĩ tới những người mẹ bị rất nhiều chủ nghĩa với những danh-từ hoa-mỹ hành hạ. Xin cậu hãy nghĩ tới cái hình ảnh đó, tôi cầu xin cậu như thế, vì tôi chính là tên sĩ quan đã hành hạ mẹ cậu, đã đỡ đẻ cho mẹ cậu sau khi các đồng đội của tôi chết vì những thứ khẩu hiệu như cái khẩu hiệu “Đả đảo Đế quốc Mỹ” ấy.

Thảo Trường Đặng Tiên

Nhà văn Thảo Trường tên thật là Trần Duy Hình, sinh 1936 tại Nam Định, nổi tiếng tại Miền Nam trước 1975, qua đò tại Quận Cam, California, Hoa Kỳ, ngày 26-8-2010 vì bệnh ung thư gan, thọ 74 tuổi. Sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, cấp bậc thiếu tá, ông là một trong những người tù lâu năm nhất : 17 năm cấm cố qua 18 trại giam từ Nam ra Bắc.

Di cư vào Nam năm 1954, ông vào trường sĩ quan Thủ Đức, phục vụ ngành pháo binh vùng giới tuyến và bắt đầu viết văn. Truyện ngắn đầu tiên *Hương gió lướt đi* đăng trên tạp chí Sáng Tạo, Sài Gòn, ký bút hiệu Thảo Trường, đã gây ngay được tiếng vang trong giới độc giả trẻ thời đó, vì đề tài mới mẻ, qua giọng văn đơn giản và trong sáng

Chuyện bắt đầu tại Hà Nội, giữa một cậu học trò mười lăm tuổi, với cô hàng xóm tên Ngân, hơn cậu – người kể chuyện – khoảng năm, bảy tuổi. Ngân làm chủ một quán giải khát, phục vụ lính Pháp, quan tâm đến cậu bé hàng xóm như một người em, và bị các đồng nghiệp « nhà thổ » khác chế riếu : « *xê-ri của chị Ngân đầy chùng mỳ ạ ... Nhưng Ngân đã nghiêm chỉnh bảo họ : – các chị đừng đùa. Anh ấy là học sinh, không ưa thế đâu* » [1].

Chuyện và văn không có gì lạ, nhưng thời đó, 1960, độc giả học sinh, sinh viên ham thích vì cách viết thật thà, đơn giản, phản ánh thời đại một cách bàng quan : không khí Hà Nội thời cuối chiến tranh Việt Pháp, cuộc di cư 1954 ; hai nhân vật gặp lại nhau khi « tôi » đã trưởng thành, quan hệ đi xa hơn, rồi Ngân theo chồng về Pháp, vẫn thư từ cho người bạn cũ.

Lối kể chuyện tự nhiên, chân thành đến mức nhiều người đọc ngỡ là chuyện tình của tác giả. Sau này Thảo Trường kể lại là chuyện phần nào có thật, nhưng là chuyện của một bạn học cùng lớp, anh nghe được và viết lại [2].

Một truyện khác, cũng trên báo Sáng Tạo, gây hứng thú là *Đò dọc* : hai người yêu nhau, nhưng vào buổi di cư 1954, họ chia tay, cô gái, tên Kim, tặng người yêu tấm khăn san màu đỏ của mình làm kỷ niệm. Họ gặp lại nhau tại Huế trong cảnh oái oăm : chàng đi dạy học, tìm thú chơi bời trên « đò dọc » và gặp lại nàng làm gái điếm. Họ mừng mừng tủi tủi và trong cơn tái hợp bị kiểm tặc bắt quả tang. Chàng không lẩn tránh, bị đuổi việc nhưng chính thức cưới nàng, đúng *theo tập quán xã hội*. Mâu đối thoại nhỏ, chân thật, đã gây ấn tượng thời đó :

- *Khăn ngày xưa ?*

- *Không phải. Khăn ngày xưa anh đã cho một người con gái khác. Khăn này anh mua hồi chiều* » (Thử Lửa, tr. 54).

Trong truyện *Xác chết*, ngay buổi gặp gỡ đầu tiên, người khách làng chơi đã đưa cô Lim, gái điếm, về làm vợ và họ sống hạnh phúc cho đến ngày người vợ bị tên nhân ngãi cũ ám sát.

Ghi nhanh về tên các cô gái giang hồ: người tên Ngân, người tên Kim, toàn tên vàng tên bạc. Lim là tên gỗ quý. Những chất rắn, bền, quý. Nhận xét nhỏ thôi, nhưng có thể là một trong vài ba chìa khóa mở vào thi pháp Thảo Trường.

Cô gái giang hồ từ Nguyễn Du đến Nhất Linh, Vũ Trọng Phụng đến nay, là một biểu tượng xã hội, nội hàm có thể không thay đổi bao nhiêu, nhưng từ thế hệ Thảo Trường trở về sau, như nơi Nguyễn Ngọc Tư ngày nay, biểu tượng hàm súc và phức tạp hơn nhiều, nhất là nói chung, truyện ngắn Thảo Trường phản ánh những giai đoạn lịch sử rõ nét.

Trong *Thử Lửa*, Thao Trường trực tiếp đề cập đến chính trị, việc phân chia đất nước và kỳ vọng vào cuộc thống nhất trong hòa bình, đoàn kết « công việc nối liền hai miền, xóa đi cái ranh giới trên đất đai và cái ranh giới trong tâm hồn chúng ta là công việc của chúng ta » (tr.26-27).

Là sĩ quan trẻ tuổi mới ra trường, hoạt động tại miền giới tuyến, Thao Trường đã suy nghĩ và tin tưởng : « Ý nghĩ đầu tiên của tôi về con sông này : nó chỉ là biên giới của đất đai, nó không là biên giới của tư tưởng. Người bên kia hay bên này không qua lại nhau, nhưng những tư tưởng phát sinh từ tâm hồn người bên này hay bên kia thì cũng nảy nở sang bên kia hay bên này. Những cái gì được nuôi dưỡng từ trong lòng người này thì cũng có được ở trong lòng người khác. (...) Tôi cố gắng phân biệt ra biên giới nhưng không được, vẫn chỉ là làng mạc, đồng ruộng và đường đi ; muôn đời muôn thuở vẫn là hình ảnh quê hương tôi. (...) Mười ba triệu người đằng sau tôi chắc cũng tin như vậy ? Tôi đứng gác ở tiền tuyến cho nửa dân tộc yêu nhau và tin tưởng con sông trước mặt tôi sẽ không là biên giới » (tr.88).

Điều đó, bây giờ đọc lại, 1975 hay 2011, ta cho là ngây thơ, ảo tưởng. Nhưng thời đó, 1960, cùng với Thảo Trường nhiều người ước mong như vậy. Trong lời giới thiệu *Thử Lửa*, Nguyễn văn Trung đã viết, 1960 : « Tôi coi Thao Trường như một trong những người đang đi vào truyền thống của những nhà văn mà sứ mệnh là nhắc nhở cho con người những giá trị làm người thường xuyên bị quên lãng hay bị chà đạp bởi chính con người » (tr.145).

(Tập truyện *Thử Lửa* in 1962, ký tên Thao Trường. Sau đó tác giả mới thêm vào dấu hỏi, có lẽ để tránh sự trùng hợp tình cờ với bút danh của Nguyễn Huy Tưởng đã dùng trên báo Tiên Phong, Hà Nội, 1945, và Văn Nghệ, Việt Bắc, những năm 1948, 1949. Trong bài này chúng tôi tùy nghi dùng tên này hay tên kia).

Quan điểm của Thao Trường và cả Nguyễn văn Trung vào một thời điểm nhất định, là thành tâm, thiện chí của một lớp người.
(Khi một lý tưởng thất bại thì biến thành ảo tưởng. Nhưng cũng có khi chiến thắng hóa lý tưởng thành ảo tưởng : ngoài đề).

Khi Thảo Trường – vừa mới đổi tên, rời pháo binh vào ngành An ninh Quân đội – đi khắp nơi, anh có dịp tìm hiểu chiến tranh sâu xa hơn, nhưng vẫn chung thủy với ước vọng của mình, là tìm kiếm hòa bình trong tình đoàn kết dân tộc. Anh hợp tác chặt chẽ với báo *Hành Trình*, quay ronéo, do Nguyễn văn Trung và một nhóm trí thức công giáo tiến bộ chủ trương, chủ yếu đòi hỏi chấm dứt chiến tranh. Truyện ngắn *Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp*, nổi tiếng, viết 1964, đăng trên *Hành Trình* số 1, nhà xuất bản Trình Bày cùng nhóm ấn hành 1966, đã được dịch ra tiếng Pháp đăng trên tuần báo công giáo *Témoignage Chrétien* phổ biến trên khắp thế giới, thời đó, về sau in trong tuyển tập *chứng từ chiến tranh* [3].

Chuyện kể : người đàn bà mang thai là cán bộ cộng sản, gài lựu đạn dưới một tấm ván gỗ ghi khẩu hiệu « đã đảo đế quốc Mỹ » để gài bẫy. Toán lính Việt Nam Cộng Hòa biết được, buộc đương sự phải triệt hạ tấm ván. Lựu đạn rớt xuống may không nổ. Người đàn bà động thai đẻ non. Viên sĩ quan chỉ huy toán lính phải đỡ đẻ rồi khai sinh cho đứa bé, « cho nó mang họ của ông ta ». Và để lại mâu thuẫn tin nhắn cho cậu bé mai kia, khi lên 20 tuổi : « trước khi hành động... xin cậu hãy nghĩ đến người đàn bà mang thai khổ khổ, hãy nghĩ đến những người mẹ bị rất nhiều chủ nghĩa với những danh tự hoa mỹ hành hạ » [4].

Chuyện viết tại Sài Gòn, ngày 27.11.1964, trong ngụ ý khôi phục tình người qua tình đồng bào. Rồi đến 1975, Thảo Trường đã phải đi tù non 17 năm. Sang Mỹ 1993, trong truyện ngắn *Khẩu hiệu* anh viết tiếp câu chuyện tại Huntington Beach, ngày 25.5.1993, kể chuyện trong một trại tù

Việt Bắc, kèm lời Nhấn tin : « *nhấn cậu thanh niên ra đời, sẩy thai, thiếu tháng, mang họ nhờ... Người đỡ đẻ và khai sinh cho cậu đã chết trong tù. Khi chiến tranh chấm dứt, cũng không thấy có một người đàn ông nào gọi là cha ruột cậu trở về. Còn mẹ của cậu nghe nói đã có một đời chồng khác* » [5].

Truyện sau mang tên *Khẩu hiệu* vì tù nhân đã điều đứng, có người chết trong trại cải tạo vì « *máy chữ đã đảo CS bằng than trên vách nhà lổ* ». Tương quan giữa hai câu chuyện cách nhau 15 năm, là cái khẩu hiệu, trong đó chữ CS chỉ viết tắt không rõ nghĩa. Và dòng suy tưởng liên tục của tác giả.

Đồng thời với *Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp*, Thảo Trường còn có truyện *Viên đạn bắn vào nhà Thục*, nguyên tên là *Nhấn hiệu Mỹ* vì có câu « *đạn này nhấn hiệu Mỹ* » bị kiểm duyệt Sài Gòn thời đó đục bỏ. Sau này khi tái bản tại Mỹ, trong tập truyện *Tầm xa cũ bắn hiệu quả* (nxb Quan San, 1999, California) câu văn lẫn tên cũ được khôi phục lại. Do đó, giới bình luận thường đặt anh vào hàng tác phẩm phản chiến, điều mà sau này anh đã từ khước, trong một cuộc phỏng vấn ngày 4.8.2008 : « *Trước hết, tôi là người tham chiến. Nếu có ai bảo tôi là phản chiến thì không đúng, vì tôi ở trong cuộc chiến đó. Những năm đầu sĩ quan của tôi, tôi đi theo những đơn vị tác chiến, từ vĩ tuyến 17 cho đến đồng bằng sông Cửu Long, và làm một số công việc, chẳng hạn đi tiền sát cho pháo binh trong những trận đánh. Những năm về sau tôi được điều động về cơ quan tham mưu, từ đây tôi có cơ hội tìm hiểu nhiều hơn những diễn tiến của cuộc chiến Việt Nam. Tất cả những cái đó dù muốn dù không cũng « ám » vào tác phẩm của tôi* ».

Từ ngữ « *phản chiến* » không còn là một nhãn hiệu ăn khách ; không còn mấy ai nhận chịu danh hiệu này. Nhìn vào những tác phẩm cuối cùng của Thảo Trường trước 1975, vượt qua chữ « *phản chiến* », ta có thể dùng từ « *chủ hòa* », « *hòa* » trong nghĩa « *huê* » để gọi tắt quan điểm của anh, như trong truyện dài in năm 1971 :

« *Và theo tôi, trong cuộc chiến hiện nay, dù tấn công hay phòng thủ, hình thức này hay hình thức khác, bên này phải nêu rõ lên cái chủ đích đánh lấy hòa của mình. Và hai bên phải cố duy trì tính cách dân tộc trong phe mình, tránh khỏi sự chi phối của ngoại bang, phát triển cái xã hội trong phần kiểm soát của mình để tiến tới thống nhất đất nước* » [6].

Trong truyện, Hoán – một sĩ quan Việt Nam – đã nói với đồng minh Mỹ « *các anh đang giúp chúng tôi. Nhưng chính vì sự có mặt của các anh, ở bên chúng tôi, hay nói một cách khác, chúng tôi đi chung với các anh, tình thế này có vô số vấn đề sẽ bị đặt ra* » (tr.101-102) Cuối cùng Hoán đã ngăn người Mỹ từ máy bay bắn xối xả xuống đám đông dân chúng và kết luận : « *Rắc rối lắm, khó lắm, kẹt lắm* » (tr.116).

Viết như vậy, trong tình hình Miền Nam 1971, mà rồi khi cuộc chiến chấm dứt, 1975, Thảo Trường vẫn phải đi học tập mùa, là điều trái khoáy, ít người hiểu.

Tổng cộng lại, tại Việt Nam trước 1975, Thảo Trường đã xuất bản 14 đầu sách, gồm có truyện ngắn, truyện dài, một tập tùy bút ; viết tiểu thuyết *Bà Phi*, ăn khách, đăng báo Tiền Tuyến hàng ngày, khoảng 2000 trang.

Tập truyện đầu tay *Thử Lửa*, 1962, có tầm quan trọng đặc biệt : vừa là một thành tựu nghệ thuật, vừa đánh dấu một giai đoạn tạm gọi là « *tiền chiến tranh* » qua tâm lý một lớp thanh niên thành thị : lý tưởng, tin vào tình tự dân tộc không phân chia Nam Bắc thành chiến tuyến.

Sau đó chiến tranh lan rộng, mỗi ngày một tàn bạo. Tác phẩm Thảo Trường phản ánh mức khốc liệt và nét phi lý – tạo ra chất bi thảm của chiến tranh và đồng thời bày tỏ khát vọng hòa bình và xóa bỏ thù hận. Tình tự dân tộc và phẩm chất nhân đạo được nâng cao nhờ nghệ thuật văn học.

Truyện ngắn Thảo Trường thường đạt đến chất lượng nghệ thuật cao – mà sau này, hai mươi năm sau, tác giả vẫn còn giữ được phẩm cách.

*

Ra tù 1992, sang Mỹ đoàn tụ với gia đình 1993, Thảo Trường tiếp tục viết, in được 8 cuốn. Mới nhất là tuyển tập *Những miếng vụn của tiểu thuyết*, 2008. Truyện về sau thường kể lại đời sống cơ cực, phi lý trong các trại giam : « *tất cả đau khổ tàn nhẫn, xót xa mà anh em trong tù phải chịu, những cảnh trở trêu mình gặp, hay sự dốt nát tội nghiệp của cai tù... đều đòi hỏi mình để tâm phân tích* » (Thảo Trường trả lời phỏng vấn, 4.8.2008).

Đồng thời anh cũng mô tả nhiều cảnh oái oăm của xã hội Việt Nam sau 1975, hay cảnh sống của người Việt định cư tại Hoa Kỳ.

Bút pháp linh hoạt : tả cảnh tù tội thì gay gắt, bi đát ; cảnh xã hội Việt Nam mới ly kỳ, cay đắng ; cảnh sống nước ngoài dí dỏm, hoạt kê. Thảo Trường hậu chiến tranh, hậu lao cải, là nhà văn đều tay và điệu nghệ. Nhưng nhìn chung, những truyện ngắn về các trại giam, tích lũy lâu, là hàm súc nhất ; chưa kể chúng làm chứng từ chân chính cho một thời đại.

Một truyện tiêu biểu : *Những đứa trẻ đầu thai giữa hàng rào*. Mẹ bị án chung thân vì tội tòng phạm giết chồng cán bộ ; cha bị 2 án chung thân vì 2 lần giết người. Hai tội nhân bị biệt giam ở hai trại tù nam nữ riêng biệt, cách nhau bởi hàng rào kẽm gai « *Anh gặp chị ngoài sân trại mấy lần. Nhìn, cười. Cười lại. Nhìn lại. Thế là thân nhau... Bèn nghĩ ra kế truyền tin cho nhau bằng cách dùng cây, chỉ lên những chữ thích hợp trong các chữ ở những khẩu hiệu trên tường nhà giam (...)* Thế rồi chị tính toán theo ý chị... chị sẽ mặc một cái quần mỏng hở chỉ dưới đáy... » [7].

Tác giả kể tình tiết hấp dẫn. Và mô tả đời sống trong trại, trong đó có sáu đứa trẻ con của nữ tù nhân, dĩ nhiên chính thức không biết bố là ai. Truyện kết bằng hình ảnh người tù già đóng vai ông ngoại, bào ảnh Thảo Trường : « *Bác ở tù đến năm thứ mười bảy và vì là tù binh không có án cho nên bác cũng không biết đến bao giờ mới hết. Bác không thuộc một chế độ nào nữa cả, bác thuộc về lịch sử* » (tr.61, sđ d).

Vì không được xét xử, không có án, người tù không biết sẽ bị giam cầm bao lâu vì tội danh gì, tự xem là « tù binh ». Nhưng đã là tù binh, thì phải được hưởng quy chế tù binh theo luật quốc tế, và phải được trao trả. Nhưng trao cho ai, trả về đâu ? *Bác thuộc về lịch sử*.

Vấn nạn đã nhiều người biết. Nhưng nói thêm một lần nữa, cho minh bạch, cũng không phải là thừa.

Chế độ trách nhiệm phải lãnh nhận trách nhiệm và trả lời chính xác từng hồ sơ một. Pháp lý và đạo lý thông thường là như vậy.

Bình thường là như vậy.

Tác phẩm mới, hư cấu nhưng phản ánh tâm tình và phong cách Thảo Trường, có lẽ là *Đá Mục*, một truyện vừa – hơn 100 trang – viết 1997. Truyện trộn lẫn trật từ thời gian, xen thực tại đời sống tại Hoa Kỳ, với nhiều kỷ niệm. Bắt đầu từ thời sĩ quan mới ra trường, trấn đóng tại một tiền đồn hẻo lánh, đời sống êm đềm, hồn nhiên như những cô gái Thượng ngực trần bên suối ; đến những ngày trong trại cải tạo : những oái oăm, gian khổ xen lẫn với những cuộc gặp lại đồng đội, tình nghĩa ; cuối cùng là đời sống ở nước ngoài, thư thái, tiện nghi nhưng vẫn chua cay : « *ông lão thấy rõ ràng cuộc đời của mình thật phi lý : tự nhiên tình thế xoay chiều... Mình đang là người Kinh ở quê nhà nay hóa ra người Thượng ở quê người. Mà trong cái giới người*

Thượng này mình còn là người Thượng mới, không giống người Thượng cũ... Hóa cho nên, hỏi người con gái bên bờ suối tiền đồn biên giới năm nào, bây giờ cô đã già, cô ra sao, cô ở đâu ? » [8].

Giọng văn giàu chất uy mua, linh hoạt, dí dỏm pha chút ưu hoài, nhắc đến lối hành văn phóng khoáng buổi đầu *Thử lửa*.

Khi ta nói chuyện một con sông, thì chủ yếu là nói đến một khúc sông, như khúc sông Hương chảy qua thành phố Huế. Nói về một tác giả cũng vậy, thường ưu đãi ấn tượng về một tác phẩm nào đó. Với một sự nghiệp văn học đã trải qua nhiều ghềnh nhiều thác như của Thảo Trường, đánh giá toàn bộ là một việc khó.

Tôi đã đọc *Hương gió lướt đi*, *Đò dọc*, trên báo Sáng Tạo, vào tuổi học trò. Nay cố khôi phục lại cảm nhận của mình, và những trao đổi với bạn bè đồng lứa thời trước 1960. Rồi đọc *Người đàn bà mang thai trên kính Đồng Tháp* vào một giai đoạn khác, nặng ưu tư về chiến tranh và hòa bình. Cuối cùng là *Tiếng thì thầm trong bụi tre gai*, đọc trong nỗi u hoài về thời cuộc và số phận con người.

Nhưng không lần nào cố tình đặt ra mục tiêu phê bình văn học. Nhưng có lúc cũng đã làm bất đắc dĩ, nghĩa là đánh giá và « *làm trung gian giữa tác giả và người đọc sau tôi* », y hệt như lời anh Nguyễn Văn Trung e ngại, đã viết đúng nửa thế kỷ trước, khi viết lời giới thiệu tập truyện *Thử lửa*.

Bài này, cũng như tác phẩm Thảo Trường, là những viên sỏi đánh dấu những chặng đường « *qua một chiếc cầu, lên một cái dốc* » qua nhiều thời điểm. Xem như là thí điểm. Và theo lời di chúc, đâu đó, của người mới ra đi :

Phải luôn luôn nhớ rằng hãy quên đi tất cả.

Orléans, 10.10.2010, đọc lại, hiệu đính cho ngày giỗ đầu, 26-8-2011.

[1] Thảo Trường, *Thử Lửa*, nxb Tự Do, tr. 31, 1962, Sài Gòn. Việt Báo tái bản 2001, California. Truyện in lại trong Tuyển Truyện Sáng Tạo, tr. 113, nxb Tân Văn, 1970. Thư Ấn Quán in lại, 2009, New Jersey, Hoa Kỳ.

[2] Thảo Trường, *Đá Mục*, tr. 125, nxb Đồng Tháp, 1998, California.

[3] *Le Crépuscule de la violence* (Hoàng hôn của bạo lực) 90 trang, nxb Trình Bày, 1970, Sài Gòn.

[4] Thảo Trường, *Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai*, tr. 13 và 27, nxb Tin, 1995, Paris.

[5] Sđd, tr.27

[6] Thảo Trường, *Cánh đồng đã mất*, tr. 17, nxb Tân Văn, 1971, Sài Gòn.

[7] Thảo Trường, *Tiếng thì thầm trong bụi tre gai*, sđd, tr. 53-54

[8] Thảo Trường, *Đá Mục*, tr. 111, nxb Đồng Tháp, 1998, California.

Viên đạn bắn vào nhà Thục

Từ ngã ba đi vào, cảnh tàn phá vì trận đánh lan rộng đến những con lạch nhỏ. Trước ngày Tết, đi qua khu phố này người ta chỉ nhìn thấy những dãy nhà hai bên đường với những cửa tiệm buôn bán tấp nập. Sau trận đánh dãy nhà bị cháy trơ trụi, những bức tường đổ nát lổ chỗ những

vết đạn, những mái tôn cháy đen xạm cong queo trên đồng than. Một vài chiếc xe chỉ còn trơ lại cái khung đen thui. Người đi qua con đường này bây giờ có thể phóng tầm mắt nhìn thấy những cây dừa nước hai bên bờ những con rạch nhỏ. Những cây dừa nước vài chỗ cũng bị cháy nám. Xa hơn nữa, người ta có thể nhìn thấy cánh đồng mênh mông miền ngoại ô thành phố.

Qua khu cháy vào bên trong, xóm nhà may mắn thoát được ngọn lửa thì cũng bị những vết đạn phá vỡ lỗ chỗ. Những tấm bảng hiệu bị dùi nhiều lỗ, chèn vênh treo trên những cây sắt, gió thổi lắc lự, như còn cố bám víu cho khỏi bị rơi.

Nhà của gia đình bé Thục ở khu còn lại đó. Bé Thục đang cầm một cây đinh loay hoay xoi một lỗ đạn trên tường nhà. Thục hí hục nhẩn nại moi cái đầu đạn nằm trong đó. Thục đã mất cả giờ nhưng mới chỉ nhìn thấy cái đuôi viên đạn đồng đỏ lờ mờ. Mồ hôi vã ra hai bên má. Thục quì gối tiếp tục xoi. Thỉnh thoảng mỗi tay Thục lại bỏ cái đinh trên vỉa hè rồi vẩy vẩy hai tay cho đỡ mỏi. Thục ngồi nghỉ rồi lại tiếp tục.

Một người lính đi tới đi lui. Anh ta thuộc đơn vị trấn thủ khu này. Anh ta chú ý đến Thục và thả bước đến trước cửa nhà Thục. Người lính đeo khẩu súng lên vai rồi đứng tì tay vào hàng dậu gỗ nhìn Thục làm việc. Thục vẫn hăng say mài miết cầm cái đinh xoi lỗ đạn.

Chợt Thục vùng đứng lên ném mạnh cây đinh ra góc sân. Thục nhìn thấy người lính rồi đưa mắt nhìn theo hướng tiếng leng keng của chiếc đinh va xuống nền xi măng. Thục nhìn lại người lính. Anh ta nhe răng cười Thục. Thục phì cười, hai tay quệt mồ hôi trên trán. Người lính hỏi:

- Em làm gì thế?

Thục chỉ lỗ đạn:

- Tôi moi cái đầu đạn trong đó để làm kỷ niệm.

Người lính hỏi:

- Làm kỷ niệm, em cũng thích kỷ niệm?

Thục gật đầu:

- Tôi cần một đầu đạn giữ chơi. Mẹ tôi cũng có một đầu đạn như thế. Mẹ tôi cất trong sắc tay.

Người lính nói:

- Tôi có đạn đây, em thích tôi sẽ tháo cái đầu đồng ra cho em một viên.

Thục lắc đầu:

- Tôi muốn moi lấy cái đầu đạn từ trong lỗ kia. Tôi không thích cái đầu đạn chú tháo ra. Đầu đạn kia đã bắn vào nhà tôi. Chú biết cái đầu đạn của mẹ tôi lấy ở đâu ra không?

Người lính lắc đầu, Thục khoe:

- Cái đầu đạn của mẹ tôi lấy từ ngực ba tôi.

Người lính ngạc nhiên:

- Từ ngực ba em? Ba em ở đâu rồi?

Thục ngồi xuống bờ hè:

- Ba tôi chết rồi. Ba tôi là quận trưởng, ba tôi là đại úy chú là gì úy ?

Người lính cười:

- Anh là lính.

- Chú là lính trơn à?

Người lính lại cười gật đầu. Thục ngồi nghĩ rồi kể tiếp:

- Ba tôi đi đánh giặc bị thương nơi ngực đưa về bệnh viện thì ba tôi chết. Nhà thường người ta gửi cho mẹ tôi cái đầu đạn lấy từ ngực ba tôi. Mẹ tôi gói nó cất trong sắc tay và nói "để làm kỷ niệm".

Người lính như chợt hiểu, gật gù:

- Và bây giờ em cũng muốn moi cái đầu đạn trên tường kia làm... kỷ niệm?

Bé Thục gật đầu:

- Tôi chưa có chồng nên chồng tôi chưa chết. Tôi lấy viên đạn người ta bắn vào nhà tôi để cất đi làm kỷ niệm. Chú... bắn chết nhiều người chưa ?

Người lính nhìn chằm chằm vào bé Thục rồi vung cánh tay lên trời phác một cử chỉ băng quơ:

- Nhiều.

Bé Thục nói một mình:

- Như vậy chắc nhiều người có đầu đạn kỷ niệm, cứ gì mẹ tôi.

Người lính kéo ống quần lên đến đầu gối rồi chỉ một vết sẹo nơi chân cho Thục. Thục nghiêng đầu nhìn qua khe hai thanh gỗ hàng dậu xem vết sẹo của người lính.

Thục hỏi:

- Chú cũng bị đạn?

Người lính gật đầu giơ hai ngón tay. Thục hỏi:

- Hai lần?

Người lính gật đầu lần nữa. Thục lại hỏi:

- Đâu?

Người lính cởi khuy áo ngực, vạch một bên cho Thục xem một vết sẹo trên vai.

Thục lè lưỡi:

- Ba tôi bị có một viên đạn mà chết. Chú bị hai viên đạn sao chú không chết?

Người lính lắc đầu:

- Tôi không biết.

Thục chống hai khuỷu tay lên đầu gối, cầm tì trên bàn tay yên lặng. Một lát Thục hỏi:

- Viên đạn kỷ niệm của chú đâu?

Người lính lắc đầu:

- Tôi không có giữ. Tôi vứt đi rồi.

Thục ngạc nhiên:

- Sao chú lại vứt đi. Chú không thích kỷ niệm sao?

Người lính gật đầu:

- Tôi không thích. Đầu đạn bị vấy máu bắn lấm, giữ làm gì.

Thục lại yên lặng. Thục nhìn người lính từ đầu đến chân.

Người lính cười. Thục chợt hỏi:

- Ai bắn chú ?

Người lính trả lời:

- Đứa mà tôi tìm bắn nó.

Thục như chiều suy nghĩ rồi hỏi:

- Địch quân ấy hả ?

Người lính lại cười, gật đầu, rồi hỏi:

- Tôi vào ngồi nói chuyện với em được không?

Thục đứng lên ra mở chốt cánh cổng:

- Được chứ. Ai cũng vào nhà tôi được. Hôm đánh nhau ở đây có hai người bộ đội cũng vào nhà tôi. Họ mở cửa vào tự nhiên và bảo mẹ tôi dọn cơm cho họ ăn. Họ có hỏi tôi đâu. Sao chú lại phải hỏi tôi?

Người lính mở cánh cổng gỗ bước vào sân, anh ta đi bên Thục đến chỗ bờ hè. Ngồi xuống cạnh Thục, anh ta nói:

- Có lẽ tại tôi thương em.

Thục trề môi:

- Không phải. Chỉ có mẹ tôi thương tôi mà thôi. Chắc chú là người lịch sự. Ở trường cô giáo bảo tôi thế.

Người lính gật đầu:

- Chắc vậy. Em học lớp mấy?

Thục giơ bốn ngón tay. Người lính nói:

- Lớp Tư?

Thục gật đầu hỏi lại:

- Chú học lớp mấy? Cô giáo của chú cũng dạy chú muốn vào nhà người ta phải hỏi sao?

Người lính gật đầu, trên môi anh ta vẫn nụ cười, đôi mắt trù mến nhìn Thục. Thục rờ khẩu súng của người lính, hỏi:

- Nhưng mà chú có súng, chú cần gì phải hỏi ai.

Người lính ôm ngang vai Thục:

- Cô giáo đâu có dạy thế.

Thục nhoèn miệng cười nhìn người lính gật đầu. Người lính chợt rút lưới lê ra khỏi bao, hỏi Thục:

- Em có muốn lấy cái đầu đạn trong tường kia không? Tôi lấy hộ.

Thục khoanh tay trước ngực lắc đầu:

- Không. Chú đừng rờn tôi. "Hôm đánh nhau ở khu này, hai người bộ đội mang súng vào nhà tôi ăn cơm, tôi có nhờ họ lấy hộ cái đầu đạn, họ quát tôi bắt ngồi yên ở xó nhà."

Người lính hỏi tiếp:

- Hai người đó ở đây lâu không ?

Thục giơ ba ngón tay. Người lính nói:

- Ba ngày?

Thục lắc đầu:

- Họ ăn ba bữa cơm.

Người lính lại hỏi:

- Họ có ngủ trong nhà em đêm nào không?

Thực lắc đầu:

- Họ chỉ vào trong nhà khi ăn uống, xong họ ngồi ngoài hiên, "họ ngồi chỗ chú đang ngồi".

Người lính nhìn xuống chỗ mình ngồi như tìm kiếm một dấu vết gì còn lại. Một lát anh ta hỏi Thực:

- Hai người mang súng đó có hỏi chuyện gì em không?

Thực gật đầu:

- Có.

Người lính:

- Họ hỏi gì?

Thực kể:

- Họ hỏi ba tôi đâu.

Người lính lại hỏi:

- Em trả lời sao?

Thực kể tiếp:

- Tôi nói ba tôi chết rồi! Ba tôi đi đánh giặc bị thương rồi chết. Ba tôi là đại úy. Ba tôi là quận trưởng.

Người lính:

- Em nói vậy hai người cầm súng có làm gì em không?

Thực lắc đầu:

- Không. Họ không làm gì tôi nhưng họ đứng rộ dậy. Họ vào lục soát nhà tôi. Họ bắt mẹ tôi phải mở tất cả các tủ, các hộc bàn, các buồng cho họ xét. Họ treo cả lên trần nhà nhưng không thấy gì cả.

- Rồi sao?

- Rồi họ lại ra "ngồi chỗ chú đang ngồi".

Người lính cầm cái lưới lê cạo cạo bùn trên đôi giày của anh ta. Thực tiếp:

- Đến tối họ vào trong nhà tôi bảo mẹ tôi đưa cái đèn pin của ba tôi cho họ.

Người lính gõ gõ cái lưới lê vào đôi giày cho đất rơi ra.

Thục nhìn cái lưới thép nhọn hoắt ở tay người lính hỏi:

- Chú đã đâm ai chưa?

Người lính lắc đầu:

- Chưa.

Thục lại hỏi:

- Thế cái đó để làm gì?

Người lính nói:

- Để đâm. Nhưng tôi chưa có dịp đâm ai. Bây giờ tôi muốn dùng nó để moi cái đầu đạn kia cho em. Em bằng lòng không?

Thục lưỡng lự:

- Tôi phải hỏi mẹ tôi. Mẹ tôi bảo đừng nói chuyện với những người mang súng mang dao. "Hôm đánh nhau ở khu này, hai người bộ đội cầm súng vào nhà tôi đòi ăn cơm, tôi nhờ họ moi hộ cái đầu đạn, họ quát tôi bắt ngồi yên ở xó nhà. Sau đó mẹ tôi bảo tôi đừng nói chuyện với những người cầm súng cầm dao".

Người lính lại ôm lấy vai Thục:

- Thôi em đừng hỏi mẹ em nữa. Em đừng làm phiền mẹ em nữa, chắc mẹ em đang làm công việc trong bếp. Tôi muốn lấy hộ cái đầu đạn cho em vì cô giáo tôi ngày xưa có dạy phải giúp đỡ những người già cả và những người còn trẻ dại.

Thục ngồi yên, đôi mắt nhìn ra thửa ruộng đầy cỏ nước trước cửa nhà. Lát sau Thục nói lí nhí:

- Nhưng mẹ tôi bảo như vậy. Tại chú mang súng mang dao.

Người lính như ghì chặt Thục vào bên mình:

- Tôi mang súng cũng như ba em ngày xưa. Tôi cũng như ba em mà thôi. Em có nhớ ba em không?

Thục phóng tầm mắt đến một quận ly hẻo lánh. Thục đã theo mẹ đến chỗ ba Thục làm việc và đã sống ở đó một thời gian.

Thục nhớ lại dãy phố quận nhỏ hẹp, với một hàng hủ tít duy nhất mà mỗi sáng mẹ con Thục đi xe jeep của ba ra đó ăn. Thục nhớ rõ người chủ quán mỗi sáng cúi rạp mình chào mẹ mình là bà Quận. Thục cũng nhớ đến cái cột cờ giữa ngã tư tỉnh lộ, hàng rào kẽm gai bao xung quanh ngôi nhà lớn, ở trong đó ba Thục làm việc và ở ăn. Thục cũng nhớ những buổi chiều đứng từ hiên

ngôi nhà đó nhìn ra ngoài qua hàng rào kẽm gai, ngôi trường cũ kỹ với những đứa học trò bằng tuổi Thục ra về. Những chiếc xe ngựa lộc cộc chạy qua trước quận, người đánh xe phải nhảy xuống dẫn bộ qua khúc đường đó. Thục cũng nhớ đã hỏi chú lính tài xế của ba Thục tại sao họ lại phải nhảy xuống dẫn ngựa đi qua trước quận, chú lính bảo "để đề phòng việt cộng tấn công". Thục không hiểu nhưng cũng lặng yên.

Thục nhớ ba Thục cũng đeo súng và mỗi khi đi hành quân, ba đã hôn mẹ, hôn Thục, uống một ly rượu, rồi cười ha hả trèo lên xe dẫn đoàn quân phóng chạy ra khỏi quận xá bụi mịt mù.

Mẹ con Thục thỉnh thoảng đạp xe đò lên ở với ba vài ngày rồi lại về. Ba Thục làm quận trưởng một thời gian thì xây được căn nhà này. Trước kia nó chỉ là một nhà gỗ, sau được phá bỏ xây lại đẹp hơn và có lầu. Thục cũng được nằm giường đẹp hơn và có đệm. Thục được coi truyền hình và nghe nhạc nổi Thục đã biết tự mở máy truyền hình và máy quay đĩa. Thục hỏi người lính:

- Chú có thích nghe nhạc không? Ba tôi thích cải lương như mẹ tôi. Tôi thì ghét. Tôi thích nghe hát tân nhạc. "Hôm đánh nhau ở khu này, hai người bộ đội vào nhà tôi đòi ăn cơm, tôi nhờ họ moi hộ cái đầu đạn, họ quát tôi bắt ngồi yên nơi xó nhà". Tôi có mở nhạc nghe. Nhưng một ông bắt tôi tắt máy còn một người bảo tôi cho ông ấy nghe một bài vọng cổ.

Người lính hỏi:

- Vậy em tắt máy hay để nhạc vọng cổ?

Thục lắc đầu:

- Tôi vẫn để bài hát tôi đang nghe, mẹ tôi la rầy tôi rồi tắt máy kéo tôi vào trong buồng. Tôi khóc và mẹ tôi xin lỗi tôi, giở dành tôi, bế tôi nằm dưới gầm giường tránh đạn.

Người lính xỏ lười lê vào bao, hỏi:

- Hôm đánh nhau ở khu này em có sợ không?

Thục tròn xoe đôi mắt:

- Sợ chứ. Mẹ tôi ôm chặt tôi nấp ở trong xó nhà. Mẹ tôi lấy những tấm đệm cao su ghé bành chặn xung quanh tường để đỡ đạn. Hai mẹ con ngồi như thế và nghe tiếng nổ. Hai người bộ đội trèo lên gác đứng nhìn xuống đường.

Thục đang kể chợt hỏi:

- Hôm đó chú ở đâu?

Người lính ngập ngừng:

- Tôi... nghỉ phép.

Thục lại hỏi:

- Chú về ăn Tết với vợ chú à?

Người lính lắc đầu:

- Không. Tôi không có vợ. Tôi về ăn Tết với mẹ tôi.

Thục ôm lấy đầu gối người lính và tỉ cầm trên đó:

- Mẹ chú có thương chú không?

- Có. Như mẹ em thương em.

Người mẹ từ trong nhà bước ra kiểm Thục. Thấy người lính ngồi với con mình trước thềm nhà, bà ta nói:

- Mời ông vào nhà ngồi ghế uống nước, ông có cần gì cứ tự nhiên.

Rồi bà ta quay sang nói với con:

- Thục, sao con không mời ông khách vào nhà mà lại ngồi trước thềm vậy?

Người lính lúc đó đã đứng dậy chào bà ta và nói lí nhí vài lời cảm ơn. Tay anh ta cầm tay Thục và nói:

- Bà cứ mặc tôi và cho phép tôi nói chuyện với cháu cho đỡ buồn. Cháu nói chuyện dí dỏm lắm.

Bà mẹ lại mời người lính một lần nữa. Anh ta ngập ngừng bước vào nhà. Mẹ Thục lấy nước uống mời. Anh ta rón rén ngồi xuống chiếc ghế bành gỗ đã bỏ đi những tấm đệm. Anh ta uống nước và liếc nhìn người đàn bà. Một người đàn bà quá trẻ. Với đôi mắt u buồn, nhiều tư lự, những sợi tóc mai chảy dài xuống hai bên má, khuôn mặt ưu tư tội nghiệp, như có một nỗi buồn tiềm tàng tỏa ra từ đôi mắt lan tràn trên khuôn mặt. Người đàn bà ngồi trên một chiếc ghế và bế Thục trên lòng. Bà ta nhìn xa xôi ra ngoài thửa ruộng trước nhà.

Im lặng khá lâu và người lính cảm thấy bầu không khí không tự nhiên, anh ta lên tiếng:

- Mấy hôm đánh nhau ở khu này bà và cháu có chạy đi đâu lánh cư không ạ ?

Người mẹ ôm Thục và kể:

- Ngay bữa đầu tiên thì đầu chạy cho kịp. Sáng ra thức dậy đã thấy các ông bộ đội đứng đầy đường. Trong khi đó thì hai bên đánh nhau ở phía đầu ngã ba vào thành phố. Tôi cũng định bế cháu chạy tản cư, nhưng ở đây chỉ có một lối ra duy nhất thì đã bị mắc kẹt rồi nên tôi đành ôm cháu núp ở nhà.

Bà ta nhìn Thục và nói tiếp:

- Có hai người bộ đội đứng trước nhà tôi mà con bé này nó chỉ định chạy ra ngoài. Tôi lo quá. Chúng tôi kẹt ở lại đây cho đến ngày hôm sau thì lửa cháy ở phía ngoài. Cháu lại cứ đòi ra xem lửa.

Thục nhìn người lính nói:

- Tôi xem đám cháy và nhìn thấy ngọn lửa từ những căn nhà ngoài kia. Chú có biết không ?
"Lửa cháy làm nóng cả mặt."

Người lính nhìn Thục cười, bà mẹ cũng nhìn con cười với nó. Đoạn bà ta kể tiếp:

- Ngày hôm thứ ba tôi mới bé cháu chạy ra ngoài phố được vì hai người bộ đội đã bỏ đi. Tôi ra nhà một người quen ở nhờ trong khi gia đình nhà ông bà ấy cũng chạy đi ở nhờ một nhà khác họ cho là an ninh hơn.

Thục nói theo:

- Chú biết không? Khi mẹ tôi cũng tôi chạy vào thành phố, qua đám cháy kia tôi nhìn thấy nhiều người chết úp sấp và có cả xe tăng cháy thành than. Tôi còn thấy rõ những khẩu súng bên cạnh những xác chết đó. Họ có súng mà cũng bị bắn chết vì súng sao chú?

Bà mẹ xoa đầu Thục như không muốn con mình nói nữa. Bà ta quay sang người lính:

- Sáng nay tôi cho cháu trở về nhà. Chạy ra khỏi nhà mới hơn một ngày mà đã thấy khổ quá. Tôi nghĩ sống chết có số, nếu chết thì đã chết ngay cái hôm đánh nhau ở khu này. Bây giờ họ rút đi rồi mình cứ về đại nhà mà ở. May nhờ có các ông đến trấn đóng ở đây.

Người mẹ kể đến đây thì ngừng lại và mời người lính uống nước. Anh ta nâng ly uống cạn rồi đứng lên:

- Bà cho phép tôi moi hộ cháu bé cái đầu đạn ở ngoài bức tường kia. Cháu muốn có nó để làm kỷ niệm nhưng không lấy ra được. Tôi ngờ ý moi ra hộ cháu thì cháu bảo là bà không chịu vì "tôi là kẻ mang súng mang dao". Tôi nghĩ rằng bà sẽ cho phép tôi làm vui lòng cháu một chuyện nhỏ này. Tôi mang súng mang dao vì thời đại này không thể không cần những thứ đó. Cũng như ông đại uý trước kia.

Người đàn bà cúi đầu. Bà ta đưa bàn tay đẩy Thục ra với người lính. Người lính giơ tay nắm tay Thục giắt ra cửa. Bà mẹ nói theo:

- Con ra chơi với ông khách cho ông ấy vui.

Thục đi theo người lính ra chỗ bờ tường có vết đạn. Người lính rút lưỡi lê cho vào cạy nơi lỗ đạn, lát sau lôi ra được một mẩu đồng nhỏ đã quấn queo.

Thục cầm lên xem và hỏi:

- Phe nào bắn vào nhà tôi?

Người lính cầm cái đầu đạn xem xét một lúc rồi đưa trả lại cho Thục:

- Đạn này nhãn hiệu Mỹ. Có thể bắn ra từ phe tôi, nhưng cũng có thể đã bắn đi từ phe hai người bộ đội. Vì phe nào cũng có thứ súng đó hết.

Thục mân mê cục đồng nói băng quơ:

- Như thế thì cũng khó hiểu thật, chú nhỉ?

Người lính nhìn vào trong nhà nói với Thục:

- Khó hiểu thật. Nhưng cũng may là nó đã không trúng vào em hay mẹ em, như viên đạn đã trúng vào ba em.

13-10-1968

Tôi đọc Thảo Trường Đặng Thơ Thơ

(đọc trong ngày ra mắt Những Miếng Vụn của Tiểu Thuyết của Thảo Trường - 31/8/08)

Đọc sách là một hành trình riêng tư, mỗi người tiếp cận cuốn sách theo một cách khác nhau, đi vào những ngõ ngách khác nhau, những tầng lớp khác nhau. Theo Angela Carter (1940-1992), đọc một cuốn sách là cách tự viết lại cho mình. Chúng ta mang đến cuốn tiểu thuyết đó tất cả những gì đã đọc từ trước, lịch sử của mình, và kinh nghiệm của mình về thế giới. Chúng ta đọc một cuốn sách với những điều kiện riêng, theo cách mà mình muốn.

Với tôi, việc đọc Những Miếng Vụn của Tiểu Thuyết (NMVCTT) còn là một cách dựng lại cho mình một lịch sử cá nhân và ký ức tập thể chứa đựng cá nhân mình trong đó.

Tôi đi vào thế giới những miếng vụn của nhà văn Thảo Trường với tư thế một người đi truy lùng quá khứ. Tôi cầm trên tay cuốn sách này, quá khứ của nó nặng trĩu, hơn nửa thế kỷ. Nhà văn Thảo Trường, vốn sống của ông khủng khiếp, 17 năm vừa tham dự chiến tranh Việt Nam vừa sáng tác, 16 năm 4 tháng 4 ngày trong những trại lao tù khổ sai, 15 năm lưu vong ngoài quê hương để viết về những kinh nghiệm sống của mình. Ba yếu tố chính làm nền tảng và chủ đề cho mọi truyện ngắn và tiểu thuyết của ông là chiến tranh, lao tù và hội nhập.

Tôi đọc Thảo Trường trong tâm trạng một người đi thăm lại những nơi chốn của tội ác và mở lại hồ sơ những cái chết oan ức. Hồ sơ những cuộc đời bị tạt nguyên, với những chấn thương vĩnh viễn trong những người còn sống.

Tôi đọc Thảo Trường đi thăm một hiện trường, đi sâu thập từng chứng cứ nhỏ nhặt nhất nhưng báo hiệu những phát hiện kinh hoàng nhất.

Tôi đọc Thảo Trường như một người Do Thái đi thăm lại những trại tập trung thời Đức Quốc Xã, như một người Nga sống qua thời Xô Viết nhớ lại những quần đảo ngục tù. Chỉ khác có một điều, những người Do Thái có một nơi chốn cụ thể để nhìn rõ tận mắt tội ác đã thực sự xảy ra với họ. Còn với tôi, nơi chốn mà tôi thăm viếng ấy không tồn tại như một hiện hữu xác thực. Chúng ta người Việt Nam chưa được cái may mắn có những di tích được bảo tồn như một chứng cứ, như trại tập trung Auschwitz và Birkenau ở Ba Lan, hay viện bảo tàng diệt chủng Toul Sleng ở Phnom Penh với những sọ người chồng chất để cả thế giới cùng nhìn, cùng chứng kiến, và cùng tưởng niệm. Đã có chưa một thứ tượng tự, như một biểu tượng tinh thần, ngay trên đất nước Việt Nam về một cuộc chiến, về những nạn nhân của miền Nam, về những nạn nhân bị đàn áp của cộng sản Việt Nam nói chung? - Không có. Nó chỉ ở trong tâm tưởng và trong những hội chứng tâm lý hậu chiến tranh. Những chấn thương tâm lý sẽ ám ảnh mãi. Chẳng nào một tội ác chưa được công khai hóa thì những cơn ác mộng vẫn tiếp tục tồn tại. Những trại giam người sau 1975, nơi đã giam giữ Thảo Trường và các đồng đội của ông, đồng nghiệp của ông, hiện nay đã được phi tang dấu tích. Những người tù đã nằm xuống ở một góc rừng nào đó, xương của họ đã hòa vào bụi đất. Và những người cai tù của một thời đã man nào đó, những lãnh đạo chỉ huy cuộc tàn sát tập thể dần mòn ấy cũng khoác những chiếc áo khác, đang đóng một vai trò khác trong tình hình thế giới hiện nay.

Thế giới đã xếp lại hồ sơ Việt Nam và tội ác cộng sản rồi chăng?

Có thể lắm. Chúng ta có những di tích thuyền nhân đang bị đập nát trên những hoang đảo để xóa sạch dấu tích cuộc vượt biển tang thương vĩ đại. Gần đây chúng ta còn có những đàn tràng giải oan để đánh bóng cho một chế độ đã và đang dựng nên những địa ngục trần gian kinh khiếp nhất ở quê hương. Thảo Trường, những nhà văn miền Nam, những người lính miền Nam đã sống trong cái địa ngục ấy, những địa ngục chưa được công khai toàn thế giới. Thứ địa ngục tồi tệ hơn tầng đầu địa ngục của Solzhenitsyn. Đó là thứ địa ngục thuộc vào tầng thấp nhất, nơi con người bị chính đồng loại mình đặt giá trị kém hơn súc vật (Đá Mục, Những Đứa Trẻ Đầu Thai Giữa Hàng Rào).

Tôi đọc Thảo Trường như đọc một bản cáo trạng viết từ địa ngục.

Một bản cáo trạng mỉa mai, chua xót, nhưng nhân bản. Một cái nhìn thấu đáo về chủ nghĩa cộng sản và tính chất “súc vật” của nó, như Thảo Trường nhận xét. Trong bản cáo trạng đó, thủ phạm đã phủ tay, gần như trắng án. Để đi tìm lại bóng dáng của những địa ngục đó, chỉ có cách thu lục những dấu tích còn tồn tại trong ký ức của những người còn sống sót. Trong lời khai của những nhân chứng.

Tôi đọc Thảo Trường như đọc lời khai của người chứng đầu tiên và cuối cùng.

Lời khai không thứ tự đầu đuôi, không mạch lạc hoàn chỉnh, không trọn vẹn 100% một câu chuyện. Có khi nó là 1%, có khi nó là 1000% câu chuyện. Lời khai của người chứng vì vậy giống những tuyến đường đi ngược chiều, đối nghịch, va chạm, phá hoại nhau.

Thảo Trường đã viết:

“Phải luôn luôn nhớ rằng hãy quên đi tất cả”

Câu này vừa ở đầu truyện, vừa tái hiện đều đặn trong Đá Mục. Mỗi lần ký ức làm nhân vật “ông lão” quặn đau, ông lại tự nhủ: Hãy quên đi tất cả.

Rồi trong một trả lời phỏng vấn với đài truyền hình VOCT, Thảo Trường nói: Tôi viết để “để đời”.

Vậy thì, Thảo Trường muốn chúng ta quên đi hay muốn để lại cho đời những kinh nghiệm của mình?

Thế giới đang bước vào thế kỷ 21 với những vấn nạn mới, các cường quốc đang bày những ván cờ mới, những thế lực đang dần xếp theo xu hướng mới. Phương Tây đã hầu quên đi nạn đói kinh hoàng những năm 1932-33, khi Stalin chọn phương pháp bỏ đói làm thứ vũ khí thầm lặng để diệt chủng một cách không tốn kém, và giết được nhiều người Ukraine hơn Hitler sau này giết người Do Thái. Người ta có thể thiên vị tội ác này hơn tội ác khác, không phải vì mức độ nặng nhẹ, mà vì lăng kính chính trị mình chọn. Một lý do nữa, thế giới có thể chọn nhớ một tội ác này lâu hơn một tội ác kia, vì hình ảnh mà nó phô bày trước mắt. Những người khuyh tả Bernard Shaw, Beatrice và Sidney Webb, và PM Edouard Herriot, tham quan Ukraine vào thời điểm 1932-33, đã tuyên bố đây là những tội ác dựn đứn. Shaw nói, “tôi chẳng thấy ai thiếu dinh dưỡng ở nước Nga.” Walter Duranty, phóng viên tờ New York Times, được giải Pulitzer Prize với tường trình về Nga Xô, đã viết “những lời đồn về nạn đói chỉ là lối tuyên truyền độc địa.” Hơn bảy triệu người đã chết chung quanh họ, nhưng họ chọn không nhìn thấy. Những vấn đề khó mật ở Nga đồng nghĩa với sự quên lãng đáng sợ, những trại tù thời Xô Viết bị cấm vào. Không có hình ảnh để trưng bày, không có phim tài liệu về những nạn nhân - trong nền văn hóa nghe-nhìn hiện nay - cũng đồng nghĩa với không hiện hữu. Dầu vậy, lương tâm không cho phép chúng ta đem những bài học về Holocaust, về Gulag, về cuộc tàn sát Armenian, cuộc tàn sát

Rwanda, cuộc chiến Bosnia, diệt chủng ở Cambodia, Cách Mạng Văn Hóa Trung Quốc so sánh với nhau và xếp hạng mức độ kinh hoàng của tội ác. Trước lịch sử mọi nạn nhân đều đồng hạng.

Con người thường chọn lựa điều họ muốn nhớ, theo cách mà họ muốn, và gọi đó là lịch sử. Nếu không cẩn thận, lịch sử được chọn lọc đó sẽ tái hồi, đời sống chúng ta sẽ trở nên những vùng rỗng không để lịch sử chạy lại mọi diễn biến và tàn phá không phân biệt, không chọn lọc một ai. Trong lời mở đầu cuốn Night, tác giả Elie Wiesel, người được giải Nobel Hòa Bình năm 1986, từ góc nhìn của một nạn nhân trong cuộc, đã giải thích lý do ông viết về kinh nghiệm diệt chủng dân Do Thái như sau:

“Tôi chỉ biết rằng, nếu không có lời chứng này, cuộc đời người viết của tôi - hay chỉ đơn thuần là một cuộc đời, chấm hết – sẽ không thể như hiện nay: một nhân chứng tin tưởng vào trách nhiệm đạo đức của mình trong việc ngăn cản kẻ thù đạt được chiến thắng cuối cùng là tẩy xóa vĩnh viễn tội ác của họ khỏi ký ức nhân loại.”

Elie Wiesel đã định nghĩa hành động viết của ông, vừa với tư cách người còn sống sót, tác giả, người chứng, và người cảnh báo lương tri thế giới. Cũng như Wiesel, Thảo Trường không chấp nhận chuyện quên đi những kinh nghiệm và những nỗi đau của mình, cũng chính vì ý thức trách nhiệm đó, một trách nhiệm lớn lao hơn những ân oán cá nhân. Trong bài tham luận dành riêng cho trang mạng Hội Luận Văn Học, tôi đã viết: “Đối với người Việt nam, sau những lời kêu gọi hòa hợp hòa giải, sau những lời khuyên thức thối và những hứa hẹn rằng hãy quên đi quá khứ để vươn tới những tầng phẩm tương lai, họ vẫn không thể nào quên. Họ là những con người bị chấn thương - những vết thương không được nhìn nhận, không được chẩn đoán, không được chữa trị, sẽ không cách nào lành. Mức độ sưng tấy sẽ tiếp tục tỷ lệ thuận với thời gian. Người viết miền Nam Việt Nam, với kinh nghiệm chiến tranh, ngược đãi, tù đày, chết chóc, sau hơn 30 năm vẫn chưa có được cái may mắn của Wiesel để đồng dạng đứng lên làm chứng trước lương tâm thế giới. Cho đến giờ họ vẫn chỉ làm chứng với nhau, và với chính mình, và cố tìm ra ý nghĩa cho nỗi đau dai dẳng của mình. Để làm gì? Để như Wiesel nói: *Nhân chứng bắt buộc chính mình phải cung khai. Cho tuổi trẻ hôm nay, cho những đứa bé sẽ sinh ra ngày mai. Hắn không thể để quá khứ của hắn trở thành tương lai của những thế hệ sau.*”

Như vậy, nhà văn Thảo Trường, và những nhà văn cùng thế hệ với ông: Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Duyên Anh, Doãn Quốc Sỹ..., cách thức họ viết như ướp đông ký ức, để giữ cho những lời chứng không hư hoại. Hãy lắng nghe những lời chứng đó. Những lời chứng có khả năng vươn tới những thế hệ sau và khả năng ngăn ngừa sự lặp lại của lịch sử. Cũng chính là thứ lịch sử mà Karl Marx đã nói: *Lịch sử lặp lại chính mình, lần đầu như một bi kịch, lần thứ hai như một trò hề.* Chứng nào tiếng nói của nhân chứng chưa được lắng nghe, còn bị làm cho câm lặng, còn bị đánh tráo bởi những ngụy tạo và sự thờ ơ hay thỏa hiệp, thì chứng đó công lý vẫn chưa được thiết lập. Hãy lắng nghe tiếng nói của nhân chứng: hồi ức day dứt một nhà văn, tiếng nói âm thầm giữa những dòng chữ, tiếng gõ phím về đêm, tiếng thì thầm giữa những bụi tre gai, tiếng của đá mục, tiếng của những cơn sốt, tiếng của những miếng vụn vỡ lấp lánh.

Trong mỗi miếng vụn của tiểu thuyết này, chúng ta nhìn thấy phản chiếu của trăm ngàn miếng vụn khác. Mỗi miếng vụn chứa đựng cái toàn thể đã bị vỡ vụn, là lịch sử VN, là thân phận người di dân lưu lạc phát tán trên thế giới. Đây là một cuốn tiểu thuyết trong một hình thức mới, có lẽ ngoài ý muốn tác giả, nhưng lại đạt một hiệu quả không ngờ.. Từ Người Đàn Bà Mang Thai trên Kinh Đồng Tháp viết năm 1964 đến Khẩu Hiệu, Những Đứa trẻ Đầu Thai giữa Hàng Rào, qua Mây Trôi, Đá Mục, Miếng, Ông Bò, Từ Dưới Đỉnh Đồi Nhìn Lên Chân Núi, viết trong những năm

gần đây... Tất cả những mảnh vỡ, những số phận, những cái chết, những vết thương, những nỗi đau, những sự mất mát... đều ám chỉ một điều lớn lao hơn đã xảy ra cho cả một dân tộc. Có thể trong trường hợp này, hình thức những miếng vụn là cách tốt nhất để kể một câu chuyện - cặn kẽ, chi tiết, phóng lớn, với từng lát cắt của da thịt của sự sống được phân tích giải phẫu kỹ càng. Với tất cả những phức tạp, chông chéo, uẩn khúc của lịch sử; không cách nào soi rọi, mổ xẻ một hiện tượng tốt hơn bằng cách đập vỡ nó ra, để nhìn xuyên suốt nó, nhìn tận mặt khuất kín của nó, nhìn những thứ ẩn sâu dưới lớp sơn bên ngoài. Như khi tìm thấy ở hiện trường, một sợi tóc đủ để nói lên một câu chuyện, một cái móng tay đủ để tố cáo một tội ác; thì ở đây, trong mỗi miếng vụn của Thảo Trường chúng ta đều nhìn thấy một tổng thể, tuy đã khúc xạ, đã phân mảnh, đã phát tán, nhưng vẫn mang trong nó cấu trúc di truyền chung, của một thứ DNA chung của một định mệnh dữ dội đã đổ ập lên đầu dân tộc Việt Nam chúng ta.

Những mảnh vụn còn nói lên tính bất định và bất khả tín của những câu chuyện chiến tranh; không có một sự thực tuyệt đối, không có một chính nghĩa cố định, lại càng không có câu chuyện lịch sử chính thống do một giới cầm quyền nhân danh và đòi độc quyền yêu nước yêu dân tộc.

“Trong một cuộc nội chiến đường đạn bắn là vô hình; nó đi xuyên qua trái tim con người.” Saint-Exupéry đã viết trong *Cõi Người Ta như thế*.

Như Thảo Trường đã viết trong *Viên Đạn Bắn Vào Nhà Thục*, viên đạn này mang nhãn hiệu Mỹ nhưng nó có thể đến từ bất cứ phe nào, vì phe nào cũng xài thứ đạn ấy được.

Tôi hình dung đời sống của một người tên Trần Duy Hinh, bị những đường đạn vô hình bắn đến từ nhiều nòng súng, làm cho đời sống ấy bị vỡ toang hoác, thành những mảnh vỡ. Và từ những mảnh vỡ ấy, chúng ta có chân dung nhà văn Thảo Trường, tận tụy dùng những ngày còn lại trong đời, gom góp lại thành Những Miếng Vụn của Tiểu Thuyết.

Vì vậy, tôi đọc Thảo Trường như đọc một tự sự tiểu thuyết. Vì giọng kể nhất quán và cá tính mạnh mẽ xuyên suốt các tiểu phẩm/ mà cũng là chương hồi, tùy theo cách chúng ta đọc. Vì tính cách thiết thân, gắn bó hữu cơ giữa kinh nghiệm của người viết và câu chuyện của tác phẩm. Đây còn là một nhật ký văn chương, viết với công thức 99% sự thực + 99% hư cấu, như ông đã nói. Hẳn thế, vì đời sống của nhà văn Thảo Trường và tác phẩm của ông là một. Vì ông là nhân chứng, và những lời kể của một nhân chứng chính là câu chuyện của đời họ và là lý do mà họ sống, lý do khiến họ không thể nào bỏ cuộc.

Thảo Trường viết để “để đời”, ông đã nói như vậy. Cái để đời, tôi tin rằng không phải chỉ là một cái danh, mà là để đời một hay nhiều bằng chứng, trong tư thế người viết, chứng nhân, nạn nhân, người dấn thân trọn vẹn, và giữ được mình trọn vẹn đến bây giờ. Một sự toàn vẹn sau cùng của nhân cách, trớ trêu thay, lại hiện hình từ những miếng vụn đau thương trải nghiệm trong đời sống.

Những đứa trẻ đầu thai giữa hàng rào

Nhà trẻ kể bên bệnh xá. Trong góc một trại giam. Nhà trẻ có sáu đứa con nít. Bệnh xá có mấy bệnh nhân già. Coi bệnh xá là một tù nam nguyên là y tá ngoài đời. Coi nhà trẻ là một tù nữ án chung thân. Coi cả hai nơi ấy là một công an mà mọi người vẫn gọi là bác sĩ! Sáu đứa con nít đều là con hoang. Mẹ chúng nó là nữ tù bên khu B, đừng hỏi cha chúng đâu vì chúng sẽ không

biết trả lời thế nào. Cũng đừng bao giờ hỏi mẹ chúng nó về chuyện ấy vì rằng đó là chuyện riêng và cũng là những chuyện rất khó trả lời. Thằng hoặc có ai đó được nghe kể thì lại là những chuyện rất tình tiết ly kỳ lâm ly bi đát... chuyện nào cũng lạ, chuyện nào cũng hay... Cũng như khi có ai lỡ miệng hỏi những người nữ tù đó án gì thì thường được trả lời "cháu giết chồng!". Trong khu B trại giam nữ phần đông các nàng đều khoái mang cái án giết chồng và họ thường trả lời như thế nếu bị hỏi, mặc dù có người chưa có chồng bao giờ và bị tù vì một chuyện tào lao nào khác. Đó là một câu trả lời theo một cửa khu B. Trại giam bắt các bà mẹ đi cuốc đất, lũ trẻ con bị gom lại trong một căn buồng và gọi đó là nhà trẻ. Một người coi sóc chúng nó thì được gọi là cô giáo. Lũ trẻ ở với mẹ trong buồng giam, chúng cũng bị sắp hàng điếm danh cùng với mẹ và các nữ tù khác mỗi sáng tối. Chúng là những tù nhân không có án và không có tên trong danh sách tù của Bộ Nội Vụ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa ưu việt. Sáng ra buồng, chúng ùa chạy theo cô giáo sang nhà trẻ để có ăn trong ngày hôm ấy. Tối, khi cô giáo dẫn về khu B chúng ùa chạy về với mẹ để kịp vào buồng giam có chỗ ngủ. Lũ trẻ cũng phải sống theo tiếng kèng nghĩa là chúng cũng phải chạy theo nội qui trại giam. Chúng sinh ra và lớn lên trong trại giam. Chúng không có trách nhiệm gì về tội phạm và luật pháp nhưng chúng lại là những kẻ bị tù đầy. Như thiệt vậy. Và cũng không ai thắc mắc. Đến bữa cô giáo xách xoong xuống bếp trại lãnh cơm cho chúng nó y như các trực đội đi lãnh cơm cho đội. Ngày nào có thức ăn thì chúng cũng được lãnh, ngày nào cơm không hoặc có củ khoai củ sắn thì chúng cũng sắn khoai như các tù nhân khác. Những đứa còn nhỏ cô giáo lấy cơm nấu thành cháo cho nó ăn hoặc uống nước. Đứa nào biết đi biết nói gặp công an phải khoanh tay lại "chào cán bộ". Đứa nào không chào sẽ bị phê bình là "mất dạy" và cô giáo sẽ bị khiển trách là không hoàn thành nhiệm vụ. Từ căn nhà trẻ buổi sáng cũng như buổi chiều thường vang ra tiếng hát "ai yêu bác hồ" hoặc "chúng cháu chào cô ạ". Bác Hồ thì công an bắt cô giáo phải dạy còn chào cô thì cô giáo thích được chào như vậy, cho nên hai đảng tối cao ấy được suy tôn trong nhà trẻ rất có tổ chức và thể thống! Bác hồ thì không hiểu do cái quyền lực ma quỷ nào ở đâu chi phối, nhưng cô giáo thì thực sự do quyền lực của cô tại chỗ, đứa nào hỗn cô bắt quỳ hoặc không cho ăn là sợ ngay. Ban ngày ở nhà trẻ chúng cũng được học chữ và học múa hát, chúng cũng có thời gian chơi đùa với nhau. Đó là những lúc cô nấu ăn, tắm rửa cho mấy đứa còn nhỏ hoặc lúc cô bận nói chuyện với anh y tá... Trong sáu đứa thì ba đứa lớn hơn thích chơi trò công an. Con Ti bảy tuổi tù, khôn vô cùng, mẹ nó không kể chuyện về bố nó cho ai nghe bao giờ, chắc là tình buồn, chỉ thấy mẹ con nó chuyển đến trại này lúc con Ti còn bé ngựa. Thằng Bắc cũng bảy tuổi nhưng phải gọi con Ti là chị xưng em đàng hoàng nếu không con Ti nó chửi cho. Kế đến là thằng Cọp, sáu tuổi, khoe có bố, người Thượng, nên mẹ nó đặt tên như thế cho có vẻ nhớ rừng. Thiên tình sử của mẹ nó rất là ly kỳ. Mẹ nó có chồng có con, chồng mẹ nó tập kết ra Bắc 54 khi đứa con của hai người mới đẻ. Đại thắng mùa xuân, chồng bà ấy trở về làm cán bộ huyện ủy ngay tại quê nhà, bà ấy hạnh diện được mấy tháng, đứa con đã hơn hai mươi tuổi cũng hạnh diện được mấy tháng, thế rồi mẹ đi tù chung thân sau giảm xuống hai mươi năm, thằng con bị tử hình. Hỏi mẹ thằng cọp tội gì, lần nào và bao giờ bà ấy cũng nói:

"Tôi chỉ cầm cái đèn."

"Chỉ cầm đèn mà tù chung thân?"

"Tôi cầm đèn soi cho thằng con tôi nó bỏ."

"Bỏ?"

"Đạ. Nó cầm búa bổ vào đầu cha nó!"

"Chồng bà?"

"Đúng. Chồng tôi. Cha nó. Bị ông đánh tôi hoài, đánh đau quá, con tôi nó thương tôi, tôi thù ông ấy, nên hai mẹ con phải... giải quyết. Buổi tối như mọi tối, ông ấy say rượu về chửi mắng tôi một hồi rồi cầm cây dượt đánh tôi. Tôi bỏ chạy ra đồng, con tôi chạy theo mẹ. Ở ngoài đồng mẹ con tôi khóc với nhau. Trước kia, khi ông ấy đi làm cách mạng, hơn hai mươi năm không có ông ấy ở nhà, mẹ con tôi sống yên ổn. Đại thắng trở về, ông ấy đem theo một bà vợ bắc, tạt uống rượu đế và đánh đập vợ con. Tôi nghĩ khổ quá, thà ông ta cứ đi kháng chiến, thà ông ta cứ làm cách mạng, thà ông ta cứ đi xa, thà ông ta đừng trở về... Thằng con tôi nó nói "thì lại cho ông ấy đi xa,

hai mẹ con lại sống với nhau như xưa.” Thế rồi mẹ con tôi mò mẫm trong đêm tối trở về nhà, ông ấy ngủ say trên bộ ván ngựa, thằng con tôi đi lấy cái búa, tôi đốt đèn dầu, cầm giơ cao soi cho nó thấy rõ. Mà bỏ. Con tôi nó bỏ cả chục nhất, ông ấy không kêu được tiếng nào. Ngày hôm sau vợ hai của ông ấy từ trên huyện về nhận xác chồng tôi đem an táng tại nghĩa trang liệt sĩ. Nghe nói đám tang lớn lắm, có nhiều vòng hoa, có người đọc điệu văn nữa, tôi chỉ nghe nói thế vì ngay đêm hôm đó mẹ con tôi bị bắt giam ở công an huyện. Ở tù cho đến bây giờ vẫn chưa hết tù.”

“Nghe nói thằng con...”

“Ờ, nó bị tử hình vì tội ám sát cán bộ nhà nước. Bắn ngay.”

Bà ta nói đến đó kéo thằng Cọp vào lòng ôm cứng:

“Mất thằng đó tôi có thằng này. Ở tù được gần mười năm tôi buồn quá sẵn có người đàn ông gạ gẫm, tôi bèn cho, mấy lần thì có thằng này.”

“Trại giam nữ biệt lập làm sao có bầu?”

“Hỏi ngớ ngẩn, bà ta nói, trong trại toàn nữ nhưng ngoài trại cũng có đàn ông chứ. Có đực, có cái là có thể có con được.”

“Cái bên trong hàng rào kẽm gai, đực bên ngoài hàng rào kẽm gai. Làm sao? Bộ thằng cu này nó đầu thai ngay giữa hàng rào kẽm gai à? Vô lý! Mới chỉ có thụ tinh trong ống nghiệm chứ làm gì có thụ tinh giữa hàng rào kẽm gai.”

Mẹ thằng Cọp dắt con đi, bà quay lại nói câu chót:

“Làm sao có con thì thôi, mình mất một lấy lại một, tôi sẽ sống với thằng này khi ra tù cũng như trước kia tôi đã sống với thằng lớn. Tôi vẫn hai mẹ con. Và chỉ hai mẹ con. Không có kẻ nào chen vào phá vỡ được tình mẹ con tôi.”

Mẹ con thằng Cọp đực tiếng là thương nhau nhất trong sáu cặp mẹ con trong trại giam.

Người ta kể rằng bà ta thường để dành đồ ăn của bà cho thằng con, bà thường ngồi quạt cho con ngủ trong những đêm hè nóng nực ở buồng giam... Thằng Cọp cũng thương mẹ nó, ban ngày ai cho gì nó thường để dành đến tối cho mẹ. Những lúc được nghỉ mẹ con thường quẩn quýt nhau hơn là đi chơi với người khác. Ba đứa lớn là con Ti, thằng Bắc và thằng Cọp thường chơi trò làm công an hoặc diễn tuồng cải lương. Chơi trò công an thì con Ti nhận vai cán bộ chấp pháp, thằng Bắc làm trật tự, thằng Cọp làm tù... do đó con Ti được quyền chửi thằng Cọp: “Tao còng đầu mày” Thằng Bắc được quyền trói thằng Cọp. Thằng Cọp thì phải nói với con Ti là “Thưa cán bộ”. hằng ngày chúng nghe công an nói năng quát mắng tù làm sao thì chúng lại diễn in như thế. Cũng có khi ba đứa lớn diễn tuồng cải lương thì con Ti làm hoàng hậu, thằng Bắc làm vua, thằng Cọp làm quân sĩ. Vua gọi “quân sĩ đầu” thằng Cọp phải “dạ” thật lớn. Hoàng hậu sai làm gì quân hầu phải quỳ xuống “tâu vâng”. Được cái thằng Cọp cũng dễ bảo và nó làm tuồng cũng có vẻ dễ ợt. Khách giả là ba đứa nhỏ mới biết bò trên nền nhà hoặc nhốt trong cái cũi bằng gỗ gọi là cái nôi. Chuyện tưởng không ai biết nhưng ở trại giam sao cái gì cũng bị báo cáo lên cai tù hết, cho nên cán bộ chấp pháp đã rình xem được đủ cả cảnh ba đứa trẻ diễn trò chức năng và nghiệp vụ của mình một cách rất sống thực. Anh ta tức quá bèn “cách chức” cô giáo cho đi cuốc đất, tuyển một nữ tù khác coi nhà trẻ.

Đứa nhỏ nhất trong đám là con bé mới tám tháng tuổi. Mẹ nó trước kia khiêu vũ rất đẹp, chơi tứ sắc cũng rất bèn lì, ở tù vì vượt biên có tổ chức và có súng. Cũng tính một ăn cả ngã về không, “một là nuôi cá, hai là nuôi má ba là má nuôi”, chẳng may má nuôi thật. Trong tù buồn quá bèn yêu một anh chàng tù nam ở khu A. Anh này là dân giang hồ, không chịu được cảnh đàn áp chơi cha thiên hạ của nhà cầm quyền nhà quê ngoài kia vào cưới đầu cưới cổ, trong một lần xích mích ở khu phố anh bèn lụi mấy dao... thế là cũng chung thân. Ở Chí Hòa, gây lộn, anh ta lại lụi mấy cái dùi, thêm một cái chung thân nữa! Một chung thân nếu được giảm may ra còn có ngày về, hai cái kể như “thua” luôn, anh ta nói thế, cho nên sống trong trại giam anh ta “xù” tất cả. Muốn cái gì là làm cái ấy, muốn nghỉ là nghỉ, nhưng được cái anh ta vốn dân giang hồ cho nên nhiều lúc rất dễ thương. Anh gặp chị ngoài sân trại mấy lần. Nhìn. Cười. Cười lại. Nhìn lại. Thế là thân nhau. Khi hai người ở hai khu A và B nhìn nhau cách một cái sân bèn nghĩ ra kế truyền tin cho nhau bằng cách dùng cây chỉ lên những chữ thích hợp trong các chữ ở những

khẩu hiệu trên tường nhà giam. Những chữ "thương nhiều, nhớ nhiều; thương hoài, nhớ mãi" được hình thành qua những xô dịch của đầu gậy trên những khẩu hiệu chữ lớn màu đỏ sặc sỡ. Chị đánh tín hiệu xong anh đánh trả lời, những buổi chiều đẹp như thế là những kỷ niệm họ không bao giờ quên. Một lần gặp nhau ngoài sân trại anh nói:

"Những khẩu hiệu hoan hô đã đảo sơn đầy rẫy trên tường tường vô bổ hóa ra cũng có ích."

Chị nói:

"Đừng tưởng bác hồ vô tích sự, nhờ những khẩu hiệu hoan hô bác, hoan hô đảng mà mình thông tin được cho nhau."

Anh buột miệng:

"Bố tiên sư nhà nó!"

"Anh nói gì?"

"À, không, anh chửi cái cột đèn..." " Em không thích anh vắng tục lúc này."

"Được thôi."

Trong những giờ phút ngắn ngủi được ra ngoài sân gặp nhau vào những buổi chiều nghỉ, dưới bao nhiêu con mắt theo dõi canh chừng của trật tự và công an trại, tù nhân cần phải tranh thủ, cái gì cũng thật nhanh, thật gấp, hết giờ là phải trở về khu của mình nhìn nhau từ xa mà thôi. Một lần anh ta nói với chị:

"Anh thèm em quá."

"Biết rồi. Ở đây ai cũng thiếu cũng thèm cả."

"Bây giờ làm sao?"

Anh cầm đại bàn tay chị nhét vào giữa hai đùi mình mà kẹp và nghiêng răng mà day, chị nhẩn nại gỡ ra:

"Tụi nó đang nhìn kia."

Anh thả tay chị ra thờ dãi:

"Đau thật. Giữa thời này mà cầm tay nhau cũng không được, mẹ nó, nếu ở Sài Gòn lúc này tụi mình chơi nhau đã đời."

Chị huých khuỷu tay vào sườn anh mắt thì lườm, dài ra, có đuôi. Anh nói:

"Anh chẳng có ngày về. Chắc chắn là như vậy. Em còn mấy năm nữa?"

"Tám."

"Như vậy nhiều lắm em cũng chỉ phải ở sáu năm nữa mà thôi."

"May ra là như vậy."

Sau lần gặp ấy chị thương anh vô cùng chị diễn tả "không biết thế nào mà nói".

Thế rồi chị tính toán theo ý chị. Chị sẽ không mặc đồ lót. Chị sẽ mặc một cái quần mỏng mở chỉ hở dưới đáy. Cái quần cũng được luồn dây thung nhẹ. Chị thử kéo lên tuốt xuống thấy nhẹ thì rất ưng ý. Chị cũng thử khom khom lưng và nghĩ làm sao cho anh được dễ dàng nhanh chóng, phải tạo điều kiện thuận tiện nhất cho anh ta hành sự. Thời gian không có nhiều. Tất cả chỉ trong nháy nháy. Chóp mắt. Là phải xong. Thời giờ là vàng bạc. Cái này cũng giống như chiến thuật mà các anh cán bộ cách mạng hay khoe "đánh mạnh, đánh mau, rút lẹ". Phải dùng sách của các anh mới được. Sách của giới giang hồ chúng tôi là "bắn chậm thì chết". Lớ ngớ còn đang thập thò mà các anh bắt được thì... tù một gông. Chị cũng bàn trước với anh để về phần anh cũng phải chuẩn bị không để một cái gì cản trở, như "Mỹ họ lắp ráp phi thuyền trên vũ trụ ấy", như pháo binh "nhanh chóng, chính xác và hiệu quả", như cán bộ vẫn leo leo "tư tưởng thông hành động đúng" ấy, anh hiểu chưa, khổ quá! Phải tập cho thuộc để khi có dịp là bập liên nghe chưa anh yêu! Như vậy mà được đấy. Những mấy lần cơ. Có lần chiều sắp tối, trời lại lát phát mưa, chị tình nguyện đi lãnh cơm cho đội. Từ bên khu A theo dõi anh thấy và cũng mặc áo mưa đi xuống bếp trại. Khi trở về hai người ôm hai xoong cơm, liếc nhìn không thấy thì đua trật tự đâu, đến một chỗ hàng rào khu, kẽm gai đơn thưa thớt mấy sợi, chị bèn đứng lại khom lưng xuống chống hông sang phía anh, xoong cơm của đội chị vẫn ôm nơi bụng, từ bên kia những sợi kẽm gai, anh luồn tay sang níu hai bên hông chị ghì tới... Chị nghe có tia nước ấm áp phóng sang và chị cảm thấy thành công và thắng lợi. Hai tay anh buông lỏng ra, chị còn nghe tiếng anh thờ hổ hển, chị đứng thẳng người lên, vẫn ôm xoong cơm của đội nơi bụng, chị liếc nhìn sang anh,

miệng cười như mếu rồi bước vội về buồng giam của mình. Anh ta cũng lật đặt cái áo mưa lại, cầm cái xoong cơm treo trên cột hàng rào rồi cũng quay bước về phòng mình. Hai người hai hướng tâm lặng và xót xa. Đứa con được tạo thành trong những cơn mê mẩn ấy. Khi biết mình có bầu, chị dấu kín không giám cho ai biết. Giám thị trại giam biết được họ sẽ bắt chị phá thai và cùm ở nhà kỷ luật cả hai người. Chị dấu kín cho đến khi nào không dấu được nữa. Chị nói cho anh biết là chị sẽ không nói ai là bố đứa bé, chị sẽ giữ bí mật làm kỷ niệm đời mình. Chị sẽ có nó bên mình khi ra tù và dù không bao giờ anh về, không bao giờ được sống chung với anh thì cũng có đứa con với anh để mà thương mà nhớ. Chị sẽ bảo vệ nó để nó được ra đời làm người. Chị nói với anh rằng bí mật này chỉ anh biết và anh sẽ không lo bị liên lụy. Mình chị sẽ đối phó với tất cả bạo quyền để chị và con chị được tồn tại. Chị sẽ ra khỏi tù với một đứa con của tình yêu giữa một xã hội bất nhân, bất nghĩa và độc ác! Và rồi khi ra được ngoài chị cũng sẽ lại tìm cách dẫn con chị đi tìm một xứ sở khác mà sống. Chị sẽ đưa con chị đi, đi đâu cũng được, miễn là không phải sống trong cái chế độ khốn nạn này. Chị dấu diêm được sáu tháng thì bị lộ. Cái bụng chị lớn phình ra, ghen nó cũng vượt mặt. Trong phòng bàn tán, rồi trong khu bàn tán, rồi cả trại bàn tán. Chúng hỏi chị, rồi chúng gọi y tá khám thai, chúng nhốt chị trong nhà kỷ luật, chúng cùm một chân chị, chị vẫn không khai ra anh. Tức quá tên thượng úy Ban đá vào bụng chị chửi: “Địt mẹ, không khai ra tao đá chết cha cả mẹ, cả con mày. Mày ngủ với thằng nào hả?” Chị ngồi co quắp, dùng hai chân hai tay bảo vệ cái bụng, chị nghĩ chết thì chết cả mẹ lẫn con cũng được. Tên Ban đấm đá chị nhiều nhất vì hắn là K trưởng. Coi trại tù mà để cho tù có bầu thì hắn sẽ bị mất điểm thi đua hằng năm, hắn sẽ không khá lên được. Nhưng thấy chị lý quá, chỉ ngồi khóc mà không chịu khai, hắn chửi:

“Địt mẹ, phải có một thằng nào chứ? Không có thằng nào thì làm sao có con ”loãng quăng” trong bụng mày được? Tại sao mày không nói?”

Thấy chị vẫn chỉ khóc hắn hét lên:

“Tao cho mày đi bệnh viện nhà nước móc cái của nợ ra, chết rán chịu.”

Chị hoảng quá lấy tên Ban:

“Lấy ban, xin ban cho tôi nuôi, nó là con tôi, để ra tôi nuôi con tôi.”

Hắn hét lên:

“Địt mẹ mày, mày có biết mày đang ở tù không? Cái thân mày nhà nước còn phải nuôi, bây giờ mày nói mày nuôi con mày vậy lấy cái máu để mà nuôi à? Mày có biết mày sướng có một tý mà bao nhiêu người khổ vì mày không? Tao ăn làm sao nói làm sao với lãnh đạo bên trên, hả?” Nói rồi hắn lại đấm đá túi bụi vào người chị. Hắn cố ý đá vào bụng chị cho cái thai phải ra, hắn thù đứa nhỏ trong đó hơn là ghét chị, chị cố chịu đòn để bảo vệ con. Khi còn một mình trong nhà cùm, chị thiếp đi rồi tỉnh lại, tỉnh lại rồi thiếp đi. Có lúc chị kêu lên với mình:

“Con ơi!”

Nửa đêm một tên cầm đèn pin vào phòng giam, hắn để cái đèn pin đứng chĩa thẳng lên trần, ánh sáng đèn dội xuống đủ cho chị nhìn thấy hắn là cán bộ giáo dục, hắn cũng đội mũ kết... cũng phù hiệu đỏ của ngành công an nhân dân... cũng sao thượng úy trên cổ áo... cũng mang dép râu ở chân... Hắn đạp dép bình trị thiên lên mặt chị... hắn dẫm cái dép kháng chiến vào bụng chị... chị co mình ôm lấy bụng che chở cho cái bào thai, hắn bèn đạp thí mạng lên người chị, chỗ nào cũng được. Đau quá chị la lên hắn bèn cúi xuống vả vào mồm chị, đấm vào mắt chị nẩy đom đóm, hắn nhỏ nước bọt vào mặt chị, hắn chửi ”địt mẹ” um xùm. Rồi hắn vạch quần chĩa cái dương vật đen đũi lủng lẳng đái tè tè vào mặt chị làm chị sặc sụa. Chị lợm cổ ói mửa ra nước mật đắng. Chị ngộp thở và khóc òa nức nở. Hắn vẩy vẩy con cu cho những giọt nước đái chót văng xuống rồi mới nhét vào trong quần. Nước mắt và nước đái lại khiến chị tỉnh ra. Chị nghe hắn nói:

“Như thế cho mày tiến bộ hơn lên.”

Tiếng tên Ban nói ngoài cửa:

“Thôi đi ra, thôi quá, chắc đồng chí đánh nó vãi cứt ra rồi. Thử ít đòn trên da thịt người đẹp Sài Gòn xem nó thế nào thôi.”

Sáng sau khi chúng lôi chị ra khỏi nhà cùm thì tóc tai mặt mũi chị dính đầy cứt. Chúng đưa chị đi

bệnh viện tỉnh để nạo thai, chị vùng vẫy chống cự không chịu ra xe, tên Ban lại đấm đá chị túi bụi, những người trông thấy đều xót xa cho chị. Tên Ban quát:

“Đi tống nó ra rồi còn về lao động, một đũa đẽ nằm đó là trại mát một công lao động, hiểu chưa?”

Bọn chúng túm chị lôi ra xe rồi còng tay chị vào ghế xe chạy đi.

Nhưng bệnh viện không dám nạo vì họ nói cái thai đã quá lớn, sắp đến ngày đẻ, họ trả chị về trại. Chúng không làm gì được cái thai nên nhốt chị trong nhà cùm, chúng còn dọa cùm cho đến chết luôn. Chị nằm trong nhà tối lạnh lẽo đau đớn đói bụng nhưng chị lại thấy mình hạnh phúc. Cái thai cựa quậy chị cũng vui. Cái thai đập vào da bụng chị lồi lên làm chị phì cười. Chị cười và chị vui trong bóng tối. Đến một hôm chị nghe tiếng anh ở gian kế bên gọi, lúc đầu chị sợ quá, sau thì chị cũng cảm động. Hai bên không trông thấy nhau mà chỉ nghe tiếng nói của nhau, như thế, chị nghĩ cũng được an ủi lắm. Hai người có lúc đã thông tin với nhau bằng cách chỉ chữ trên khẩu hiệu thì bây giờ tuy không thấy mặt nhưng trao đổi bằng chính tiếng nói của nhau thì cũng đã mãn nguyện lắm. Chị được anh cho biết là anh đã nhận là cha của đứa con, chúng nghi ngờ anh và chúng gọi anh lên hỏi, anh thấy là anh cần phải nhận, nhận không phải vì anh sợ chúng mà vì anh là bố của con anh, anh nhận vì anh có trách nhiệm với nó và anh phải xác nhận điều đó. Chúng trói anh lại đánh anh thừa sống chí chết. Tên thượng úy Ban vừa đấm đá anh vừa chửi rửa thậm tệ, làm như chúng đánh ghen không bằng, anh nói với chị như thế. Nhờ thời gian bị giam chung trong phòng tối nhà kỷ luật hai người có thêm những kỷ niệm. Buổi sáng chị hỏi: “Anh uống cà phê đen hay cà phê sữa?”

“Cà phê sữa.”

“Anh ăn hủ tiếu hay ăn mì?”

“Hủ tiếu.”

“Nấu khô hay nước?”

“Khô. Thôi em đừng hỏi nữa, anh thèm quá.”

“Em cũng thèm quá và đói bụng nữa. Tiên sư chúng nó!”

“Thôi đừng chửi nữa, không có đứa nào nó nghe thấy cả.”

“Dạ.”

Im lặng hồi lâu.

“Nó đập em.”

“Đứa nào dám đập em?”

“Con.”

“À, thích không?”

“Dạ, thích lắm.”

Lại im lặng.

“Buồn không?”

“Buồn.”

“Đưa em đi phố nghe?”

“Được thôi.”

“Coi phim nhé?”

“Xong ngay, coi phim cũ, Lost command, Anthony Quinn đóng, được không? Sau đó đi nhảy ở Queen bee. OK?”

“Thế... không ăn gì à?” Cả hai cùng cười khúc khích.

“Có, trước khi đi nhảy mình ăn cơm tàu, nửa đêm đi ăn bánh cuốn và cháo sườn bàn cờ. Có thích phở Lạng Sơn không, phở chua ấy?”

Có khi giữa ban ngày cũng:

“Chúc ngủ ngon nghe.”

“Good night...”

Sau một tháng cùm kẹp, chúng thả chị ra nhưng chúng đưa anh sang một trại giam khác, chia cách hai người. Chúng bắt chị đi lao động đến tận ngày đẻ. Đứa con ra đời ban đêm trong trại tù, trong sự đùm bọc của rất đông nữ tù đồng cảnh với mẹ nó. Một tháng sau chị phải gửi con

bên nhà trẻ và chúng bắt chước đi cuộc đất như trước. Đứa trẻ lớn dần lên trong trại giam cùng với những đứa đồng cảnh của nó. Tù trong trại khi nói đến chúng có người hỏi không biết những đứa này, đứa nào sẽ là chủ tịch tổng thống nữ hoàng thủ tướng vua quan sư sãi cha cố thầy bà tướng tá đồng chí đảng viên cướp giết buôn lậu hiếp dâm ăn tục nói phét dân biểu nghị sĩ trí thức mù chữ tù nhân cai tù... đứa nào sẽ là bác là đảng... đứa nào sẽ là anh hùng, là nhát gan... đứa nào sẽ là nhà văn nhà báo... Đứa nào? Trong số tụi bay, ừ, đứa nào trong số tụi bay sẽ là chính nhân quân tử, nhỏ nhen, hèn mọn? Cút chó khô ba nắng! Và còn lại đứa nào, ừ, còn lại đứa nào nhĩ để làm dân đen?

*

Bác già cầm cái quạt nan ra ngồi băng gỗ ngoài vườn trước bệnh xá. Bác phe phẩy cái quạt nhìn những toán tù nhân lũ lượt kéo nhau về. Bác nhớ lại mình trước đây cũng thế, có khi mặc luôn quần áo ướt mà về trại cho tiện khỏi phải thay đổi mang theo mất công. Ở tù phải thu xếp sao cho càng giản tiện gọn nhẹ càng tốt. Bệnh xá có mấy bệnh nhân già thường trú chờ ngày về. Một bác bị tai biến mạch máu não. Một bác lao phổi thời kỳ chót. Một bác cắt ruột dư vết mổ nhiễm trùng chảy mủ hoại không lành. Một bác bị lác đồng tiền sần sùi khắp mình mẩy. Một bác bị sốt cấp tính thể não phát điên khủng xém chết. Một bác trụ tim... Các bác tự gọi mình là tù binh hưu trí không có chính quyền nào nhận lãnh! Mỗi tháng các bác chờ gia đình vợ con họ hàng lên thăm nuôi tiếp tế và nghe hỏi "bao giờ về", để rồi trả lời "sắp". Tháng nào cũng vậy!

*

Lũ trẻ kéo nhau sang chào ông ngoại. Ba đứa lớn, nguyên gánh hát, không có đám khán tí hon. Bất buộc, giờ này chúng đã được cô giáo bế về trả cho mẹ chúng nó bên phòng giam. Ba đứa lớn biết hôm nay có một ông ngoại có thăm nuôi nên chúng chạy sang chào. Và chờ. Thông cảm, chúng còn nhỏ nhưng chúng cũng là người nên cần những thứ mà cơ thể đòi hỏi. Ông ngoại cũng biết thế và ông ngoại có những thứ mà chúng thèm, dù không thừa thãi, nhưng ngoại già rồi, ngoại ăn nhiều rồi, ngoại hưởng thụ nhiều rồi, ngoại đã nếm đủ thứ mùi đời, ngoại đã từng đi Tây Tàu Nhật Mỹ, ngoại đã được "nhất dạ đế vương"... thì ngoại có thể nhín ra cho chúng chút ít. Chúng mới ra đời, lại ra đời trong một cái nhà tù, lại là cái nhà tù cộng sản lấy khoai sắn làm nền tảng chiến lược dinh dưỡng và sự giả dối lừa bịp là văn hóa sáng tạo trí tuệ... chúng thiếu ăn mà chúng còn thiếu những điều kiện làm người, chúng là những kẻ đã bị tước đoạt tất cả mọi thứ kể cả cái quyền ra đời của chúng. Chúng mà ra được cái cõi đời oe oe khôn khổ này đã là một sự thoát chết. Chúng thèm ăn thèm uống thèm mặc thèm chơi đùa cho nên ngoại ngồi chờ sẵn ở đó. Với lại ngoại cũng buồn chán cô đơn bỏ mẹ. Ngoại cũng muốn thấy chúng, cũng muốn nói và nghe chúng nói. Mấy câu. " Cũng đủ lãng quên đời". Sau nghi lễ chào hỏi, ông ngoại cho phép chúng ngồi trên băng ghế với mình, ngay ngắn rồi, con nữ hoàng vào đề ngay:

"Hôm nay ông ngoại có thăm nuôi?"

Thằng Cọp quân sĩ:

"Hồi chiều ở bên nhà trẻ chúng con trông thấy ông ngoại mặc đồ đẹp."

Ở trại giam khi mặc đồ đẹp là đi gặp gia đình. Thấy ông ngoại cứ ờ ờ thằng vua sốt ruột:

"Sắp đến keng nhập buồng rồi ông ngoại."

Ông ngoại phì cười nhìn đám trẻ tương lai của đất nước nói riêng, nhân loại nói chung:

"Xong rồi, quý vị đừng có lo, tôi đã biết phải làm gì và tôi đã sắp sẵn, quý vị nói chuyện tôi nghe mấy câu đi."

Con cán bộ chấp pháp lại khôn:

"Thằng Bắc đừng có vôi vỉnh ông ngoại. Hồn. Cô giáo bảo trẻ con không được đòi hỏi."

Ông ngoại lên tiếng hỏi:

"Ở đây mới có ba đứa, còn ba đứa nữa đâu?"

Thằng trật tự can thiệp ngay:

"Chúng con mang về cho các em ấy."

Con nữ hoàng kẻ lẻ:

“Mẹ chúng ẵm chúng ra ngoài khu vui chơi nói chuyện với bố.”

Thằng vua:

“Má con Tiểu hỉ cũng có bố rồi.”

Thằng quân sĩ:

“Má con không có bố.”

Con chấp pháp thẩm vấn:

“Ai thăm ông ngoại?”

Thằng tù Cọp:

“Bà ngoại thăm ông ngoại?”

Ông ngoại buồn:

“Bà ngoại ở bên Mỹ.”

Thằng quân sĩ phỏng vấn:

“Thế ai thăm ông ngoại?”

Ông ngoại khai:

“Bà hàng xóm của bà ngoại lên thăm ông ngoại.”

Lũ trẻ nhâu nhâu:

“Ông ngoại có thăm thêm giờ không?”

“Thăm thêm giờ là ”bà ngoại nhí” có bầu.” ” Bà ngoại nhí” sẽ đẻ ra em bé.”

“Ông ngoại sẽ có con như tụi con.”

Con nữ hoàng chọt la nhỏ:

“Ông ngoại đừng thương ”bà ngoại nhí” nghe.”

“Tai sao?”

“Để ông ngoại thương tụi con.”

“Ờ, cũng được, tụi bay ở tù miết hóa ma mãnh hết. Ngồi chờ đây tao vào lấy quà cho.”

Bác già vào phòng mang ra một cái bị cói đưa cho ba đứa trẻ:

“Trong này có sáu gói bằng nhau và giống nhau cho sáu đứa, lớn nhỏ gì như nhau hết, ông ngoại cho các con mang về chia nhau. Ngoan, ông ngoại thương.”

Ba đứa trẻ nhảy từ trên ghế xuống đứng khoanh tay cảm ơn ông ngoại. Thằng vua và thằng quân sĩ khiêng cái bị đi trước, con nữ hoàng hay con đệ nhất phu nhân gì đó đi sau. Kềng vào phòng đồ hồi, ba đứa trẻ cũng rảo bước chạy nhanh về phòng giam của chúng như những tù nhân khác trong trại. Cái bị cói ông ngoại xách thấy nặng thế mà mấy đứa trẻ mang như bay. Bác già cầm quạt nan che lên đầu dù là trời sắp tối, chậm chạp đi vào phòng bệnh. Bác ở tù đến năm thứ mười bảy và vì là tù binh không có án cho nên bác cũng không biết đến bao giờ mới hết. Bác không thuộc một chế độ nào nữa cả, bác thuộc về lịch sử. Vào phòng bệnh bác chui vào mùng cho khỏi muỗi, nghĩ tới những người tù trẻ mới bị bắt và những đứa bé mới sinh ra đời.

Thảo Trường, nhà văn dẫn thân với nỗi ý thức không rời...

Nguyễn Vy Khanh

Lời mở : Cuối năm 2005, nhà văn Thảo Trường đã cho xuất-bản tác-phẩm thứ 20 của ông, tập truyện Miếng (Quyển Book). Chúng tôi nhân đây giới thiệu tổng quan những điểm chính của sự nghiệp nhà văn qua các tác-phẩm chúng tôi đã có thể tham khảo ở hải-ngoại.

1.

Miền Nam Việt Nam tự-do (1954-1975) đã là vùng đất màu mỡ sung-mãn cho một nền văn-nghệ tự-do, khai-phóng và đa dạng nhất trong lịch-sử văn-học Việt Nam thời hiện-đại. Trong khi miền Bắc treo bút và cầm tù những văn-nghệ sĩ Nhân Văn giai-phẩm và tất cả những ai không bẻ cong ngòi bút tuân hành những chính-sách và nghị-quyết văn-hóa của Đảng, miền Nam đã

chúng kiến một hồi-sinh văn-nghệ từ những người kháng chiến trở về và từ những người di cư từ miền Bắc và Trung; riêng những người sau họ đến miền Nam với hành trang văn-nghệ và trí thức. Tất cả hòa nhập vào giòng văn-nghệ đã lớn mạnh từ những năm cuối thế kỷ XIX, nơi đó báo chí và xuất-bản phẩm đã có một quá trình lịch-sử và cũng nơi đó, một truyền-thống văn-nghệ trình diễn đã ăn sâu vào lòng người dân.

Thật vậy, trong khi miền Bắc trói buộc người văn-nghệ sĩ sáng tác theo khuôn mẫu khắc nghiệt của một nền văn-nghệ “phải đạo”, sáng tác trở thành chỉ thị, tuyên truyền, thứ văn-chương không thể làm rung động và hấp dẫn người đọc – những con người thực, thì trong Nam, các nhóm *Sáng Tạo*, *Bách Khoa*, thơ tự-do, văn-chương hiện sinh, Tiểu-thuyết mới, v.v. đã nở rộ và lan từ thủ đô Sài-gòn ra đến các tỉnh miền Trung và lục-tỉnh. Khi tiếng súng đảo chánh do ngoại bang hỗ trợ nổ lên ngày 1-11-1963, văn-học đã rẽ sang một lối khác, có vẻ tự-do hơn nhưng thực sự khó khăn và rời theo đà leo thang của cuộc chiến, đã xâm nhập những vùng nhạy cảm và đã phải thám hiểm cả những bề sâu của ý thức và tình cảm. Trong không khí chiến-tranh mở rộng và đụng chạm đến tất cả mọi tầng lớp dân chúng, lao động, học sinh, sinh viên cũng như trí thức đó, đã xuất hiện một số tác-giả “dấn thân” đồng thời với văn-chương xám. Xám vì đi ngoài quỹ đạo xuất-bản chính thức nhưng phần lớn vẫn phải thông qua chế-độ kiểm duyệt. Những tạp-chí *Hành Trình* (1964-1965), *Trình Bày* (1966), *Đất Nước* (1967-70), *Đổi Diện* (1969),... nối tiếp nhau phát biểu một cái nhìn không chính thức và có vẻ đáp ứng một lương tâm muốn thẳng thừng, chân thành của người bên này chiến tuyến. Nhà văn Thảo Trường đã xuất hiện trong tình cảnh đó của đất nước. Các truyện ngắn Ông Du Đãng, Mặt Đường, Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp, Cái Mặt Người, ... của ông trên *Hành Trình*, rồi những Rụng Rời Tay Ngọc, Chấm Dứt, Viên Đạn Bắn Vào Nhà Thục, ... trên *Đất Nước* đã thuộc về mảng văn-học dấn thân này. Tuy nhiên, ông đã bắt đầu viết trước đó với các truyện ngắn đăng trên tạp chí *Sáng Tạo* (Hương Gió Lướt Đi, Riêng Tư, Làm Quen, Màu Và Sắc, ...). *Thử Lửa*, tập truyện ngắn đầu tay do cơ-sở Tự Do xuất bản năm 1962, đã loan báo chiều hướng của cây bút Thảo Trường. Phần lớn của 13 truyện ngắn xem như đầu tay này đã nói lên những băn khoăn, trăn trở của một thanh niên trẻ – là tác-giả thời đó (ông sanh 25-12-1938). Làm người Việt Nam không dễ, chỉ vì “hai chủ nghĩa khác nhau mà thành thù địch”! Phải “quạt khói đen ra khỏi sông núi” mới nhận biết bên kia sông có người! Nhìn quê-hương chiến-tranh để nhìn ra người (Làm Quen)! Trong Cái Hố, nhân-vật chính qua chuỗi sự việc diễn biến đã bùng mở ý thức về cuộc đời, con người, như một hành trình hiện sinh của ý thức! Cuộc đời có khi bị nhìn như thừa thãi, vô ích, nhưng khi sống khó khăn (nhân-vật Lại phé binh bị cụt hai chân phải ngồi xe lăn) thì lại ham sống! Tìm ra được ý nghĩa sự sống, cuộc đời và con người thì đã phé tậ! Một số phê-bình thời bấy giờ đã nghi ngờ con đường ý thức mà Thảo Trường đã bước những bước đầu trong tập truyện này.

Đến truyện-vừa *Chạy Trốn* do nhà Nam Sơn xuất-bản năm 1965, Thảo Trường thật sự đánh dấu một dứt khoát của dấn-thân và của một ý-thức muốn khác dòng tâm-thức đang thịnh-hành. Thật vậy, cùng với những trí thức, giáo sư đại học, trung học và nhà văn “cấp tiến” khác (Nguyễn Văn Trung, Trịnh Viết Đức, Lý Chánh Trung, Thế Nguyên, các LM Thanh Lãng, Nguyễn Ngọc Lan, Trương Bá Cần, ...), và khác với một dòng vận động trí thức khác, mạo danh “dân tộc”, của những kẻ nằm vùng (Lữ Phương, Vũ Hạnh, Ngụy Ngữ, Trang Thế Hy, Trần Hữu Lục, Thế Vũ, ...), Thảo Trường đã, qua các sáng tác văn-chương, vạch một ranh giới giữa vô thức và ý thức tích cực, giữa một dấn thân dù chân trời chưa rõ nét và một buông tay, chịu trận số-phận. *Chạy Trốn* là chuyện của Lực, suốt đời chạy trốn và “không có lúc nào được nhìn về chính con người của nó. Đôi mắt nó từ lâu rồi luôn luôn phải lừ lừ nhìn về xung quanh để phòng..., một con quay không ý thức được về mình” (tr. 25). Chạy trốn lính lê-dương để Hiền, cô bạn gái bị bọn người ngoài dày xéo. Chạy di cư vào Nam sống, vẫn không thoát chiến-tranh, người thanh niên bất an vì cứ mãi tìm kiếm, định vị! Lực “muốn chối bỏ mọi kỷ-niệm, mọi quá-khứ. Muốn phủ nhận cả lịch-sử mà, người ta thường trưng ra bốn nhàn năm văn-hiến để tô son hôm qua, chứng minh hôm nay và bảo đảm cho ngày mai. Muốn phỉ nhổ những kẻ bịp bợm lường

gạt hiện tại và nguy trang tương lai. (...) Tôi muốn hủy bỏ lý-lich hộ tịch tôi,... tôi từ chối tôi. Tôi chưa có tôi. Tôi phủ nhận cái tôi quá-khứ, tôi không trách nhiệm cái tôi xưa kia. Tôi xin được không ớn huệ gì công sinh thành, tôi xin được ta thứ cho tôi để tôi bắt đầu lại...” (tr.33-4). Lực đi lính công-hòa, phải theo chiến-tranh bom đạn và sống giữa những xác chết, của kẻ thù và cả của đồng đội! “Cuộc chiến-tranh bây giờ là một cuộc giằng co khổ cực và giai đẳng. Giải đất quê-hương không còn là những hình ảnh êm đềm. Quê-hương đã bị dày xéo, đã bị ung nhọt...” (tr.37). Quê-hương đích thực không còn, trở nên xa lạ vì đã bị những kẻ cướp nhân danh đủ thứ chân lý. Mỗi con người là một hoang đảo, một kẻ khác, không ai cứu được ai. Tin được ai. Suốt ngày hành quân, Lực đạp lười chông và phải mang “hai vết sẹo trên mu bàn chân và hai vết sẹo dưới bàn chân”. Trong một giao chiến toán tử thương hết chỉ còn lại bốn người, Lực mới nghĩ đến “đứng lại”: “Tôi yêu em nhưng tôi chưa bao giờ giám đứng lại bên em mà nói rằng ‘Anh yêu em vô cùng Lệ ơi, Oanh ơi’; tôi luôn luôn là kẻ chạy trốn kể cả trước tình-yêu của em. Tôi chưa bao giờ có can-đảm nói một câu để nhận trách-nhiệm cả đời em. Vì thế với nhau chúng ta vẫn là kẻ xa lạ. Vì thế rồi tôi sẽ mất em. Lệ ơi, Oanh ơi! Tôi không thể sợ hãi đời sống mãi thế. Tôi phải đứng lại. Nhất định tôi phải đứng lại” (tr. 53).

Nếu trong tập *Thử Lửa*, chiến-tranh huynh-đệ đã được tác-giả cảm nhận, thì đến *Chạy Trốn* chiến-tranh đã trở thành hiện thực và nổi nhức nhối có tính cách hiện-sinh. Tư tưởng hiện sinh trong tác-phẩm dù không dày về số trang và câu chuyện về một thanh niên tầm thường mà cuộc đời không có gì ngoại hạng. Nhân-vật của Thảo Trường nói chung tự do nhưng ít cô độc hơn các nhân-vật của Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Đình Toàn, Dương Nghiễm Mậu, v.v. Mọi người (người yêu, người bạn) là kẻ xa lạ của nhau, không ai cứu được ai (đồng đội), mỗi người phải tự chịu trách nhiệm về mình. Nhân-vật thứ hai là Tiến, đồng đội của Lực: “Từ nhỏ đến lớn tao chưa tìm đâu ra nơi để tham gia mình vào. Tao nhìn nhận tự do là một cực hình. Tao tự do nhưng tao không biết quyết định ra sao cả (...) Tao thêm gia nhập như tao thêm sống... để được nói một câu rằng ‘tôi có mặt’” (tr. 53). Nếu chạy trốn là để tìm đường sống cho họ và gia-đình họ sống chung trong tháp canh ở đầu một chiếc cầu nhỏ. Cây cầu ở đây là hình ảnh của gia tài chung của hai miền huynh đệ nay bị thế lực ngoại bang phân rẽ. Cuối truyện, anh bộ đội “đảng viên tám tuổi” nhưng “chưa có lúc nào thành thực được với mình” do đó tuyệt vọng, có nhiệm vụ kêu gọi đầu hàng thì rút ra lại xin theo phe quốc-gia: “tôi cần phải chạy trốn”. Nhưng ai dám tin, “cái đầu đón nhất của con người thời đại này là có những trường hợp tuyệt vọng, họ đi tìm kiếm một niềm tin nhưng không có ai tin họ. (...) Xin anh cho tôi ở lại đây. Xin anh tin cho tôi lấy một lần để tôi có được cái ảo tưởng rằng mình còn có một chỗ để chạy trốn” (tr. 77-8)! Lúc đó nhân-vật Tôi đối đầu với cái định mệnh trở trêu “tôi chợt nhận ra tôi có mặt nơi đây và tôi sắp quyết định, không những cho riêng thân-phận mình mà còn cho những kẻ khác. Và tôi thấy tôi bé nhỏ một cách đau đớn”(tr. 79). Cùng ý “chạy trốn” nhưng đối với mỗi cá nhân – các nhân-vật Tôi, Lữ, Tiến phía này và anh chính trị viên phía kia, hiện-sinh đã mang những ý nghĩa khác nhau!

Các tác-phẩm của ông xuất-bản tiếp sau trong thời văn-học tự-do còn có *Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp* (1966), *Vuốt Mắt* (1969), *Chung Cuộc* (1969, xuất-bản chung với Du Tử Lê), *Th. Trâm* (1969), *Bên Trong*(1969), *Ngọn Đèn* (1970), *Mé Nước* (1971), *Cánh Đồng Đã Mất* (1971), *Bên Đường Rầy Xe Lửa* (1971), *Người Khách Lạ Trên Quê Hương* (1972), *Lá Xanh* (1972), *Hà-nội, Nơi Giám Giữ Cuối Cùng* (1973) và *Cát* (1974). Sau khi ông tái định cư ở Hoa-kỳ năm 1993, năm 1995 nhà Tin ở Paris đã xuất-bản *Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai*, kể đó là các nhà Đồng Tháp, Quan San, Đàm Sét và Quyên Book ở vùng Quận Cam California xuất-bản *Đá Mục* (1998), *Tâm Xa Cũ Bẩn Hiệu Quả* (1999), *Mây Trôi* (2002) và *Miếng* (2005).

2.

Tác-phẩm Thảo Trường trước và sau 1975 đều là của một *thế-giới khủng hoảng*, nơi đó con người chân-chính phải lên đường, dẫn thân, đi tìm, chịu mọi thua thiệt và cả phải “tử đạo”. Nhà

văn ở đây tự nhận trách nhiệm, tự phân công tác phải góp công soi sáng, phải ra đi, lên đường, bằng chính bản thân, vì không gì cụ thể và trung-thực hơn. Nói chung, đó là một đối kháng liên tục, những tra vấn không ngừng của con người trí thức, “cấp tiến”, trong một xã-hội, đất nước đang lâm chiến và kéo dài, một cuộc chiến-tranh huynh đệ trong khung cảnh tranh chấp ý thức hệ của cái gọi là “chiến-tranh lạnh” của tương tranh quốc tế về sau biến dạng thành tranh hùng quốc-cộng nay vẫn còn tiếp tục. Cuộc chiến khiến xã-hội phân chia nông thôn và thành thị thành hai thế-giới tương phản nhau, riêng nơi đô thị vốn yên ổn hơn thì lại đầy bất công, thối nát, một xã-hội sụp đổ và con người hoang mang, mất mát! Ngoài một số tiểu-thuyết thời-thượng về xã-hội nhón nháo vui chơi thời chiến như Ngõ Tối hoặc Bà Phi (đăng báo) thuộc khuynh-hướng Văn Quang, Hà Huyền Chi, v.v., Thảo Trường đã có những *tác-phẩm* “*nội-dung*” mà chúng tôi thử phân tích trong bài này.

Chiến-tranh có những tàn phá và hậu quả bi đát của nó, như chuyện Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp, sống giữa nhiều lần đạn và loại người – hoặc nói khác, cùng một con người Việt Nam nhưng nhiều ý-thức hệ kinh chống nhau! Con “kinh rộng độ mười thước, nước đục lờ đờ, vài cây bèo cam phận hẻo lánh. Nhà cửa rải rác ẩn hiện dưới những tàng cây. Rất nhiều những con lạch nhỏ ăn thông từ cánh đồng ra lòng kinh. Đường mòn đã chặt chội lại khúc khuỷu bởi những cây cầu khỉ bắc ngang những con lạch đó. Nhà chị Tư ở khoảng giữa con kinh, gần bến đò, cuối đường đi vào Tháp. Chị Tư sống và lớn lên ở đây. Ngoài thời gian mấy tháng phải về binh vận tại chợ quận, chị Tư không hề biết đến đời sống rộng lớn của cái thế giới này. Con kinh đã cô lập chị trong những kỷ niệm chặt chội.. Thật vậy, chị Tư chưa đi xa hơn đầu con kinh, chị Tư chưa đi quá chợ quận. Chồng chị tập kết từ mười năm nay không về (...). Những anh cán bộ vẫn tiếp tục chuyển từ nhà nọ sang nhà kia, hết rĩ tai từng người lại tập trung cả xóm học tập. Chị Tư biết đến những tiếng Tự do, Dân chủ, Độc lập, Hạnh phúc, Căm thù, Đả đảo và nhiều tiếng nữa.. Nhưng rồi chừng hơn một năm sau quân đội đến. Những anh cán bộ liền vắng mặt. Mẹ con chị Tư lại được biết thêm một số tiếng lạ nữa. Chị đi làm Ấp chiến lược, chị học tập chính trị “tam túc”, “tam giác” trong vòng đai kẽm gai và bờ đất. Đồn dân vệ được xây cất lại với bộ mặt mới. Yên được một dạo. Nhưng rồi những anh cán bộ lại ẩn hiện, lại mò mẫm rĩ tai trong đêm tối. Rồi đồn dân vệ lại nổ súng và cháy trụi. Ấp chiến lược thành ấp chiến đấu. Mấy anh cán bộ lại học tập. Mẹ anh Tư chết vào thời kỳ này và không biết bà chết vì bệnh gì. Chị Tư lúc này đã trở nên một người biết tới hai chủ nghĩa, cộng-sản và nhân vị. Chị có thể nói rất trôi chảy về những chủ nghĩa đó vì chị đã được nghe quá nhiều lần (...).

Sống như thế trong vùng sôi động, chị Tư lên chợ quận ở cùng với một cán bộ giả dạng làm em trai để làm công tác binh vận theo chỉ dẫn của các đồng chí cán bộ. Làm binh vận thì phải làm “quen với một anh binh sĩ truyền tin trong quận. Chú em trai của chị cũng trở thành một anh dân vệ trong quận. Thời gian này chị Tư quên đi mất hình ảnh anh Tư, vì chị Tư đã được sống lại những cảm giác khoái lạc đến hỗn độn với anh binh sĩ truyền tin và “chú” em trai cán bộ. Chị dựa trong những niềm hoan lạc tràn ngập đó. Một hôm, cái thai trong bụng chị máy động”. Mang thai với một người cầm súng nào đó và sanh con trong sự che chở của người sĩ quan hành quân vốn là cái đích mà chị Tư muốn giết theo lệnh cán bộ khi gài lựu đạn trên cây với tám biểu ngữ đả đảo đế quốc Mỹ làm chết hai người lính quốc-gia. Tác-giả kết với lời nhắn: “Nhắn-tin: Nhắn cậu nhỏ mang dòng họ cùng với tôi, hai mươi năm nữa, cậu khôn lớn (lời nhắn tin này chỉ gửi đến cậu khi cậu đã trên hai mươi tuổi), lúc đó tôi không biết cậu sống trong hoàn cảnh nào, trong một xã hội nào. Cậu cho tôi xin cậu một điều là, trước khi cậu hành động, trước khi tranh đấu, trước khi cách mạng, trước khi biểu tình, trước khi đảo chánh, trước khi lật đổ, trước khi hành quân, trước khi thuyết pháp, trước khi cầu nguyện, trước khi hội thảo, trước khi thụt két, trước khi hành lạc, trước khi đập phá, trước khi hy sinh... nghĩa là trước khi quyết định làm một việc gì, xin cậu ... chỉ xin cậu hãy nghĩ đến người đàn bà mang thai khốn khổ, hãy nghĩ tới những người mẹ bị rất nhiều chủ nghĩa với những danh từ hoa mỹ hành hạ. Xin cậu hãy nghĩ tới cái hình ảnh đó, tôi cầu xin cậu như thế, vì tôi chính là tên sĩ quan đã hành hạ mẹ cậu, đã đỡ

để cho mẹ cậu sau khi các đồng đội của tôi chết vì những thứ khẩu hiệu như cái khẩu hiệu “Đả đảo Đế quốc Mỹ” ấy”(ấn-bản Tin, tr. 13).

Thảo Trường đã khai tử người sĩ quan y sĩ của NĐBMTTKDT trong truyện Khẩu Hiệu viết năm 1993 (in trong *Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai*). Nhân-vật Tôi đã gặp lại người sĩ quan ấy mười lăm năm sau ở một trại giam tại miền thượng-du Bắc Việt. Lại những tranh cãi và đấu tố nhau vì những khẩu hiệu đả đảo. Và những căng-đáng hiện-sinh của thân-phận người: chỗ ngủ được phân chia ở cạnh cầu xí. “Tôi đang hiện hữu, ở đây, một điểm nào đó trên hành tinh. Chỗ này là đâu, đây là đâu, tôi đang hít thở không khí mùi phân và nước tiểu, chỗ này, vậy là tôi có mặt ở chỗ này, vậy là tôi có thực, chỗ này có thực. Và tôi đang sống là có thực” (tr. 21). Đến nước đó mà nhà văn còn thanh thản an nhiên, thế là tự tại thật rồi! Và cái chết đã đến với sĩ quan quản giáo và sĩ quan y sĩ quốc-gia, hai mộ phần nằm cạnh nhau “dưới chân đồi vùng Việt Bắc. Xa, rất xa quê anh và quê anh Đê. Lại càng xa, rất xa nước Mỹ”. Tác-giả lại nhấn: “Nhấn tin: Nhấn cậu thanh niên ra đời sẩy thai, thiếu tháng, mang họ nhờ. Người đỡ đẻ và khai sinh cho cậu đã chết trong tù. Khi chiến tranh chấm dứt, cũng không thấy có một người đàn ông nào gọi là cha ruột của cậu trở về. Còn Mẹ của cậu nghe nói đã có một đời chồng khác. Không còn ai là người có liên hệ gia đình với cậu.. Nhưng những người biết chuyện này thì còn nhiều. Tôi nghe rằng cậu nay đã có vợ con và hiện làm ruộng ở đồng bằng sông Cửu Long. Lại cũng nghe rằng cậu đã vô đảng và đang là một anh Việt Cộng ở Sài-Gòn.. Lại cũng nghe nữa rằng cậu đã vượt biên và hiện đang ở đâu đó trên đất Mỹ. Vậy thì là cái gì bây giờ? Người ta, có khi, đã làm khổ làm sở lẫn nhau chỉ vì những cái khốn kiếp của những kẻ khốn kiếp nào đó bày đặt ra.

Truyện này phần trên viết trước 1975, đã đăng lần đầu trên tạp chí *Hành Trình* số 1 (1) tại Sài-Gòn, Việt Nam. Sau 1975 trong một cơn sốt ở trại giam của cộng-sản, gặp lại nhân vật, tác giả bèn nảy ra ý nghĩ viết thêm phần dưới: “Sau này, nếu có dịp, biết đâu đấy, lại mê sảng gặp lại cậu, ở đâu đó thì có thể tác giả lại phải kể nốt cái phần tiếp theo của cậu. Không rõ, khi ấy, người ta sẽ xài cái khẩu hiệu gì?” (TTTTBTG 1993, tr. 27).

Chiến-tranh bao trùm tác-phẩm của Thảo Trường. Từ kháng chiến theo di cư vô Nam. *Chiến-tranh* và *giao động ý-thức hệ* diễn ra đều đều trên chữ nghĩa của Thảo Trường. Cái thẹo nơi mu bàn chân của Thụy, người lính về thành phố, do dẫm phải hàm chông của địch, có lý do vì “anh không đồng ý cho chúng nó có mặt ở miền Nam này nên anh đã lợi đi tìm chúng nó giết đi”. “Vết thương không ai đền được cả. Sự thiếu trống trong lòng tôi cũng không ai đền được cả”. À thì ra thế! “Cô mặc kệ tôi đi tìm lấy cho tôi những cần thiết. Tôi không tìm được thì kệ xác tôi”. Về thành phố tìm Hảo, “con đĩ” và cũng là người quen duy nhất của anh ở thành phố, anh bị cảnh sát dẹp biểu tình đánh, ghi thêm cái thẹo trên đầu. “Chúng nó” đánh anh rồi khi nằm bệnh viện đã lại ủy lạo anh. Anh đã không thể chấp nhận vết thẹo thứ hai gây ra do chính những kẻ được anh và đồng đội hy sinh ở trận tiền để họ được an vui, biểu tình, “Chúng nó thềm chống đối, thềm bạo động. (Vết thẹo) có mặt thực sự trên đầu anh như sự có mặt thực sự của những oán thù và đổ kỵ trên xứ sở này” (Mặt Đường).

Thời chiến-tranh ở miền Nam cũng là thời tệ đoan tràn ngập, xã-hội băng hoại, phong hóa hết chỗ đứng. Quân đồng minh – Thảo Trường gọi là “xê-kài”, “xê-kỳ”: “Sự các chú. Các chú đáp xuống đất này được thì các chú cũng “dọt” đi được ngay. Chỉ có anh ở lại đây thôi mà. Nhưng không sao. Mỗi chú đến đây cũng đã nuôi được một gia-đình trong đám dân này”, nói như một nhân-vật trong Ông Du Đãng! Chiến-tranh ảnh-hưởng đến đời sống cá nhân đã đành, mà còn làm đảo lộn xã-hội cũng như văn-hóa. Chuyện những người làm sở Mỹ, nhất là phụ nữ đưa đến những tình cảnh dở khóc dở cười. Trong truyện Vết Tích (1969), vì chồng chết, một bà giáo được một người quen đưa đi làm bồi phòng ở chung cư người bạn “đồng minh”. Vết tích là “cái cục trong bụng. Cái cục nảy sinh thật bất ngờ và tàn nhẫn” cũng “vì sự đùa rỡ nhảm nhí của người Mỹ quản lý đã làm cho người đàn bà quỳ ngã nhưng một phần cũng vì những viên thuốc mà hẩn chia ra cho bà xem. Hẩn vỗ về bà trong căn phòng ngủ êm ái khi người Mỹ ngủ ở đó đi làm. Tên quản lý quả quyết với bà là không thể mang thai nếu như hẩn không muốn và nếu

như người đàn bà không muốn. Rồi trong một lúc bị kích thích đến cùng độ, bà giáo đã bằng lòng sử dụng cái viên thuốc đó. Nhưng cũng từ lần đó, bức tường ngăn chặn của bà đã sụp đổ, bao nhiêu khí giới cố thủ của bà giáo đương nhiên bị tước đoạt. Bà giáo bắt đầu đi vào một lối ngõ mà dần dần bà thấy nó quen thuộc cần thiết. Bà đi vào đó như một thói quen bằng những cử chỉ thường nhật. Một điều quan trọng nữa khiến bà giáo tiếp tục theo thói quen đó là sự kín đáo. Trong một phòng ngủ êm ái trên một cao ốc có lính gác, bà không bao giờ phải thắc mắc lo lắng đến chuyện lộ liễu. Bà không bao giờ phải nghĩ tới những sự mê có thể xảy ra cho cái danh dự của ông giáo để lại. Do đó mà thói quen đã đưa bà đi miết, đi hoài. Hết người quản lý này đến người quản lý khác. Rồi về sau cả đến người ngụ trong phòng bà dọn dẹp. Họ đều là những người từ phương xa. Họ không hề biết bà là một bà giáo được kính trọng trong xóm. Họ cư xử với bà thật bình dị và sòng phẳng. Nhiều khi còn mới lạ hơn những những điều bà được biết từ trước. (. . .) Khi người lạ đầu tiên kích động và xâm chiếm bà, bà nghĩ rằng đó chỉ là những tiếp xúc cơ hội không hậu quả. Người lạ thật đã đủ bảo đảm mọi an toàn. Bà không lo lắng gì hết. Những viên thuốc cũng như sự kín bưng của căn phòng mát lạnh đủ bảo đảm cho bà phủ phê tiêu xài những cảm giác cơ bản của con người. (...). Rồi ngày tháng qua đi, bà giáo sống đều đặn để chịu như vậy đến một ngày bà hoảng hốt thấy cái chu kỳ bài tiết hàng tháng của cơ thể bà gián đoạn. Bà rụng rời soát lại những lần trao đổi với những người lạ trong tháng vừa qua. Không lẽ nào những viên thuốc đó lại có viên không hiệu nghiệm. (...) Bà suy nghĩ lung mà không phát giác được. Nhưng có điều là “nó” đã ở trong đó. “Nó” đã là một sự thật bà đang phải chịu đựng và cư mang. Từ bữa đó bà từ chối mọi thói quen trước. (...) Bà muốn cắt đứt mối liên quan với xung quanh. Phải chi bà chỉ có một mình.. Phải chi chỉ một mình bà sống ở nơi hoang vắng. (...) Bà phải bảo vệ cái hào quang xung quanh ông giáo trước mặt mọi người.. Bà không muốn người ta sỉ nhục bà. (...) Không đứa nào nhận cả nhưng “nó” vẫn có trong đó. Bà muốn thét lên. Vậy thì của ai? (...) Chỉ còn lại mình bà với nó, với sự đổ vỡ hoàn toàn. Một mình bà với nó càng ngày càng lớn, càng ngày càng trở nên một thứ có thật. Rồi bà phải làm sao đây? Rồi tôi phải làm sao đây?...”. Kẻ xa lạ đã xâm lấn ngay chính thân xác và ở lại đó với vết tích cái thai! Cũng như cuộc chiến 1957-1975, kẻ lạ thích thì tham dự, “thật đã đủ bảo đảm mọi an toàn”, nhưng đợt lẹ khi hết cần đến, vết tích để lại còn trầm trọng hơn! Tại ta “không lo lắng gì hết”? Vì “những viên thuốc cũng như sự kín bưng của căn phòng mát lạnh đủ bảo đảm cho bà phủ phê tiêu xài những cảm giác cơ bản của con người”?

Tết Mậu Thân (1968) đưa chiến-tranh vào thủ đô Sài-gòn và nhiều đô-thị khác. Chiến-tranh càng leo thang thì văn nhân, ý-thức, lương tri cũng bị đánh động một cách khủng khiếp hơn và đưa đến mảng văn-chương gọi là “*phản chiến*”, một mảng nhưng đa-loại chứ không đồng nhất. Qua Viên Đạn Bắn Vào Nhà Thục (1968), Thảo Trường đã ghi dấu cuộc chiến-tranh phức tạp, đa chiều và vẽ lên cái tâm trạng hoang mang của người dân lánh nơi đô thị, đánh đổ huyền thoại thành phố là chỗ bình yên nhất thời chinh chiến! Thục, một đứa bé gái ngây thơ đã bị chiến-tranh làm cho phải trưởng thành bất thường một cách tội-nghiệp, với những vết thương và tang tóc, đổ nát! “Nhà của gia đình bé Thục ở khu còn lại đó. Bé Thục đang cầm một cây đinh loay hoay xoi một lỗ đạn trên tường nhà. Thục hí hục nhẩn nại moi cái đầu đạn nằm trong đó. Thục đã mất cả giờ nhưng mới chỉ nhìn thấy cái đuôi viên đạn đồng đỏ lòm. Mồ hôi vã ra hai bên má. Thục quì gối tiếp tục xoi. Thình thoảng mỗi tay Thục lại bỏ cái đinh trên vỉa hè rồi vẫy vẫy hai tay cho đỡ mỏi. Thục ngồi nghỉ rồi lại tiếp tục”. Một người lính thuộc đơn vị trấn thủ khu vực hỏi, Thục cho biết muốn “moi cái đầu đạn trong đó để làm kỷ niệm”, đầu đạn kia đã bắn vào nhà mẹ con Thục, và “khoe” mẹ cũng có một cái đầu đạn “lấy từ ngực ba (..) Ba tôi chết rồi. Ba tôi là quận trưởng, ba tôi là đại úy...”. Trước đó Thục đã nhờ “hai người bộ đội mang súng vào nhà tôi ăn cơm, tôi có nhờ họ lấy hộ cái đầu đạn, họ quát tôi bắt ngồi yên ở xó nhà. Họ chỉ ăn, xong họ ngồi ngoài hiên, “họ ngồi chỗ chú đang ngồi”. (...) Người lính (quốc-gia) rút lưới lê cho vào cạp nơi lỗ đạn, lát sau lôi ra được một mẩu đồng nhỏ đã quấn queo, Thục cầm lên xem và hỏi: – Phe nào bắn vào nhà tôi?

Người lính cầm cái đầu đạn xem xét một lúc rồi đưa trả lại cho Thục: – Đạn này nhãn hiệu Mỹ. Có thể bắn ra từ phe tôi, nhưng cũng có thể đã bắn đi từ phe hai người bộ đội. Vì phe nào cũng có thứ súng đó hết.

Thục mân mê cục đồng nói bâng quơ: – Như thế thì cũng khó hiểu thật, chú nhỉ?

Người lính nhìn vào trong nhà nói với Thục: – Khó hiểu thật. Nhưng cũng may là nó đã không trúng vào em hay mẹ em, như viên đạn đã trúng vào ba em” (tr. 20-21). Câu nói “Đạn này nhãn hiệu Mỹ” đã bị kiểm duyệt thời cộng hòa xóa, bản 1999 đã in lại đầy đủ nhưng với tác-giả thì ông đã xem đó như “vết sẹo của vết thương cũ trên thân thể một tác-phẩm văn-ngệ thời chiến-tranh”(TXCBHQ, tr. 6).

Mây Trôi (2000) vẽ bức tranh hiện thực của xã-hội cộng-sản, và với ngôn-ngữ của kẻ “thắng”! Sau 1975 thì đầy dẫy hoạt-cảnh đời sống và con người của chế độ bách chiến bách thắng nhưng thua ở da thịt, ở lạc thú cũng như lý-trí và con tim, v.v. và v.v. Ngụy thua nhưng con người của ngụy thơm, cung cách... hấp dẫn. Nàng cựu đảng viên bị tù hình sự, trong tù gặp rồi mê tù binh ngụy, tình chuyện ra tù ở chung:

” – Ở chung. Em quản lý được cả hai. Em là cán bộ hậu cần xuất sắc có nhiều thành tích huân chương cao quý và giấy khen. Chỉ sợ anh đi Mỹ với vợ anh.

Rồi bà nháy mắt:

- Bất được tù binh mà để sống thì ổng lắm. Chiến thắng mất cả ý nghĩa. Phải giữ cho bằng được thì thắng lợi mới toàn diện và triệt để.

Không ngờ ít lâu sau ra trại hai người gặp nhau thật, “nữ hoàng” chạy chiếc xe cub của con gái lên Saigon tìm đến chỗ ông sĩ quan cựu tù chính trị tạm trú chờ xuất cảnh sang Mỹ. Họ ở với nhau cách nhật, hai ngày gặp một lần. Bà khoe có người thợ tẩm quất mù điệu nghệ, và có lần còn chở anh ta lên đấm bóp cho ông. Anh mù ngồi phòng ngoài hút thuốc uống nước, chờ họ yêu nhau xong hiệp một thì vào xoa nắn cho hai người. Khi họ cảm thấy thư giãn lại mời anh mù ra phòng ngoài hút thuốc uống nước tiếp để họ yêu nhau hiệp hai.

Đến chiều bà lại chở anh phé binh cựu chiến sĩ lái về vùng ngoại ô, bà dúi vào tay anh tờ giấy xanh 10 đô, nói của ông khách trả công. Bà hậu cần bỏ tiền túi bao bọc cho người sĩ quan thất trận. Vợ con từ Mỹ gửi về cho ông mỗi tháng hai trăm, ông sĩ quan cũng đem ra tính bao gái nhưng bà nói ông giữ mà... tiêu vật, tiền Việt kiều cho ông chỉ bằng tiền lẻ của bà cất giấu. Bà nói đùa “Nhân dân làm chủ. Em là nhân dân.”

Bà cất dấu tiền và vàng ở một chỗ chỉ mình bà biết. Bà dấu chồng dấu con vì bà không tin ai (...). Cho đến khi bà bập phải người tình sĩ quan chế độ cũ thì đã có lúc bà định trao phó của cải bí mật ấy cho chàng! Đúng là đến cái lúc...ái tình nó làm cho bà hồn nhiên ngây thơ ra. Bà chưa chỉ chỗ bà giấu của cho chàng nhưng bà đã bắt chợt đề nghị trả cho bà Việt kiều vợ của chàng một tỉ bạc tiền ta, tương đương với gần một trăm ngàn tiền Mỹ, nếu như bà ấy về đón chồng đi. Bà nhìn người tình nhân nằm bên cạnh đang lim dim đôi mắt nhìn lên con nhện chăng tơ trên trần nhà. Đôi mắt chàng ôi chao sao mà quyến rũ mê hồn, bà chưa thấy đôi mắt nào có hấp lực với bà như thế. Bà chợt nhận ra rằng đôi mắt của chồng bà và cả những gì khác nữa của ông cũng đều...tầm thường không thể chịu được. Bà đã không nhìn ra những cái vô duyên của chồng. Cái mặt hồ vô duyên, cái tóc bù xù vô duyên, cái tay khảnh khiu vô duyên, cái chân xương xẩu vô duyên, rồi cái đầu gối cục mịch trên cái chân đó cũng vô duyên luôn, đừng nói tới những cái ngón chân què mùa, nước da tái tái què mùa. Bà thấy chồng bà in hệt các anh lớn ở trên, từ bác cho đến các anh cả, anh hai, anh ba, anh tư, anh năm, anh sáu, anh bảy anh mười, anh nào cũng giống nhau tai tái, vô duyên. Chỉ khác là họ trèo lên được chỗ cao mà ngồi mà hưởng, còn chồng bà suốt một đời làm anh đảng viên quèn, chuyên môn vỗ tay hoan hô phe ta và vung tay đá đảo phe địch, khư khư ôm cái hào quang “sự nghiệp cách mạng” và “quyền lợi chính trị” không tưởng. Phải chi chồng bà vung lên được, không bằng anh mười thì ít ra cũng ráng thành anh Đổ 20 cho em thừa cơ “bên tàu có loạn”, xây dựng sự nghiệp cho bằng các anh ấy. Không, người đảng viên chân chính chồng bà không phát lên được, không tình ra được, thì bà phải trưởng thành trong gian nan khói lửa của cách mạng thôi. (...)

Bà cũng tiếc cho bản thân mình, sao không vùng lên chơi bạo hơn nữa, sao bà chỉ có gan làm giàu mà không có gan làm lớn. Trách chi chồng bất lực. Chính bà cũng vẫn còn yếu đuối, chính bà cũng còn bị giới hạn trong vòng sợ hãi không dám bung ra cao hơn nữa... ” (tr. 12-15)
Một thứ “người cộng-sản, rạc rầy, vùng vẫy thoát ra khỏi nó mang theo nhiều thương tích” (tr. 113), bà *cộng-sản*niú kéo ông *cộng hòa*, đòi “yêu em theo kiểu cộng hòa đi anh”.

“- Ở lại với em anh sẽ làm chủ tất cả, em và cửa cải của em. Tất cả những thứ phi nghĩa.

- Nhưng cộng sản họ lại làm chủ anh.

- Không lo chuyện ấy. Tại các anh bị họ bỏ tù một lần nên anh nào cũng sợ, anh nào ra tù cũng chỉ mong chóng thoát ra nước ngoài. Như thế là chạy trốn. Anh đừng sợ gì cả. Với cộng sản nếu sợ là họ trấn áp, còn không sợ là họ cũng thua thôi. Em là... cộng sản em biết. Anh cứ ở lại yêu em chẳng ai làm gì được anh, không có đũa nào đụng được đến... lòng chân anh. Chồng em cũng không làm gì được anh cho dù anh ta là đảng viên. Em tuy bị khai trừ nhưng em cũng đã từng là đảng viên, em bảo vệ cho anh, anh phải tin tưởng ở em, anh thân yêu ạ.

- Anh cũng rất muốn sống với em chứ.

Ông nói thế và cứ nghĩ đến nụ cười chúm chím mời gọi, đuôi mắt long lanh và nhất là hai vú thây lầy. Người đàn bà sung sướng nháy sà xuống chụp lên người ông. Thì ông lại bóp hai cái vú thây lầy vậy. Điều thuốc cháy rụi trên chiếc gạt tàn, lon bia sủi tăm không ai uống” (tr. 16-17).
Tận hưởng phút giây hiện tại, nhưng nỗi ý thức vẫn còn đó: “Anh là kẻ thất trận.... Kẻ thất trận chỉ phải ân hận nghĩ đến những nỗi đau khổ của những người đã lỡ theo phe mình trong cuộc chiến và những oán trách của những người đã lỡ kỳ vọng chờ đợi cái ngày được phe mình giải phóng không bao giờ xảy ra” (tr. 19).

Bên cạnh là chuyện anh chiến sĩ lái phé binh cộng-sản mù làm nghề tắm quất khi đổi đời sống gá nhân ngãi với bà góa phụ cộng hòa nay thành trùm buôn lậu:

“Hai kẻ khốn cùng thành một công ty, một liên minh, một hợp tác, một cộng đồng, một hòa hợp thách đố giữa cái xã hội loài người nhiều nhưng khốn khổ. Chị lại dọn về ở căn nhà trước kia của chồng chị bị cách mạng tiếp thu, mà nay là nhà của anh bộ đội mua được bằng tiền toa rập buôn lậu gỗ trầm” (tr. 26). Họ sống cái hạnh-phúc mà “giải phóng” đã tình cờ đem đến cho họ:

“Chị xối nước tắm cho anh, người mù ngoan ngoãn để cho vợ làm các việc vệ sinh cho mình. Dưới ánh trăng, chị nhìn ngắm thân thể anh, cái thân thể chị độc quyền, cái thân thể dành riêng cho chị, nó cân đối, đẹp đẽ, mịn màng. Con người anh chỉ bị đôi mắt tàn tật, chị tìm chiếc kính đen quen thuộc đeo lên cho anh, thế là xong, che đi một chút khiếm khuyết, anh sẽ là một người mẫu. Nghĩ cho cùng, mọi tội lỗi cũng chỉ do đôi mắt sáng. Vì có mắt anh thành tên xâm lược, vì có mắt anh thành kẻ buôn lậu, cũng vì có mắt anh mới là một tên ma cô theo đuôi những tên ma cô ăn chơi đàng điếm. Nay đôi mắt sáng không còn, anh không nhìn thấy gì nữa, anh không còn khả năng tác yêu tác quái, anh bị lừa về một góc cuộc đời và anh trở thành người hiền lành an phận. Anh trở thành người tình đáng yêu của chị. Chị xoa xà phòng thơm cho anh, thứ xà phòng ngoại của khách Việt kiều cho, anh sẽ thơm tho, anh sẽ đẹp đẽ... ” (tr. 36-7).

Cuộc chiến-tranh 1957-1975 đã không kết thúc bình thường và hậu quả của nó đã và sẽ tiếp tục tàn phá đất nước, dân-tộc. Theo Thảo Trường, “cần tới cả trăm năm để cho cái ám khí quỷ quái phai nhạt đi và để cho luồng sinh khí mới phục hồi”. Ngay cả con người “ở đâu thì cũng sẽ mai một”. Mây Trời đã là những mảnh đời “rạc rầy, thương tích bất thường”, những đôi “gian phu dâm phụ mút mùa hậu chiến” định nghĩa lại “tình-yêu chỉ cần cật lực hay thực mạng”(tr. 24, 22). Bên cạnh chuyện Việt Nam hậu-1975 là chuyện một *Việt Nam mới*, ở hải-ngoại: *Đá Mực* là cuộc sống hội-nhập khó khăn và gần như phi lý nơi xứ người của người “tù học tập”. Với nhân-vật của Thảo Trường thì quá-khứ gần đa đoan đầy khốn cùng đã khiến người lương tri lý trí đầy đủ, trở thành, nếu không là “triết gia” thì cũng là tâm thần hết vửng, sống với gia-đình mà như cô đơn, lạc lõng tột cùng, trong truyện được thân thương xưng là “ông lão”! Từ nơi nghĩ mát, nhiều giai đoạn cuộc đời đã xảy ra, đã được gọi sống lại. Từ khi còn là chuẩn úy mới ra trường đóng đồn trên vùng thượng, nơi có anh trung sĩ truyền tin mà qua đoạn hai, “thằng em” và “ông thầy” 20 năm sau gặp lại nhau trong trại học tập, và sau cùng thấp thoáng nơi kéo máy casino. Hòn

đá đến với họ nơi vùng cao nguyên, anh trung sĩ tám tuổi với gái thượng tim thấy đưa về tặng xếp để bỏ chùng trên bàn giấy. “hòn đá to bằng nắm tay. Màu mận chín. Nhìn kỹ nó có vóc dáng hình nhân, có khi lại thấy hao hao một loài thú. Cũng có lúc thấy nó giống thiên thần rồi lại chợt tưởng là quỷ sứ.... Có lúc thấy nó hiện hữu, lại có khi chẳng nhìn thấy đâu. Theo người tìm ra thì mảnh vỡ có thể từ cung trăng hay một hành tinh nào đó trên vũ trụ xệt xuống. Sao băng nằm ở đáy hồ...” (tr. 19).

Cục đá đã theo ông sĩ quan suốt cuộc đời binh nghiệp, đến ngày mất miền Nam thì ông đánh mất nó, sau đó cục đá trở nên tâm thức sống, trong rừng núi thượng du cũng như trong các thánh đường nơi xứ người. Ông lão sống nơi có nhiều người Việt tị nạn mà cái gì ông cũng phải “học tập” lại, nhưng tâm tưởng “ông Thượng người Mỹ” cứ lạc về một quá-khứ trên vùng cao nguyên nơi ông đã được thấy và sống hồn nhiên, với những con người “tự-do tuyệt đối” giữa thiên nhiên! Vậy mà không chắc vậy, vì chính cây bút tinh táo và tự tại cộng phúng thích của Thảo Trường đã muốn nhân-vật mình rơi vào “cõi hiện thực” mới! “Nó cũng chỉ là một cục đá như những cục đá người ta ném nhau”, hóa ra là vậy! Truyện không nhiều tình tiết, hành động, nhưng đầy ắp suy-tư và sự-kiện!

Tầm Xa Cũ Bắn Hiệu Quả in lại Viên Đạn Bắn Vào Nhà Thục và 5 truyện ngắn khác. Trong những sáng-tác mới này, khung cảnh vẫn là một Việt Nam chiến-tranh và hậu chiến, với cái không-khí, ngôn-ngữ và lối kể chuyện tinh táo, thản nhiên đến lạnh lùng. *Tầm Xa Cũ Bắn Hiệu Quả* kể chuyện của Thịnh và Miện là những người lính hành quân vùng Mỹ Tho, nhưng đó chỉ là cái cớ, ông muốn nói lên cái không khí bất thường của bình thường đời sống. Miện, thiếu úy pháo binh nổi tiếng “gọi bắn nhanh nhất” với lời gọi “tầm xa cũ bắn hiệu quả”, cấp trên của Thịnh vừa hy sinh, đã thương nghĩ muốn đền bù đồng đội khi nói với người chết “có lẽ chỉ còn một cách là tao lấy vợ mày, tao nuôi con mày cho nó lớn khôn, chỉ còn hành động đó thiết thực. Yêu thương vợ mày, bế ẵm con mày, rửa dĩa cho con mày, nuôi nấng gia-đình mày. Bây giờ chỉ còn bấy nhiêu. Có lẽ chỉ còn cái việc mà người đời coi là vô luân, bất nhân, bất nghĩa đó là thiết thực hữu hiệu...” (tr. 58-9). Phi lý, bàng hoàng, bất lực, đảo ngũ, v.v. là những cảm nhận còn lại của người sống! Trong Hang, là chuyện những tù binh của miền Nam, trong có cả cậu Cu Tý 17 tuổi bị bắt về “tội vũ trang chống phá cách mạng”, nhưng khí-khái đã lộ:

“Khi toán tù binh về tới trại thì nghe tin ông chánh án đã chết trong hầm kiên giam. Và Cu Tý đã khóc hu hu trong ấy! Mấy ngày sau người tù Cu Tý cũng được thả ra khỏi kiên giam. Và lại có tin cu cậu được gia đình từ trong Nam ra thăm nuôi. Các sĩ quan tù binh thấy vậy bèn bảo nó:

- Ở đời người ta thường nói họa vô đơn chí, nhưng trong trường hợp này thì anh ta khác hẳn, qua cơn hoạn nạn là gặp hên, phen này ra “nhà thăm gặp” tha hồ mà nhõng nhẽo với mẹ.

Có bác tù còn chọc ghẹo nó:

- Này, hỏi thiệt nhé, hôm đi nhỏ mạ anh có thật là chỉ bóp vú hay còn làm gì khác nữa không?

(...) Nhưng khi từ nhà thăm nuôi về, Cu Tý buồn so, nó than thở:

- Đúng là họa vô đơn chí!

- Sao vậy? Có gì xảy ra?

Mãi sau anh ta mới kể lại cho các tù binh nghe chuyện buồn của nó. Khi ra gặp mẹ, Cu Tý bị cán bộ cảnh cáo nó với gia đình về tội vi phạm kỷ luật cải tạo, có những hành vi dâm ô với phụ nữ.

Cán bộ nói đáng lẽ nó bị cắt thăm gặp nhưng vì có... chồng của mẹ nó là cán bộ cách mạng đi theo nên trại chiếu cố khoan hồng nhân đạo cho nó gặp gia đình mười lăm phút! Gia đình sẽ cùng với nhà nước hợp tác giáo dục nó tiến bộ. Người tù chính trị trẻ tuổi nghe đến đó thì nước mắt trào ra. Nó đòi trở vào trại không gặp gia đình nữa. Mẹ nó cũng khóc. Bà thì thăm với nó, phân bua với nó, rằng bố nó đã mất tích trong cơn biến loạn, bà đã đi lòng sục tìm kiếm khắp nơi, hỏi thăm khắp các người cùng đơn vị với bố nó, có người còn quả quyết là chính mắt họ đã trông thấy ông ta chết chìm dưới biển trong khi di chuyển từ Phan Rang vào Vũng Tàu! Vì thế cho nên bà đã đành nhận lời làm vợ người cán bộ giải phóng theo đuổi tán tỉnh bà để bà có một nơi nương tựa trong xã hội mới!

Trong lúc bà mẹ thì thăm dò dành đưa con trai tù tội, thì người cán bộ chồng mới của bà ngồi hút thuốc rê, uống trà, và tán chuyện vãn với anh công an coi thăm nuôi. Thỉnh thoảng họ lại liếc mắt nhìn hai mẹ con gia đình binh sĩ quân đội Cộng hoà cũ! Hết mười lăm phút thăm gặp, người con đứng dậy đưa tay quệt ngang mắt, nói với mẹ:

- Mẹ về Nam bình an. Từ nay mẹ đừng ra thăm con nữa.

Bà mẹ mếu máo:

- Tại sao? Con?

Người thanh niên nghiêng răng, lát sau anh buông thõng:

- Con nói như vậy, mẹ nghe rõ không? Mẹ có đến thăm, con cũng không ra gặp mẹ đâu!

Nói rồi anh ta cúi đầu làm lũi đi về phía cổng trại giam. Mặc cho người mẹ than khóc, mặc cho người công an bảo anh ta nhận quà của “bố mẹ”, người thanh niên như không nghe, không thấy gì, anh bước những bước chân chập chờn trong một cái màn sương làm bằng nước mắt! (tr. 94-96).

Trong Hẻm, Trong Bếp là những mảnh đời tị nạn, của những “tù binh vô thừa nhận” thành “các bác già lưu vong vô tổ quốc lang thang khắp thế-giới”, hiện tại pha quá khứ, thực tại pha chiến lược chiến thuật ngày xưa! Đến Trong Nôi, thì trở nên khốc liệt vì có trận chiến được dàn ra “trên đường Bolsa... một bên là Việt-cộng rất thủ đoạn nhưng có lực lượng cánh binh sắc phục đẹp... trang bị bằng những khí cụ hiện đại tối tân nhất thế-giới, hộ tống. Một bên là dân di cư chạy loạn, nạn nhân của Việt-cộng.... Việt-cộng treo hình cấm cờ. quốc-gia phản đối...” (tr. 142). Chuyện Trần Trường đòi treo cờ đỏ và hình lãnh tụ bên kia! Lờ cuội tác-giả cho biết ông viết để tặng thế hệ cháu sẽ là những “người tù binh thắng trận”!

Trong *Miếng*, Con Sốt không chỉ thoáng qua mà hành hạ xác thân và tận cùng linh-hồn. Bóng dáng những người làm văn-học tự do và có vai vế trong xã-hội cộng hòa được ghi và vẽ lại, trước sau, có những chân dung cảm động với những đường nét sống động đời đọa đầy vẫn vươn lên tìm sống (Ông Bò). Miếng là cuộc sống ở ngoài, sống lưu đày, nơi “mây bay gió thổi”, con người dễ nghĩ đến cái chết và cả chỗ chết. Nhân-vật Tôi trong... Từ Dưới Đỉnh Đồi Nhìn Lên Chân Núi là một cô gái quê đi lên từ vai người ở yêu cậu sinh viên ở trọ rồi lấy con chủ, rồi bỏ nhà làm sỏ Mỹ, rồi lấy sĩ quan đồng-minh và rồi theo chồng về Mỹ sống hội-nhập. Tháng Tư đen đến, rồi chồng chết để lại gia tài và... chỗ chết, rồi bà gặp lại cậu chủ nơi xứ người, là người từng khai mở tình-yêu cho bà và tưởng đã cùng bị “bụp” và đã “vỡ mặt” đã “rời đời”. Người sinh viên nghệ sĩ ngày nào nay đã là một ông lão ốm yếu, nhưng “tình-yêu tột cùng” đã đến với ông sau những ngày tháng “đau khổ tận cùng” trong nhà tù cộng-sản. Tình-yêu tái hồi nhưng cái chết sẽ đến đã không buông; họ sống với nhau như những người không còn quê-hương và như đã chuẩn bị cho ngày cuối đời, nói như nhân-vật xưng Tôi: “em không còn nơi nào khác nữa ngoài nơi đây. Và đây cũng chỉ là đất khách. Nhưng đây là chốn chồng em cuu mang đem em đến, đây là chốn đã có hai kẻ tình nghĩa nằm lại, em không thể bỏ nơi đây, em không thể bỏ họ, em cũng không thể để mất cậu một lần nữa vì em đã tìm lại được cậu. Vậy thì cái bộ xương của em, cái bộ hài cốt của cậu, kể ra thì để ở đâu cũng được, đâu cũng là nước Chúa, nhưng em tham lam ích kỷ, em muốn cậu chiều em, sống cậu muốn ở đâu, đi đâu tùy ý, nhưng em xin cậu khi nằm xuống hãy nằm cùng với em, hãy nằm chung với em, với ông ấy, với Patrick. Cả bốn chúng ta khi sống chẳng có dịp chung chạ, em muốn khi chết rồi chúng ta phải đoàn tụ. Cây bạch dương này là cột mốc của sự đoàn tụ. Cậu thân yêu”. Cậu bước tới cửa sổ, pho tượng khổ nạn đá đen khom khom nhìn vào viễn kính, cậu xoay cái ống nhòm đang ở hướng nhìn tới ngôi nhà trên chân núi sang hướng nhìn tới cây bạch dương nơi sườn đồi. Tôi đến sát sau lưng cậu, tôi ôm ngang người cậu, tay phải cậu vịn vịn cái núm điều chỉnh viễn kính cho ảnh rõ nét, bàn tay trái pho tượng luồn vào trong áo tôi tìm tôi những gì mong muốn ở trong đó. Và tôi đã giúp cho cậu thuận tay dễ dàng.” (tr. 112-3). Truyện như một lời tự nhủ hay nhấn nhủ cuối cùng của những kẻ tha hương!

3.

Con Sốt là chuỗi sáng tác có thể xem là tiêu biểu để hiểu tác-giả, đã được Thảo Trường viết vào

ba thời kỳ khác nhau nhưng tiếp nối nhau: lần đầu in trong *Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đông Tháp* (Trình Bầy 1966), lần thứ hai viết ở Hoa-kỳ năm 1994 và in trong *Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai* (Tin 1995), và lần ba trong *Miếng* do Quyên Book xuất-bản mới đây. *Cơn Sốt làm người*, của tác-giả Thảo Trường và cũng có thể của nhiều thanh niên, trí thức sống cùng thời và cùng phải kinh qua những đợt sóng chìm nổi ái ó hỷ lạc v.v. *Cơn Sốt* đầu là của một thanh niên nhập cuộc với hăng say của tuổi trẻ nhưng cũng với tâm thức nhức nhối thường trực. Khi cơn sốt hành hạ thâm hại, nhân-vật Tôi đã phải “hét to và cựa mình đưa tay nâng cằm Thảo dậy ngang mặt tôi. Mắt tôi chạm phải cái nhìn ướt nước của Thảo. Cái nhìn ấy đẹp như một nhát kiếm. Đối với tôi lúc này... Thảo ơi! Anh yêu em! Anh thật yêu em! Anh yêu em vô cùng!” (NĐBM TTKĐT, tr. 98).

Đến *Cơn Sốt* thứ hai, Tôi nay tự xưng là “ông lão”, ông đã trải qua đòn thù “học tập” 17 năm và vừa sang Mỹ đoàn tụ gia-đình, làm lại cuộc đời như một người hoang sơ chưa quen với “văn minh” của nước đồng minh cũ. Làm “kẻ lưu vong” bên cạnh “bà Mỹ” chủ hăng và là vợ ông. Ông lão thích lang thang thành phố, bãi biển, hội-nhập thể thao với các cháu dự xem những trận football Mỹ, hockey hay chơi trượt nước, trượt tuyết, bowling, những dịp ông quan sát người và đời. Nhưng lão từ chối sống trong khuôn khổ, thích làm nghề “tự do” lượm ve chai, thái độ, nếp sống bị vợ con chê là dờ hơi, ngang phè,... trong khi lão tự cảm thấy tỉnh táo, “tỉnh đến độ phải làm ra vẻ... ngờ”. Lão nhớ nghĩ lại lúc lên cơn sốt vì con muỗi malaria “chích vòi vào gáy người tù già hút tí máu sống qua ngày”. Bị coma, ông thấy hồn ông bay vờ nhưng sao cứ ở gần trại tù. “Hồn bay lên khỏi những ngọn cây tràm rậm rì trước bệnh xá, qua những cây tràm khác trong trại giam ra khỏi hàng rào tre, rồi cứ thế hồn bay qua Suối Lạnh, qua Suối Can,... lướt trên những ngọn cây... Hồn đứng nhìn lên trời và cúi nhìn xuống cánh rừng phía dưới nơi có trại tù...” (tr. 106). Một cơn sốt bên lề những cái chết “thân thương” mà mỗi xảy ra là một dịp bi-đát cho những quân quần đồng đội, của những khuôn mặt lớn của xã-hội cộng-hòa, họ ở thật gần nhau kể cả giờ phút chót, những ngày “thứ bảy: chôn xác kẻ chết” (tr. 116). Với tri kỷ, ông lão tâm sự đã “chạy trốn”, nghĩa là không được như những tráng sĩ ở lại quê nhà để sửa lại những sai lầm tập thể. Cơn sốt hối hận, “chạy trốn”, như ứng-nghiệm lời Thánh-kinh “Chúa Jésus phán rằng khát nước!” mà tác-giả ghi ở đầu truyện.

Trong *Miếng*, *Cơn Sốt* thứ ba khi nhân-vật Tôi phải nằm bệnh viện. Cơn sốt trầm trọng của bệnh tật tuổi già, tâm và vô thức ông cũng sốt theo thể-lý con người, hồn chấp chờn lia thân xác: “Tôi nhẹ nhàng bốc lên cao ra khỏi ông. Tôi bay lơ lửng xung quanh căn phòng mở nhìn xuống cái thân xác tô hô trần truồng một đồng của ông. Vẫn thờ đều đặn. Vẫn còn gọi là sống nhưng ông chẳng thể biết gì. Cái ông xấu xí nằm thản nhiên không một ý thức, không một thái độ, không một lập trường, không một cảm xúc... Một xác sống giống một xác chết. Một xác sống không phải là sống. Một xác sống vô ích. Một cái xác... chưa chết. Vì ông không có tôi trong ông. Tôi và ông lúc này đây đã cách lia nhau và chúng ta không thể được coi là một con người sống. Ông hữu hình nằm đó mọi người đều thấy nhưng ông không biết gì. Tôi vô hình bay lơ lửng chẳng ai thấy nhưng tôi biết hết. Chúng ta là hai cái thiếu nếu ở riêng. Chỉ khi nào hai ta gộp lại thì mới có thể thành ra một thứ gì đó. Một thứ gì đó có ý nghĩa. Chỉ mình ông thôi là vô ích. Chỉ mình tôi thôi cũng là vô ích nốt. Hóa cho nên cả hai phải nhập làm một. Không ai tự coi mình là độc lập. Không ai tự tách rời khỏi nhau. Không ai trong hai ta có thể tự mình làm nên cái này cái nọ. Cũng không ai trong hai ta một mình mà có ý-nghĩa. Chúng ta là thứ vô ích một mình. Chúng ta là thứ vô nghĩa một mình. Chúng ta là thứ thừa thãi một mình. Chúng ta là đồ bỏ nếu ta đòi độc lập. Cả hai ta chẳng có tự do hạnh phúc nếu mỗi bên đòi độc lập. Ông phải có tôi nhập vào và tôi cũng phải có ông làm nơi cư trú. Chúng ta phải bám víu lấy nhau. Chúng ta phải nương tựa nhau. Chúng ta phải lệ thuộc nhau. Không có cách nào khác. Đừng bao giờ tính kế mảnh khóc riêng tư. Vô ích phí phạm lập tức.

(...) Ông nằm đó. Tôi bay lượn trên cao. Theo chương trình giải phẫu thì ông sẽ mê hai giờ đồng hồ. Trong đó dành từ 45 phút đến một tiếng để các bác sĩ làm việc. Một phần thời gian trước đó cho các chuyên viên chuẩn bị và một phần để ông nằm nghỉ ngơi chờ hồi tỉnh. Trong hai tiếng

đồng hồ con người định cho ông mê đi để khỏi đau đớn trong mồ xẻ là thời gian tôi được giải phóng, tôi thoát ra khỏi ông, tôi tự do bay bổng. Hai giờ đồng hồ trần gian ấy của ông, đối với tôi có thể là hai thiên niên kỷ, hai ngàn năm qua đi, bởi vì tôi có thể biến hóa khôn lường, tôi chọt đến rồi chọt đi, chọt ở nơi này chọt ở chỗ khác, chọt bây giờ và có thể chọt lộn về quá khứ xa xưa. Tôi có thể đi cùng trời cuối đất. Tôi có thể có mặt ở khắp các thời đại. Ông là xác phàm. Tôi là hư vô. Ông nằm đấy cho người ta mày mò, mân mê, cắt xẻo... Tôi sẽ lang thang khắp thiên đàng, địa ngục, cũng như nơi trần thế. Tôi muốn đi đâu thì đi. Tôi muốn ở đâu tùy ý. Hai giờ đồng hồ của ông sẽ là hai ngàn năm của tôi. Tôi tự do. Tôi rộng chân rộng cánh. Tôi phiêu bồng, lang thang khắp chốn. Tôi muốn làm gì thì làm. Tôi muốn đi đâu thì đi. Tôi hét lên thật lớn. Ta tự do. Ta hoàn toàn tự do. Ta sẽ hành động. Ta sẽ xử. Ta sẽ giải quyết. Ta sẽ khởi đầu và ta cũng sẽ kết thúc. Cho mà biết... ” (tr. 7-8, 12). Cái chết chậm chờn nhưng chưa đến! Liệu sẽ có những Cơn Sốt khác?

4.

Thảo Trường có *giọng văn* trào-phúng của riêng ông. Trước 1975, văn đã phúng-thích khi nói đến đời sống ở các đô thị, đến các khuôn mặt trường giả, quan cách và trí thức rờm sống trên những cái chết của người khác. Sau thời-gian sống còn trở về từ các trại gọi là “cải tạo” của cộng-sản, giọng văn Thảo Trường trở thành trào-lộng đen, cay, lạnh lùng đến điếng người. Những cán bộ miền Bắc vào Nam hoặc các trại “cải tạo” được tả nhiều nét thật hiện thực, những nét lắm khi trở nên tối đen hoặc khốn cùng. Trong Những Đứa Trẻ Đầu Thai Giữa Hàng Rào, tình-yêu trở thành bản năng sống còn của tính giống hoặc truyền thừa; nam nữ đến với nhau gian nan, vội vàng:

“Sau lần gặp ấy chị thương anh vô cùng, chị diễn tả ‘không biết thế nào mà nói’. Thế rồi chị tính toán theo ý chị. Chị sẽ không mặc đồ lót. Chị sẽ mặc một cái quần mỏng mở chỉ hở dưới đáy. Cái quần cũng được luồn giây thung nhẹ. Chị thử kéo lên tuột xuống thấy nhẹ thì rất ưng ý. Chị cũng thử khom khom lưng và nghĩ làm sao cho anh được dễ dàng nhanh chóng, phải tạo điều kiện thuận tiện nhất cho anh ta hành sự. Thời gian không có nhiều. Tất cả chỉ trong nhấp nháy. Chớp mắt. Là phải xong. Thời giờ là vàng bạc. Cái này cũng giống như chiến thuật mà các anh cán bộ cách mạng hay khoe ‘đánh mạnh, đánh mau, rút lẹ’. Phải dùng sách của các anh mới được. Sách của giới giang hồ chúng tôi là ‘bắn chậm thì chết’. Lớng ngờ còn đang thập thò mà các anh bắt được thì tù mọt gông. Chị cũng bàn trước với anh để về phần anh cũng phải chuẩn bị không để một cái gì cản trở, như ‘Mỹ họ lấp ráp phi thuyền trên vũ trụ ấy’, như pháo binh ‘nhanh chóng, chính xác và hiệu quả’, như cán bộ vẫn leo lẻo “tu tưởng thông hành động đúng” ấy, anh hiểu chưa, khổ quá! Phải tập cho thuộc để khi có dịp là bập liên nghe chưa anh yêu!

Như vậy mà được đấy. Những mấy lần cơ. Có lần chiều sắp tối, trời lại lất phất mưa, chị tình nguyện đi lãnh cơm cho đội. Từ bên khu A theo dõi anh thấy và cũng mặc áo mưa đi xuống bếp trại. Khi trở về hai người ôm hai xoong cơm, liếc nhìn không thấy thì đưa trật tự đâu, đến một chỗ hàng rào khu, kềm gai đơn thưa thốt mấy sợi, chị bèn đứng lại khom lưng xuống chống hông sang phía anh, xoong cơm của đội chị vẫn ôm nơi bụng, từ bên kia những sợi kềm gai, anh luồn tay sang níu hai bên hông chị ghì tới... Chị nghe có tia nước ẩm áp phóng sang và chị cảm thấy thành công và thắng lợi. Hai tay anh buông lỏng ra, chị còn nghe tiếng anh thở hổn hển, chị đứng thẳng người lên, vẫn ôm xoong cơm của đội nơi bụng, chị liếc nhìn sang anh, miệng cười như mếu rồi bước vội về buồng giam của mình. Anh ta cũng lật đặt cái áo mưa lại, cầm cái xoong cơm treo trên cột hàng rào rồi cũng quay bước về phòng mình. Hai người hai hướng cảm lạnh và xót xa. Đứa con được tạo thành trong những cơn mê mẩn ấy...” (TTTTBTG tr. 54-5).

Như vậy, thế-giới tiểu-thuyết của Thảo Trường sau 1993 là một không-gian nặng nề, bế tắc, đầy uẩn ức. Cuộc chiến 1957-1975 đã tàn hơn 30 năm nhưng nhiều vết thương hình như vẫn chưa thể thành sẹo. Tuy vậy, một số các tác-giả có những đóng góp đáng kể cho dòng văn-học chiến-

tranh ở miền Nam hình như đã bị thời-gian và con người dần quên. Thảo Trường là một tác-giả miền Nam bị đi “cải tạo” lâu nhất, 17 năm, “tội danh” có là gì hơn là thói bệnh khả nghi và đòn thù, vì có bị xử đầu mà có bị-cáo lãn công-tố! Hình như một thứ lý thuyết và thực hành Binh-vận nào đó của thiếu tá Trần Duy Hinh (tên thật của nhà văn Thảo Trường), hoặc có người nghĩ thế, đã đưa ông vào chốn tre gai lâu nhất đó!

Con người nói chung và nhân-vật nữ cách riêng, được ngòi bút châm-biểu chiều cổ, nhưng ở ông, chữ dùng không thể nói là ác ý, trả thù; chúng như phản-ảnh lại bức tranh vãn cầu của xã-hội mới, sự thống nhất lãnh thổ đã đem theo ảnh-hưởng của hủ tục và hư hỏng của con người cai trị áp-đặt. Bên cạnh đó, tình-yêu là một đề tài thường xuất hiện trong thế-giới văn-chương của Thảo Trường. Từ một tình-yêu xẩy non của trai trẻ trong Hương Gió Lướt Đi, bị đất lũng trong cuộc tranh hùng chiến-tranh trong Chạy Trốn, Làm Quen, đến những chuyện tình dễ dãi của thời chiến như trong truyện ngắn Mặt Đường và truyện dài *Th. Trâm*. Người nữ ở đây phải đẹp “ngồn ngộn (...) đẹp kích động không chê được” nhưng vai nam chẳng hưởng lâu được, chuẩn úy Viên đa tình và được đàn bà con gái mê thế mà phải chết vô duyên vì “rắn độc bò vào lều cắn chết”(tr. 225). Rồi đến thời hậu chiến sau 1975, tình-yêu trở nên bản năng, sống còn, trở nên cái có để buông xuôi, bỏ cuộc! Và khi đã lên lão, chính những nét chấm phá tình nghĩa đã làm nên tình-yêu!

Con người “được” Thảo Trường nghiêm khắc phân thân, phân tâm, quan sát và xét đoán; lịch-sử, cuộc đời cũng “được” ông cắt vụn ra rồi chấp lại với những lời “bàn” rất là Kim Thánh Thán, một Kim Thánh Thán đã ê chề đến tột cùng, và với những lời “chép sử” rất Tư Mã Thiên, một Tư Mã Thiên thời đại không chỉ bị khống chế của một triều đình, mà còn bị đủ thứ thế lực muốn đè bẹp hoặc “giết người trên cạn”! Trong *Mây Trôi, Đá Mọc, Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai, Tầm Xa Cũ Bản Hiệu Quả* và *Miếng*, người đọc đều có thể tìm thấy cái cung cách làm văn đó của Thảo Trường. Và người đọc được tác-giả trình bày lịch-sử của một phần dân-tộc trong đó nhiều phần tiểu sử được phác họa hoặc phân tích, có khi tha thiết như của người trong cuộc dự phần lịch-sử chung, có khi lạnh lùng của người ngoại cuộc không can dự chi! Con người dần thân đầy thiện chí và ý thức trước 1975 đã nhường chỗ cho những nhân-vật thời nhiều nhượng, đạo lý suy đồi, không còn nhân tính, lẽ phải. Họ là những con cò gặp nước gặp thời, nhưng họ còn là những kẻ bị ném ra ngoài lẽ thường, phải tìm cách sống còn, cựa quậy, vương lên tìm hơi thở và chút ấm của mặt trời.

Qua tác-phẩm, Thảo Trường đã dùng văn-chương như một phương-tiện giải phóng con người. Ông viết về sự thật theo ông và có thể nói theo một truyền-thống trí-thức làm người tỉnh thức hoặc nhắc nhở, đánh động, và ông đã muốn đạt đến một cách giản dị, tức là ông không đao to búa lớn trong ngôn-ngữ cũng như phức tạp về kỹ thuật. Theo thiên nghĩ, truyện của Thảo Trường được viết ra, đến với người đọc, không phải để làm văn-chương, để làm dáng, mà như để đóng lên tiếng nói phải có của lương tri, của ý-thức, một *ý thức không rời*, luôn có mặt. Một thứ văn-nghệ vị nhân sinh, một văn-nghệ có chủ đích hướng thượng. Tác-phẩm của ông đã phiến hà không ít giới trí thức và lãnh đạo nhất là những người điều khiển guồng máy chiến-tranh và đồng thời đối với giới văn-nghệ sĩ, ông cũng đã không cùng một chiều. Có lẽ đó là lý do Thảo Trường đã gần như không có mặt trong các tuyển tập văn-chương, hình như lần đầu đầu đời viết văn với truyện Hương Gió Lướt Đi trong *Tuyển Truyện Sáng Tạo*, và lần sau trong tuyển tập của Nguyễn Đông Ngạc, *Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê-Hương Chúng Ta* xuất-bản năm 1974, với truyện Viên Đạn Bắn Vào Nhà Thục – có ghi lại quan niệm của ông về truyện ngắn: “Viết truyện ngắn là dùng thứ kích thước nhỏ để dựng một vấn-đề có khi... rất lớn” (2). Và 21 năm sau, trả lời một phỏng vấn của Nguyễn Mạnh Trinh (*Văn*, 163, 12-1996), ông cho biết “Tôi vẫn có tham vọng làm sao “nhét” cả một cuộc chiến tranh vào trong một truyện ngắn, làm sao đưa được cả một thời đại mình đang sống vào trong một truyện ngắn” và tái xác nhận “vấn đề lớn cũng vẫn là ‘thân phận con người trong thời đại này’” (3).

Một số tựa đề tác-phẩm của Thảo Trường không tra chuốt hay thách đố trí tưởng người đọc mà có khi lại có vẻ thản nhiên, hững hờ như *Viên Đạn Bắn Vào Nhà Thục, Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kính Đồng Tháp, Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai, Tầm Xa Cũ Bản Hiệu Quả*,...

Nếu xét về hình-thức thì tác-phẩm của ông trước sau đều rất thường, bìa 1, 2 màu, không tranh họa, khi đăng trên các tạp-chí của văn-chương “xám” thì mực in ronéo để dấu nhoè nhoẹt hoặc để lại những loang lổ của kiểm duyệt đục bỏ.

Tác-phẩm của Thảo Trường có *giá trị* nào không? Theo thiển ý, tác-phẩm của Thảo Trường có giá trị ở thời của ông, trước và sau 1975, ông đã là khuôn mặt lớn của *văn-chương “ý-thức”*, tra vấn. Văn-chương của nạn nhân, của những con người không lối thoát, không tin chiến thắng của vũ khí, luôn đi tìm chân-lý, chính thống, tìm những tín hiệu mới cho cuộc đời và phận người! Trước 1975, ông đã được người đọc nhất là giới trẻ khao khát lối thoát, tìm đọc. 30 năm sau, Thảo Trường còn có sứ-điệp hay tâm sự gửi gắm nào không? Có đấy chứ, kinh qua của tác-giả, của tình đời từ sau ngày tàn cuộc chiến, những bức tranh vân cầu chủ tớ đổi ngôi, những quái đản, ngu dốt được kẻ thắng hay chủ mới xem như tiêu chuẩn, v.v. đã được ngòi bút Thảo Trường ghi lại khi tị nạn sang Hoa-kỳ. Ông đã kể rằng”ngày 30 tháng 4 năm 1975 tôi bị bắt làm tù binh. Tôi bị CS giam giữ gần mười bảy năm, trải qua 18 nơi giam giữ từ Nam ra Bắc rồi từ Bắc vô Nam. (...). Tôi bị cộng sản bỏ tù lâu vào tận đáy vực của họ để thấy một điều rõ ràng là họ giả dối một cách thiệt tình, họ tàn nhẫn rất nhiệt tâm, độc ác nhân danh lòng nhân đạo. Những người cộng sản cấp dưới không biết việc họ làm, vì thế tôi không hề thù hận họ. Song những lãnh tụ của họ thì phải chịu trách nhiệm về những tan nát của quê hương Việt Nam. Cái thời chiến đổ vỡ tan hoang đó cũng như cái thời tù cơ cực nghiệt ngã đó nó phải có tác động nhất định nào đó vào những tác phẩm của tôi. Cũng như bây giờ sống trong một nước Mỹ không chiến tranh, nhưng thế giới đang ở một thời loạn, nơi này có kẻ nhận là chúa, nơi khác có bà xưng mình là phật, con giết cha mẹ, mẹ trấn nước con thơ, vợ chồng giết hại lẫn nhau, bom nổ lung tung giữa trung tâm nước Mỹ, Anh, Pháp... hơi độc giết người tại thủ đô Nhật bản..., và ở Việt-Nam cũng vẫn còn “ngụy cộng sản” vẫn còn “giả dạng cách mạng”...thì chúng ta không thể thờ ơ khi làm tác phẩm” (4).

5.

Trong cuộc chiến vừa qua, sống ở bên này hay bên kia thì người dân vẫn đã không có tự do lựa chọn. Nhưng có thể có thái độ *dấn thân* khi đã chấp nhận định mệnh (chiến-tranh như một định mệnh), một chấp nhận rất hiện sinh mà cũng trung-thực không kém. Phản kháng trong khuôn định mệnh, tác-phẩm lấy bối cảnh cuộc chiến nóng bỏng đang diễn ra, đang tàn phá; nhưng Thảo Trường và một số nhà văn như Phan Nhật Nam, Nguyễn Vũ, Ngô Thế Vinh, Trần Hoài Thư, v.v. đã bị chụp mũ làm nhụt lòng chiến sĩ hoặc làm mất miền Nam, trong khi họ cầm súng bảo vệ miền Nam; riêng Thảo Trường đã làm binh vận, tâm lý chiến, đã phải nghiên cứu các “binh-thư” ‘rừng núi sinh lầy’ (*Miếng*, tr. 97), “‘mưu sinh thoát hiểm’ của Tổng cục quân huấn và trường sĩ quan trừ bị Thủ đức” hay “phương châm chiến lược hai chân ba mũi” của cộng-sản (*Đá Mục*, tr. 76, 123), v.v. Dĩ nhiên, họ là người dứt khoát của bên này chứ không phải nằm vùng hoặc là người của bên kia – như Vũ Hạnh, Lữ Phương, Sơn Nam, Thế Nguyên, Nguyễn Ngũ, v.v. là những người viết theo nghị quyết hoặc chỉ thị, làm công-cụ cho Mặt Trận Giải Phóng và Hà-nội! Như vậy, không thể xếp Thảo Trường vào số văn nghệ sĩ phản chiến được. Không thể tổng quát hóa cho rằng Thảo Trường và những nhà văn cầm súng đã tiêu cực phản chiến làm mất miền Nam. *Phản chiến* đúng ra là một nhãn hiệu chỉ có thể áp dụng cho những nhóm thanh niên hoặc trí thức ở Hoa-kỳ hoặc Âu-châu chống chiến-tranh Việt Nam; trong khi đó, các nhà văn trên đã *nhập cuộc*. Nói rằng họ nói lên cái *ý chí phản kháng* thì đúng hơn. *Dấn thân, nhập cuộc* là hình-thức hiện hữu trọn vẹn nhất của nhà văn qua tác-phẩm! Thật vậy, chân lý sẽ được tỏ ngời khi nó đã được nắm bắt hiệu lực qua các tổ cáo, nhắc nhở, tra vấn,... tức là qua phản-kháng! *Dấn thân* không chỉ trực diện, mà còn có thể đi đường vòng hoặc dùng các phương-tiện khác; vì phản kháng có những điều kiện và hậu quả cay đắng như tác-phẩm bị kiểm duyệt hoặc tịch thu và bị ra tòa – thường là tòa án quân sự. Thái độ *dấn thân*, phản kháng này được Thảo Trường đề cập nhiều lần, như trong *Chạy Trốn*, những thanh niên ở phía quốc-gia thì đi lính và chiến đấu nhưng khi đường cùng, thì quyết định không... chạy trốn. Họ nhận ra

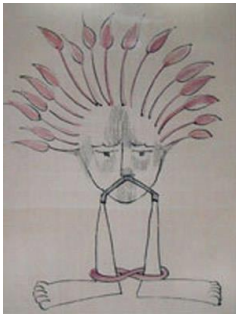
chân lý rằng sự có mặt cũng đã là chiến đấu rồi. “Chiến đấu không cứ phải là bắn giết. Có thái độ cũng là chiến đấu” (tr. 58).”

Ngoài ra, qua tác-phẩm của Thảo Trường, người đọc vẫn có thể nhận ra những ẩn chứa tiềm tàng những cổ-xúy đạo-đức, những điểm nhắm chính-trị vừa con người cá-thể vừa con người tập-quần, và cả một chủ trương ngầm về *văn-chương là gì*, cho ai và để làm gì! Văn-chương ở đây là của dân thân, của tra-vấn không ngừng, không nhân danh chủ nghĩa, ý thức hệ, nhưng nhân danh con người, nhân danh lương trí, ý thức,... Như vậy, Thảo Trường và Phan Nhật Nam làm nhà văn dân thân tham dự chiến-tranh, Thế Uyên dân thân chính-trị làm cách-mạng xã-hội, Trần Hoài Thư, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Vũ, v.v. nhân danh con người để phản đối chiến tranh còn những Vũ Hạnh, Thế Vũ, Thế Nguyên, Trịnh Công Sơn, Trần Vàng Sao, Trần Hữu Lục, Bảo Cự, Ngụy Ngữ,... đã phản chiến theo chỉ thị của guồng máy chiến-tranh trong đó một số đã bị lừa phỉnh!

Tác-phẩm của Thảo Trường dù trước 1975 hay sau 1993 đều nặng nề nội-dung và cái chuyển tải và thân phận con người nhất là con người Việt Nam trong thời chiến-tranh và hậu chiến vừa bị đát vừa đa tạp. Phải sống hoặc có thể nhập được trong thế-giới tiểu-thuyết của ông mới có thể thường thức được trọn vẹn. Nơi đó, là tranh chấp ý thức hệ, là những vấn nạn hiện sinh, dịch lý và định mệnh, những tìm kiếm để hiểu, để sống những cái không thể hiểu, do đó đành phải sống những cái phi lý của đời sống và lý thuyết. Thảo Trường không làm dáng văn-chương nhưng ngôn-ngữ của ông đề nặng lương tri, tố cáo với nhân loại những bạo lực tàn độc, tà-đạo và những “chân-lý” giả-hình. Ông tố-cáo rằng con người đang bị vong thân hóa, đang bị biến chất, dù ở bất cứ đâu! Thêm một tiếng chuông báo tử đã được gióng lên, nhưng đã có ai đó nghe thấy chưa?

20-1-2006

Phụ đính:



Nhà văn Thảo Trường trong tù
(tranh Choé - Nguyễn Hải Chí)

Trò chuyện với nhà văn Thảo Trường Phạm Phú Minh

Giữa lúc sinh hoạt văn học của người Việt hải ngoại có phần trầm lắng, thì có một tin vui, đó là nhà xuất bản Người Việt vừa in xong Tuyển Tập “Những Miếng Vụn Của Tiểu Thuyết” của nhà văn Thảo Trường. Nhà văn Thảo Trường là một cây bút quân đội đã thành danh từ lâu trước 1975 tại miền Nam. Tập truyện ngắn đầu tay của ông có nhan đề Thử Lửa xuất bản năm 1962 khi ông ở tuổi thanh niên. Sau đó ông được mọi người biết đến với các tác phẩm như Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp (1966), Vuốt Mắt (1969), Cánh Đồng Đã Mất (1971) và nhiều tác phẩm khác. Từ biến cố 1975 ông đã là một trong những người bị giam cầm lâu nhất

trong các trại cải tạo, hết trong Nam đến ra ngoài Bắc, hết ngoài Bắc lại vào trong Nam, tổng cộng 17 năm. Sau khi đến Mỹ năm 1993, ông lại tiếp tục sáng tác sau gần hai thập niên xa cách với thế giới chữ nghĩa. Cuốn sách đầu tiên của thời kỳ sau cải tạo là Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai xuất bản năm 1995, từ đó đến nay đều đặn cứ vài ba năm ông lại cho ra đời một đứa con tinh thần. Nhân dịp tuyển tập của ông được xuất bản vào Mùa Hè năm nay, Phạm Phú Minh đã có cuộc trao đổi với ông trên đài truyền hình VOCT, được ghi lại như sau.

Phạm Phú Minh: Thừa nhà văn Thảo Trường, chúng tôi nhận được tin vui là anh vừa in xong tuyển tập của anh, xin được chúc mừng anh. Sau một thời gian dài cầm bút, nay in tuyển tập thì chắc là anh có ý định tạm thời làm tổng kết cho việc viết lách của mình? Tính đến bây giờ thì anh đã viết văn trong bao nhiêu năm, và đã xuất bản được bao nhiêu tác phẩm?

Thảo Trường: Tôi bắt đầu thích thú với công việc viết văn làm thơ từ thời đi học, tức thời trước năm 1954 tại thành phố Nam Định. Lúc đó tôi học trung học, và có một ông thầy là cụ Trần Văn Hào, tôi đã được nghe thầy giảng mấy trăm bài Đường thi và Truyện Kiều cùng rất nhiều ca dao tục ngữ. Từ thời ấy tôi đã ao ước trong đời tôi sẽ làm một điều gì đó giống như những điều mình đã học. Mới 15, 16 tuổi mà tôi đã tính... ra một tờ báo!

Sau đó vào Nam tôi thất bại trong việc học hành, vì tôi đi có một mình, ông cụ tôi mất và mẹ tôi lại ở lại miền Bắc. Sau khi thi rớt Tú Tài, tôi đi vào quân trường Thủ Đức. Ra trường Thủ Đức tôi đóng ở Quảng Trị, vùng vĩ tuyến 17, thời gian này tôi bắt đầu cầm bút, và cuốn truyện đầu tiên của tôi là tập Thử Lửa, viết cách đây hơn 50 năm.

Tổng kết việc viết lách, thì tôi đã xuất bản 14 cuốn truyện tại Việt Nam trước 1975; tại Mỹ từ 1993 đến nay đã in được tám quyển. Còn một số bản thảo viết tại Việt Nam mang đi Mỹ được thì tôi chưa in. Vừa rồi tôi tập hợp một số truyện từ trước đến giờ để in trong tuyển tập “Những Miếng Vụn Của Tiểu Thuyết.”

Sở dĩ gọi là “miếng vụn” vì khi ở trong tù tôi có dự tính khi ra khỏi tù sẽ viết một cuốn trường thiên tiểu thuyết thật đầy đủ về quãng lịch sử vừa qua, thế mà khi qua Mỹ rồi, cuộc sống ở đây khiến tôi chỉ thích viết truyện ngắn. Tuy là truyện ngắn mà truyện nào tôi cũng muốn chứa đựng trong đó cả một giai đoạn lịch sử của cuộc chiến. Suốt mười mấy cái truyện ngắn tôi cứ làm đi làm lại như vậy, mà vẫn không thành một truyện dài như tôi đã mong ước. Các truyện ngắn ấy tôi coi như là những miếng vụn của cái trường thiên tiểu thuyết tôi định làm mà không làm được, vì thế tôi gọi là “Những Miếng Vụn Của Tiểu Thuyết.”

Phạm Phú Minh: Thừa anh, anh vừa là chứng nhân vừa là người tham dự trọn vẹn cuộc chiến 20 năm trước khi miền Nam mất vào tay Cộng Sản. Có nhà phê bình đã cho rằng tác phẩm của anh trước 1975 phản ánh nhiều mặt của cuộc chiến ấy với quan niệm nhà văn tại đây phải tự nhận trách nhiệm, trình bày bộ mặt kinh khủng của chiến tranh với những tra vấn không ngừng của người trí thức. Anh nghĩ sao về nhận định này?

Thảo Trường: Tôi nghĩ điều đó đúng, nhà văn thì không thể tách rời ra khỏi cuộc sống và xã hội quanh mình. Vì thế, cuộc chiến tại Việt Nam trước 1975, thời gian đi tù từ 1975, cũng như thời gian sang lánh nạn bên Mỹ này, dù muốn dù không đều có tác động đến tôi và có mặt trong tác phẩm tôi viết.

Khi viết, tôi lấy những dữ kiện, chất liệu trong cuộc sống đó - trong chiến tranh, trong trại giam và trong cuộc sống của chúng ta bên Mỹ bây giờ cộng với những điều tôi đọc được trong sách vở - từ những cái đó tôi dựng nên những nhân vật, những câu chuyện. Tôi mô tả cuộc sống thông qua tác phẩm văn nghệ.

Phạm Phú Minh: Xin anh cho biết những tác phẩm nào trước 1975 mà anh bằng lòng nhất trong công việc phản ánh những bi đát của một cuộc chiến vừa mang tính chất ý thức hệ vừa là huynh đệ tương tàn của Việt Nam? Và xin anh cho biết tác phẩm của anh có liên quan đến điều mà người ta thường nói, là “phản chiến”?

Thảo Trường: Trước hết, tôi là người tham chiến. Nếu có ai bảo tôi là phản chiến thì là không đúng, vì tôi ở trong cuộc chiến đó. Những năm đầu sĩ quan của tôi, tôi đi theo những đơn vị tác chiến từ vĩ tuyến 17 cho đến Đồng Bằng Sông Cửu Long, và làm một số công việc, chẳng hạn đi tiền sát cho pháo binh trong những trận đánh. Những năm về sau tôi được điều động về cơ quan tham mưu, từ đây tôi có cơ hội tìm hiểu nhiều hơn những diễn tiến của cuộc chiến Việt Nam. Tất cả những cái đó dù muốn dù không cũng “ám” vào tác phẩm của tôi.

Trong những truyện tôi đã viết, có những truyện tôi rất thích mà tôi nghĩ độc giả cũng thích, ví dụ truyện Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp, hoặc Viên Đạn Bắn Vào Nhà Thục chẳng hạn. Trong số những truyện loại này có một truyện tôi muốn dùng một nhân vật ngoài cuộc chiến nhìn vào cuộc chiến ấy, đó là một cô nữ sinh trong một trường nội trú ở Đà Lạt trốn ra về với mẹ, và chứng kiến cảnh chiến tranh. Cô đã thấy cảnh đánh nhau, cảnh giết nhau, thấy những tử thi... Tôi muốn dùng một nhân vật không biết gì về cuộc chiến để nhìn cuộc chiến đó. Không biết độc giả có để ý đến truyện này không, riêng tôi, tôi rất thích cái nhìn khác về cuộc chiến của nhân vật trong truyện này. Đó là truyện Thềm Đá Xanh Rêu. Rồi đến những cái thể thảm của trại giam, dù muốn dù không nó cũng nằm trong truyện của tôi. Có người nói rằng mọi thứ bây giờ đã qua rồi, nói lại chuyện ấy làm gì, nhưng tôi thì cho rằng không thể nào không nói đến.

Phạm Phú Minh: Từ sau năm 1975, anh đã bị cầm giữ trong nhà tù cải tạo suốt 17 năm, di chuyển tới hàng chục trại trong Nam và ngoài Bắc. Đó là một điều rất rủi ro. Nhưng với tư cách của một nhà văn, anh có thấy trong cái rủi này cũng có được một khía cạnh tích cực, ấy là anh đã thu thập những kinh nghiệm rất đặc biệt làm phong phú cho công việc viết lách cho mình về sau này không?

Thảo Trường: Nếu tôi nói may mắn được đi tù thì không đúng, không ai muốn đi tù. Tôi lỡ chẳng may nó bắt được thì nó bỏ tù. Nhưng một khi đã sa vào một hoàn cảnh như vậy, khi đã lấy lại bình tĩnh mà nhận định thì thấy đây cũng là một xã hội, cũng là một khung cảnh sống, tại sao mình không nghiên cứu, tìm hiểu nó. Vì thế, thời gian ở tù về sau lại có ích cho tôi. Tất cả đau khổ, tàn nhẫn, xót xa mà anh em trong tù phải chịu, những cảnh trớ trêu mình gặp hay sự dốt nát, tội nghiệp của cai tù... đều đòi hỏi mình để tâm phân tích. Đối với tôi thời gian ở tù đã cung cấp rất nhiều chất liệu để viết. Cuộc chiến Việt Nam thì cả thế giới này người ta đã nhìn thấy, kể cả cuộc sống tù đày sau đó cũng thế. Nhưng là nhà văn, anh phải thể hiện những cái đó ra, vì thế tôi đã để tâm phân tích, tồn trữ, khi qua Mỹ tôi mới sử dụng trong tác phẩm của mình. Nhưng tất cả đều là “miếng” hết, không có tác phẩm lớn như mình mong muốn. Trước 1975 tôi đã viết một tiểu thuyết dài, đó là cuốn Bà Phi mấy nghìn trang, chưa xuất bản. Lúc đó cần tiền cho gia đình, tôi đã bán truyện ấy cho báo Tiền Tuyến để đăng dần trong suốt mấy năm trời. Thời gian này số phát hành báo Tiền Tuyến tăng đáng kể, các anh đã làm trong báo Tiền Tuyến, như anh Phan Lạc Phúc chẳng hạn, biết chuyện đó.

Phạm Phú Minh: Bây giờ anh có ý định in lại Bà Phi không?

Thảo Trường: Tôi chưa có khả năng làm việc này, vì bản thảo chưa tìm được đầy đủ. Hiện tại tôi chỉ có độ 500 trang thôi. Tôi đã liên lạc các thư viện miền Đông nước Mỹ, được biết tại đó báo Việt ngữ thời trước của miền Nam còn rất nhiều, trong đó chắc có các tờ báo đã đăng truyện của tôi. Sau 1975, bản thảo của tôi bị mất, tôi phải làm cách này để thu thập trở lại.

Phạm Phú Minh: Nếu tôi nhớ không lầm thì anh định cư ở Hoa Kỳ năm 1993, và chỉ hai năm sau, vào năm 1995 một nhà xuất bản ở Paris đã cho ra cuốn Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai, rồi tiếp theo các nhà xuất bản ở Mỹ đã ấn hành Đá Mục (1998), Tầm Xa Cũ Bán Hiệu Quả (1999), Mây Trôi (2002), Miếng (2005), Thềm Đá Xanh Rêu (2007). Anh có thể cho biết, so với các tác phẩm trước 1975, các cuốn sau này có những khác biệt gì về đề tài, về chất liệu, về vốn sống, về quan niệm viết v.v... không?

Thảo Trường: Khác biệt rất nhiều. Xã hội trước 1975 là một xã hội tan rã, một xã hội chiến tranh trong đó cuộc chiến tương tàn gây rất nhiều đổ vỡ. Chỉ có một chất liệu đó thôi. Nhưng sau 75 có thêm chất liệu về hận thù, về khổ sở đói khát, về giam cầm. Rồi đến khi qua Mỹ thì cuộc sống ở đây hoàn toàn khác Việt Nam. Tất cả những điều vừa nói đã tác động vào bộ não, vào suy nghĩ của tôi, và những tác phẩm của tôi sau này tôi viết khác trước 1975. Bây giờ trong tuổi già tôi vẫn làm việc đều đặn. Có khi cả ngày tôi chẳng viết được dòng nào, thay vào đó tôi có thể đọc, rà lại sự việc để chuẩn bị. Các diễn tiến trong các tác phẩm viết tại Mỹ được trình bày kỹ càng hơn, ý nghĩa trầm hơn, và cũng gay gắt hơn. Đó là sự khác biệt giữa những tác phẩm thời chiến tranh và thời lưu vong.

Phạm Phú Minh: Xin cảm ơn nhà văn Thảo Trường đã dành cho buổi trao đổi hôm nay. Một lần nữa xin chúc mừng nhà văn đã ra tuyển tập, chúc anh viết khỏe như những năm vừa qua.

Phỏng vấn Thảo Trường Đặng Phú Phong

Đặng Phú Phong: Từ “ Thử lửa” tập truyện ngắn đầu tay của nhà văn Thảo Trường xuất bản năm 1962 đến nay, tháng 8 năm 2008 là cuốn Những Miếng Vụn Của Tiểu Thuyết là một hành trình trải dài theo nhiều biến động của lịch sử. Xin anh giới thiệu một cách khái quát về quãng đường sáng tác 46 năm ấy.

Thảo Trường: Thử Lửa, tác phẩm đầu tay in năm 1962 (nxb Tự Do, Saigon, của ông Phạm Việt Tuyền) nhưng tôi viết những truyện ngắn đó từ 1956-1960 và đã đăng hầu hết trên tạp chí văn nghệ Sáng Tạo của nhà văn Mai Thảo, như thế tính ra đến nay đã nửa thế kỷ, nghĩ lại thấy cũng đã rời tay chân.

Tôi mồ côi cha từ nhỏ, mẹ tôi chỉ nuôi tôi đi học, không có ai hướng dẫn chỉ bảo và mọi việc tôi phải tự mày mò lo liệu lấy. Sau khi đậu Trung học ở trường Nguyễn Khuyến Nam Định, năm 1954 di cư vào Nam. Tôi thi tú tài mấy lần đều “trượt” nên bèn xin vào học khóa 6 sĩ quan trừ bị Thủ Đức, do đó mà tôi chưa hề được biết đại học văn khoa là gì. Ra trường làm sĩ quan pháo binh tôi xin ra miền Trung để có dịp đứng ở bờ nam sông Bến Hải vĩ tuyến 17 xem nó... thế nào. Những năm đó tôi đã có dịp đến ở nhiều nơi, Huế, Quảng trị, từ giới tuyến đến đèo Le, vào thung lũng suối nước nóng Nông sơn Quảng Ngãi, Ba biên giới... Thời gian này tôi viết tập truyện Thử Lửa.

Sau đó tôi phải chuyển vào quân khu 3, rồi 4, nên đã lội bộ ở nhiều nơi, các tỉnh miền nam, miền đông rồi miền tây, lội qua Đồng Tháp Mười, bị quẹo chân phải tàn thương đến Tổng y viện Cộng hòa điều trị gần một tháng. Những tác phẩm sau này hình thành trong tình cảnh ấy. “Tầm Xa Cũ Bán Hiệu Quả” lấy khung cảnh ở Mỹ tho.

Khoảng 1966 tôi được điều về làm việc ở cơ quan nghiên cứu về binh vận Cộng Sản tại cục An ninh. Ở sở làm tôi ngập đầu với những tài liệu chiến tranh của Cộng Sản, những nghị quyết, những chỉ thị, tài liệu học tập, những thư tay, những bài báo, những bài tham luận, những cuốn nhật ký thu về từ chiến trường... Tôi cũng đã đi Nhật, Đài loan, Singapore, Nam Vang và Hà nội để nghiên cứu.

Ở Sài Gòn ngoài việc làm tham mưu cho quân đội, tôi viết những tác phẩm, dài và ngắn, làm các tờ tạp chí Hành Trình, Đất Nước với nhóm bằng hữu ngoài quân đội. Tôi cũng phải viết thêm cho các nhật báo Tiền Tuyến, Thần Phong, Xây Dựng, Tin Sống, Quạt Cường, Chuông Việt, VTX... để kiếm thêm tiền nuôi vợ con.

Ngày 30 tháng tư năm 1975 tôi bị bắt làm tù binh, sau đó hai tháng họ nhập tôi vào trại giam với các sĩ quan trình diên cải tạo. Tôi bị đưa ra Bắc rồi vào Nam lang thang ròng rã 16 năm 4 tháng 4 ngày. Năm 1992 họ thả về Saigon. Đầu năm 1993 tôi qua Mỹ đoàn tụ với gia đình. Bắt

đầu viết lại. Rất may là ở đây tôi không phải đi làm nuôi vợ con nữa, họ nuôi lại tôi, nên tôi không phải làm báo như ở Saigon năm xưa. Tôi dành toàn bộ thời gian để ngẫm nghĩ về thời chiến, thời tù đã qua và đời lưu vong hiện tại. Tôi gửi gắm những suy nghĩ đó vào những sáng tác. Tôi không biết chép sử và cũng không thích viết hồi ký. Tuyển tập “Những Miếng Vụn Của Tiểu Thuyết” là tác phẩm mới nhất gồm những sáng tác tôi ưng ý hoặc được đọc giả chú ý tới.

Đặng Phú Phong: Như vậy anh đã có cả thầy 2 lần “ra” Bắc đều đặc biệt. Lần thứ nhất “ra” Bắc trước 1975 để “nghiên cứu”, lần thứ hai là để ở tù. Ở tù thì nhiều người và chính anh cũng đã viết về nó. Anh có thể cho biết thêm về thời điểm, bối cảnh... chuyển ra Bắc lần thứ nhất để nghiên cứu của anh không?

Thảo Trường: Năm 1973, thi hành hiệp định ngưng bắn ký ở Paris, trong cuộc trao trả tù binh lần 2 tại Hà Nội, Cục An ninh đã thoả thuận với Phái đoàn VNCH trong ban Liên hợp quân sự 4 bên để cử 1 sĩ quan của Cục đi trong phái đoàn đó. Tướng Cục trưởng Cục An ninh đã giao cho tôi làm nhiệm vụ đó. Ông đã gặp riêng tôi và nói tôi phải nhân cơ hội này nhìn tận nơi, nghe tận tai “bên trong” chế độ cộng sản miền Bắc. Từ trước đến giờ tôi chỉ nghiên cứu đối phương qua tài liệu và qua những buổi làm việc với các cán bộ CS bị bắt làm tù binh, nay ông muốn tôi ra tận nơi ngoài ấy để nhìn tận chỗ xã hội đó. Tôi bay ra Hà Nội cùng Phái đoàn 4 bên và Ủy hội quốc tế 4 nước. Tôi ở khách sạn Hòa Bình (tên cũ trước 1954 là Splandite Hotel) chính quyền đãi ăn cơm tám giò chả, đưa đi tham quan thành phố và gọi tôi là... ngài. (Lần thứ hai, năm 1976, ra ngoài Bắc làm tù binh tôi ăn củ sắn và bị kêu là... thằng ngục). Tôi thăm nhà giam Hỏa Lò (nơi giam giữ cuối cùng, chiếu theo qui định của bản hiệp định, những tù binh Mỹ sẽ thả). Ở sân bay Gia Lâm tôi chứng kiến Hà Nội trao cho phái đoàn Mỹ 43 tù binh trong đó có một đại tá và một viên chức ngoại giao Đức. Một sĩ quan Hà Nội đưa tặng tôi một gói sách, nói hôm trước có sĩ quan miền Nam đưa tặng quyển Mùa Hè Đỏ Lửa của nhà văn Phan Nhật Nam, nay họ tặng lại. Tôi cời dây chuỗi buộc thấy có quyển thơ văn Nguyễn Đình Chiểu và một tập nhạc. Tập nhạc gồm toàn những bài hát ca tụng ông Hồ chí Minh. Quyển sách biên khảo văn học có những thơ văn của cụ Nguyễn Đình Chiểu nhưng vào đầu sách là một bài dài nói thơ của cụ chống ngoại xâm và đưa cụ vào chiến tuyến chống Mỹ cứu nước. Hôm sau nhật báo ở Saigon đi tin lớn trang nhất “Cuộc trao đổi văn hóa đầu tiên giữa hai miền Nam Bắc VN, qua hai nhà văn”. Tôi đã chụp nhiều ảnh và phải viết một bản nghiên cứu về cộng sản VN. Tôi cũng đã viết quyển tùy bút “Hà Nội, Nơi Giam Giữ Cuối Cùng”. Sách do Đại Ngã xuất bản. Nội dung quyển sách tôi ghi lại chuyến đi và suy nghĩ của tôi về hòa bình VN. Tôi đã nhận định rằng “Hà Nội, nơi giam giữ cuối cùng những tù binh Mỹ và còn là nơi giam giữ cuối cùng những gì nữa của dân tộc, quyền tự do dân chủ, việc thống nhất đất nước?”

Đặng Phú Phong: Anh đã nhận định về chính quyền Hà Nội rất sâu sắc và chính xác, tiếc anh đã không đưa tập tùy bút ấy vào tác phẩm “Những Miếng Vụn Của Tiểu Thuyết”. Nhưng tại sao là Những Miếng Vụn Của Tiểu Thuyết mà không là Những Mảnh Vụn, hay Những Mảng Vụn...? (trong khi anh là người miền Bắc) Như vậy mảnh và miếng có nghĩa khác nhau? Và tiện thể xin anh vui lòng giới thiệu về tác phẩm này.

Thảo Trường: Mảnh có nghĩa khác. Còn Mảnh hay Miếng theo tôi nghĩa như nhau. Ở quê tôi Nam Định thường nói mảnh, trong Nam người ta nói miếng, tôi thích dùng chữ miếng vụn hơn là chữ mảnh vỡ. Thời tù tôi vẫn ấp ủ một tác phẩm lớn, khi tự do cầm viết lại sẽ làm một trường thiên tiểu thuyết hậu chiến. Nhưng rồi không hiểu sao tôi cứ mỳ mòm tìm cách nhét cả cuộc chiến, nhét cả một giai đoạn lịch sử vào trong một truyện ngắn, càng ngắn càng tốt, đến nay viết ra mấy chục truyện ngắn không biết có cái nào mình nhét cái thặng khổng lồ đó vào cái chai nào được hay chưa. Thế cho nên nhìn lại trong tay chỉ có mấy *miếng vụn*. Trường thiên chưa làm được, vốn liếng sắp cạn, thân già mệt mỏi. Em vẫn đẹp, quyền lực càng ngày càng lớn, nhà văn thì kiệt sức, có lẽ tôi sai rồi, có lẽ tôi thua rồi. Chỉ mong sao làm được một cái bé tí tẹo để

tặng cho đời.

Tuyển tập NMVCTT gồm: 4 truyện viết trước 1975 ở trong nước, 22 truyện mới viết ở Mỹ và 1 bài trả lời phỏng vấn (trích). Dày 550 trang, giấy đẹp, bìa da cứng, chữ mạ vàng, bọc ngoài là tranh của họa sĩ Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp.

Đặng Phú Phong: Chiến tranh Việt Nam kết thúc bằng cái chết tức tưởi của Việt Nam Cộng Hòa. Là một sĩ quan của quân đội Miền Nam và đồng thời cũng là một nhà văn có tiếng tăm, anh đã rút kinh nghiệm như thế nào cho hai vị thế của anh trong bối cảnh lịch sử như vậy?

Thảo Trường: Tôi chẳng nghĩ là “chết tức tưởi”. Chỉ là thua đau vì VNCH trước sau không có được lãnh đạo bản lĩnh giỏi, không có được cái nhìn chính trị, lịch sử, sâu xa nên hụt chân khi đồng minh bỏ chạy. Cũng không trách được người. Cũng chẳng có gì phải tự trách mình. Thua đau thì đã thua đau rồi. Nhưng với lịch sử, tính cho đến năm 1975 Việt Nam đã quá tan nát rồi, giải quyết cuộc nội chiến tương tàn thế nào đây. Không hòa được thì phải có một bên thua, ai chịu thua ai chịu nhục. Kẻ nào cũng muốn mình thắng, mà muốn thắng thì phải âm mưu đủ điều, lưu manh đủ điều, tranh dành đủ điều. Phía quốc gia cũng muốn thắng nhưng lại cũng muốn làm người quân tử chính nghĩa nhân đạo, tự do dân chủ, thì làm sao thắng! Thế cho nên Cộng Sản họ chớp được chính quyền, họ giật được chính quyền, họ cướp được chính quyền đúng từ ngữ cướp. Lịch sử còn đó, công tội thế nào còn đó, không phải cứ già mồm là được đâu. Bởi vì danh lấy quyền điều hành đất nước là phải có trách nhiệm với đất nước đó. Trách nhiệm lớn và tội cũng rất lớn. Việt Nam Cộng Hòa không chết. Việt Nam Cộng Hòa vẫn tồn tại trong lịch sử với tất cả vinh nhục, hãnh diện và đau thương của nó. Là một sĩ quan cấp tá QLVNCH tôi rất hài lòng đã tham dự vào cuộc chiến bảo vệ Tự do của miền Nam. Là nhà văn tôi đã viết “Cho đến năm 1975, tội lớn nhất của Cộng Sản là thắng trận. Và. Chiến công lớn nhất của Cộng Hòa là thua trận”.

Đặng Phú Phong: Dù ở truyện ngắn hay truyện dài, dù với chủ đề là chiến tranh, tình yêu hay xã hội văn anh viết rất lời cuốn. Theo anh để đạt được như vậy người viết văn phải làm sao?

Thảo Trường: Thua. Tôi chịu thua không biết cách chỉ cho ai phải viết văn cách nào. Tôi đã nói tôi không có cơ may học đại học văn khoa. Có lẽ... trời cho mà thôi. Tôi có nghe một số quý cô trách “ông làm tôi bị ghen” “ông làm tôi mất ngủ” “ông làm tôi tốn bao nhiêu tiền mua sách báo” “ông làm tôi phát rồ lên đây này”... Cũng có người hỏi tôi “tám á phiện xì ke ma túy” vào mực viết à? Tôi chỉ có một tâm niệm “nếu viết lạt nhách thì thà đừng viết nữa là hơn”.

Đặng Phú Phong: Bằng giọng văn bình tĩnh có khi hơi lạnh lùng, pha chút giễu cợt, anh đã dùng để viết về đề tài tù, điển hình là truyện ngắn Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai – một trong những truyện được nhiều người thích thú nhất (tôi phải thêm chữ thú) - Những mảnh đời của những nhân vật như Đại Úy Lam, của “các bác già”, của “Hoàng Đế” của “Cu Tý” hay của viên sĩ quan trẻ bị bắn chết ở hàng rào tre là những mảnh đời rất thường trong trại tù của Cộng Sản, nhưng lại là rất đặc thù đối với thế giới Phương Tây. Có bao nhiêu phần trăm là sự thật trong truyện này và nguyên do nào anh đem những mảnh đời rời rạc như thế kia ráp lại với nhau?

Thảo Trường: Truyện ngắn TTTTBTG tôi lấy bối cảnh trại giam Rừng Lá, tất cả những tình tiết trong truyện đều là những chuyện có thật 99% xảy ra đâu đó chỗ này chỗ kia, nhiều anh em tù khác không để ý, chứ riêng tôi, tôi “chụp ảnh” tất cả mọi chuyện lớn nhỏ vui buồn, tôi không bịa ra nổi những chuyện như thế đâu. Có một thời gian trong tù tôi cùng hơn mười bạn tù nữa phải coi một đàn bò mấy trăm con, đàn bò gặm cỏ ở cánh đồng, tôi thường ngồi ở một bụi tre gai để coi chừng không cho bò trốn ra khỏi cánh đồng và tới giờ thì lừa chúng về chuồng. Không hiểu sao hồi ấy bò không trốn mà tù chẵn bò thả rông trong rừng lá cũng không trốn. Tôi nghĩ hay là giống nhau! Những khi ấy, những khi ngồi ở góc bụi tre gai đó tôi thường ngẫm nghĩ tới nhiều chuyện đời. Và tôi save những chuyện đó vào bộ nhớ trong đầu tôi. Chục năm sau ở Mỹ tôi mở

nó ra đánh máy lại. Cũng ở bụi tre gai đó tôi bị muỗi chích dính bệnh sốt rét cấp tính lên não, phát điên, xém chết, may trời thương qua khỏi

Đặng Phú Phong: Thì ra truyện ngắn TTTTBTG là ghi dấu một giai đoạn thập tử nhất sinh của anh. Xin anh nói thêm về chuyện “Cũng ở bụi tre gai đó tôi bị muỗi chích dính bệnh sốt rét cấp tính lên não, phát điên, xém chết, may trời thương qua khỏi”.

Thảo Trường:: À, “Cơn sốt” này xảy ra năm 1989, đúng là tôi bị muỗi chích khi chặn bò, ngồi ở gốc bụi tre gai, tôi còn nhớ rõ, rất rõ, hình như không quên được, không bao giờ quên được, cái cảm giác đau nhói nơi sau cổ, phản ứng tự nhiên cấp bách là đưa tay vỗ nhanh vào chỗ đó, xem ra là xác một con muỗi với máu tươi đỏ rói nơi lòng bàn tay, tôi chột dạ, và đúng như lo ngại, hôm sau tôi bắt đầu sốt, mấy ngày sau cai tù tàn thương tôi bằng xe đạp từ chuồng bò trong rừng về bệnh xá trại giam chính. Ở đây gặp được bác sĩ Tôn Thất Sang (bác sĩ quân y cộng hoà) và cô y tá tên là Ba tận tình chữa trị, nhưng bệnh xá không có thuốc nên tôi bị hôn mê phải chuyển ra bệnh viện tỉnh Phan thiết. Anh em trong trại giam nhắn tin về cho gia đình tôi ở Saigon lên kịp, nuôi và mua thuốc Nhật ngoài chợ đen chữa trị nên tôi thoát chết. Lại may nữa là ở bệnh viện Phan thiết tôi được một bác sĩ cũng là quân y cộng hòa cũ điều trị suốt một tháng, thường trực có hai sĩ quan công an trại giam đi theo kiểm soát và canh giữ. (Ông cựu trung úy bác sĩ này tốt nghiệp khóa cuối của trường quân y cộng hòa, chưa kịp phân phối đi đơn vị phục vụ, thì chế độ sụp đổ, bác sĩ không muốn được nhắc tên. Nhưng tôi phải nhớ, có một lần khi khám bệnh cho tôi, lúc chỉ có hai người, ông đã gọi bệnh nhân tù là “thưa thiếu tá”). Rồi trước khi phải trở lại trại giam ở Rừng Lá có một bệnh nhân phòng kế bên, cũng bị sốt rét, cũng đã qua khỏi và cũng đang sửa soạn xuất viện đến giường tôi chào... thiếu tá, rồi cầm tay tôi giết sang chỗ giường của anh, anh đưa tôi một điều thuốc trắng, anh run run bật lửa cho tôi châm thuốc, vợ anh bưng một chén trà chế ra từ lon gô lầy ở gầm giường mời tôi uống, anh bảo vợ anh chào tôi, chị ấy cúi đầu chào; anh bảo đưa con trai anh khoảng mười tuổi chào ông, đưa bé đứng lên khoanh tay “chào ông nôi”. Tôi bàng hoàng, ngỡ ngàng nhìn anh ta và gia đình anh ta. Sau anh ấy nói anh ấy là lính địa phương quân cũ năm 1975 và nay đang làm nghề đi rừng đốn củi. Anh ấy nói đã nghe biết tôi là bệnh nhân tù sĩ quan chế độ cũ. Tôi nhớ ra rằng những ngày qua thường có nhiều người đến trước cửa phòng bệnh nhìn vào và tôi chợt hiểu ra rằng cộng sản e ngại thả tù là cũng có cái lễ của họ và tôi năm ấy đã 14 năm vẫn chưa về là cũng có cái lý của nó.

Đời tôi mang ơn nhiều Người.

Tôi cũng không hiểu sao, bằng cách nào, bên Mỹ, năm 1993 giáo sư Neil L. Jamieson, biết được chuyện này, và ông đã viết trong quyển “Understanding Vietnam” do trường đại học Berkeley, California xuất bản. Tác giả đã dịch sang tiếng Mỹ truyện ngắn “Màu Và Sắc” (ông giáo sư dịch là Color and Hue, tôi dốt tiếng Mỹ nên cứ tưởng Hue là Huế của Việt Nam, nhưng sau một bà độc giả ở miền đông nước Mỹ yêu nhân vật tiểu thuyết của tôi giải thích cho tôi biết rằng Hue tiếng Mỹ có nghĩa là Sắc), truyện trích trong tập “Thử Lửa”, ông bình luận và kể về cơn sốt này của tôi. Có một chút cần đính chính lại là Phan Thiết Hospital chứ không phải Chợ Quán Hospital.

Đặng Phú Phong: Nghe anh kể chuyện, tôi rất ngậm ngùi cảm động trước tình người, tình đồng đội của những kẻ thất trận trong cảnh lao tù. Alexander Solzhenitsyn cũng như anh thường khai thác chủ đề tù đầy của Cộng Sản. Ông ta có ảnh hưởng gì đến tác phẩm của anh không?

Thảo Trường: Trước 1975 ở Saigon, tôi đã đọc “Quần Đảo Gulag”, “Tầng Đầu Địa Ngục” “Một Ngày Trong Đời của Ivan Denisovich” và tôi rất lấy làm thích thú những tác phẩm đó của nhà văn Nga. Cũng thời đó tôi còn đọc truyện của nhà văn Kim Dung, của nhà văn Lê Xuyên. Hồi ở

từ Rừng Lá tôi đọc “Trăm Năm Cô Đơn” bản dịch. Đọc của ai nhất định cũng có ảnh hưởng của họ vào mình, không nhiều thì ít.

Đặng Phú Phong: Trong 14 tác phẩm đã xuất bản trước 75 và 8 cuốn viết và xuất bản ở hải ngoại, tác phẩm nào anh ưng ý nhất? Anh có thể giải thích tại sao và tiện thể giới thiệu nó đến với độc giả?

Thảo Trường: Tôi thích “Từ Dưới Đỉnh Đồi Nhìn Lên Chân Núi”. Có lẽ vì tôi tưởng lầm rằng đã “nhét” được một cái gì đó vào trong cái truyện này. Truyện này đăng trong tuyển tập NMVCTT.

Đặng Phú Phong: Anh viết truyện dài nhiều hơn truyện ngắn, có phải truyện dài đối với anh dễ viết hơn truyện ngắn?

Thảo Trường: Tôi không nghĩ là cái nào dễ cái nào khó. Chỉ là tùy hứng, chỉ là tùy đề tài. Có một điều là bây giờ, ở đây, tôi viết truyện dài không được, mà viết truyện ngắn thì cũng rất khó nhọc, vừa phải coi chừng người bệnh ngồi gần bên, và thỉnh thoảng mỗ mấy chữ mấy câu mấy dòng... cho nên cả năm trời mới mỗ được một cái vài chục trang. Hồi xưa khi còn trẻ tôi viết lúc nào cũng được, ngồi đâu viết cũng được. Bây giờ già yếu bệnh tật, cái đầu còn tốt, nhưng sức lao động thì không tốt, thế cho nên có khi phải lấy cái cũ mềm ngày xưa ra đem trả nợ ân tình.

Đặng Phú Phong: Tôi xin chia sẻ với anh về tình trạng sức khỏe của chị nhà và sự chăm sóc của anh. Tiếp theo xin hỏi anh có nhận xét như thế nào với lập luận “truyện ngắn là một truyện dài thu gọn lại”, trong khi đó có những truyện ngắn (hay) nhưng lại gần như không có bố cục?

Thảo Trường: Truyện ngắn không bao giờ là truyện dài thu gọn lại. Truyện ngắn là truyện ngắn nghiêm chỉnh. Nếu ai thu gọn một truyện dài lại thì đó có thể là một bản tóm tắt rút gọn, nó không phải là một truyện ngắn. Về bố cục thì có khi không bố cục là một bố cục.

Đặng Phú Phong: Anh đã từng chứng tỏ là một nhà văn viết truyện ngắn có tài qua nhiều tập truyện ngắn như Thử Lửa, Người Đàn Bà Trên Kinh Đồng Tháp, Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai... với bố cục gọn, chắc nhiều khi cũng rất bất ngờ. Với nhiều kinh nghiệm như thế anh có nhận xét gì về truyện cực ngắn (còn gọi là truyện chớp)? Nó có thể chen vai sát cánh với truyện ngắn, truyện dài mãi mãi không?

Thảo Trường: Xin lỗi chưa quen với thể loại mới (truyện chớp) nên chưa dám nói gì về việc này.

Đặng Phú Phong: Khi anh đưa tình dục (sex) vào trong truyện của anh vì anh cảm thấy cần thiết hay muốn chấm phá vài nét để “câu khách”?

Thảo Trường: Tôi không câu khách bao giờ. Sinh lý là một sinh hoạt bình thường của con người. Anh Phong chắc có nghe người ta thường nhắc tới tứ khoái?

Đặng Phú Phong: Anh nhắc đến tứ khoái làm hé lộ thêm mộ điều là nhân vật trong truyện của anh đa dạng. như vậy có khi nào anh cảm thấy là mình đã để cho nhân vật có những câu nói, suy nghĩ “quá tầm” hay “dưới tầm” của nhân vật đó?

Thảo Trường: Nếu có khi nào người đọc cho là nhân vật nào đó của tôi nói hay suy nghĩ quá tầm so với tính cách thực của nhân vật đó thì tôi phải coi lại việc đó. Tôi sống và làm việc bình thản. Rất bình thản. Cứ phải thế. Nhất là lúc viết. Tôi cố gắng không để mình “bốc đồng”. Tôi còn đang luyện tập môn võ công “không ra đòn, không đỡ đòn, không trả đòn”.

Đặng Phú Phong: Xin anh cho một viễn kiến về văn học Việt Nam tại hải ngoại?

Thảo Trường: Tôi cảm thấy mọi hy vọng đặt vào tay những người viết trẻ nữ.

Đặng Phú Phong: Xin anh nói rõ hơn?

Thảo Trường: Tôi thấy nhiều tác giả nữ trẻ có những sáng tác rất độc đáo nên tôi kỳ vọng nhiều ở họ. Nhận xét chung thế thôi, không nên nói đến tên những tác giả ấy. Nên tôn trọng sự cô đơn của họ. Thế nào cũng xuất hiện tác phẩm quan trọng từ phía các tác giả nữ. Ông tin tôi đi!

Đặng Phú Phong : Vâng tôi rất muốn tin , nhưng thưa anh , tôi nghĩ chúng ta cần phải nói thêm nhiều về vấn đề này khi có dịp. Xin cảm ơn anh.

Cuối tháng 8/08.

Khẩu hiệu

Tôi gặp lại người sĩ quan ấy mười lăm năm sau ở một trại giam tại miền thượng du Bắc Việt-Nam. Chúng tôi là tù binh bị cộng sản đưa đi đày biệt xứ. Rồi Miền Nam, dồn xuống những con tàu thủy, trong những khoang chở hàng dưới hầm tối, nóng, chật, ngột thở, hôi hám, nhiều ngày đêm chập chờn trên biển để ra miền Bắc và được cho biết là “có đủ điều kiện học tập chính qui hơn”. Ngày thứ sáu lên bến Thủy, chuyển lên xe lửa, cũng lại là những toa xe sắt, tối, nóng, chật, ngột thở hôi hám, nhiều ngày đêm lác lác trên đường ray để lên mạn thượng-du và được cho biết là chúng tôi đã đang ở “miền-Bắc xã-hội chủ-nghĩa” hậu phương lớn của Miền Nam. Trong suốt những ngày di chuyển bằng tàu thủy hay bằng xe lửa ấy chúng tôi chỉ được cấp ăn đồ khô rất ít, nước uống cũng rất ít, điều này được giải thích khoa học là để bớt đi tiêu đi tiểu. Việc bài tiết trên tàu, trên xe, trong khi hai người bị còng tay chung làm một, là một điều rất khó khăn. Vì thế khi tới vùng thượng du núi rừng trùng điệp, dồn vào trong các trại giam mới cất bằng cây trên các sườn đồi bên các dòng suối, chúng tôi như vừa từ trong các hộp kín được ulla ra nơi có ánh sáng và gió thổi. Rồi cứ thế mà sống, ngày đi rừng chặt cây cối về làm lán trại, đến bữa ăn củ khoai, củ sắn; đêm hoặc mê sảng hãi hùng, hoặc thổn thức nhớ vợ, thương con, hoặc nuối tiếc cho những công lao của mình đã đóng góp để xây dựng một xã hội tan rã với bao nhiêu là sinh mạng đồng đội. Một biện pháp cộng sản thường áp dụng để đề phòng tù móc nối tổ chức nhau nổi dậy hay đào thoát là: chuyển đội, chuyển nhà, chuyển trại. Chỉ trong hai năm chúng đã xáo xáo biên chế liên liên đến nỗi tôi đã bị thay đổi chỗ ở hơn mười lần. Và cũng vì thay đổi nhiều lần nhiều nơi như thế nên tôi đã gặp được nhiều đồng đội mà lúc đó chúng tôi coi nhau là đồng cảnh. Những người lính thất trận sống trong trại giam bị cộng sản khống chế cào bằng gọi nhau bằng anh xưng tôi quên đi cấp bậc và hệ thống quân giai cũ, ít nhất là trước mặt bọn cán bộ và cả những kẻ làm tay sai cho chúng, không còn tướng tá úy gì nữa cả. Thế cho nên tù binh gặp nhau, xa nhau, trong một tình cảm rất bề bàng. Những anh đầu hàng thì “hàng thần lơ láo”, còn tù binh thì bề bàng, lảm li, cúi đầu. Cộng sản cũng không muốn thấy tình trạng ưu tư buồn thảm ấy nên chúng đã cho các đội trưởng, đội phó dựng chúng tôi dậy khua động lên bằng cách bắt sinh hoạt, ca hát, vỗ tay...phải làm ra vẻ vui tươi, yêu đời, an tâm, tin tưởng. ...Người sĩ quan gặp lại với tôi trong cái hoàn cảnh khóc cười ấy. Khi ôm chiếu đến phòng giam đó thì chính anh ta là người chỉ chỗ nằm cho tôi. Anh ta là đội trưởng kiêm nhà trưởng nên anh ta là người xếp chỗ nằm cho những người trong đội trong nhà ấy. Việc sắp xếp đó thường có “chỉ đạo” của cán bộ và đều có dụng ý làm sao cho trong phòng giam, tù binh không tổ chức nhau được, khó liên hệ nhau trong khi nằm ngủ, dễ bề theo dõi...Người sĩ quan đó hội ý với đội trưởng của tôi xong hai người chỉ cho tôi chỗ nằm sát cầu tiêu. Phòng giam có một lối đi giữa hai bên là sạp ngủ và cuối của cái lối đi nhỏ đó là nhà cầu. Khi một trăm tù binh bị lùa vào trong nhà và cửa khoá lại

thì việc đi tiêu đi tiểu của cả một trăm người ấy đều xả cả vào trong cái nhà cầu nhỏ, tối, hôi hám ấy. Thường thì ai cũng sợ chỗ nằm gần nhà cầu. Tôi trải chiếc chiếu lên chỗ sạp trống mà anh đồng cảnh mới vừa xích ra: “một ô bốn người nằm thì mỗi người được một chiếu bề ngang, có thêm anh chia làm năm mỗi người còn 65cm chiếu nọ phải chùng lên chiếu kia một gang tay mới đủ”. Có tiếng một người khác, anh ta đang xích đồ trên “xích-đông” cũng là để chừa chỗ cho tôi: “Có đâu mà 65cm, chính xác là 63cm cho mỗi “cải tạo viên”. Lại có tiếng một anh khác “Cơm đong, áo số, chỗ nằm đo, cứ thế mà tiến lên...” Tiếng nói ngừng ở đấy nhưng tù binh ai cũng hiểu là người nói không giám nói hơn nữa, ai cũng hiểu là mấy tiếng bị bỏ lửng là bốn chữ “chủ nghĩa xã hội” ! Trong phòng đột nhiên cũng trở nên im lặng, sự im lặng thường thấy trong những trường hợp người ta phải dè chừng đề phòng trước một tai biến, đe dọa, nào đó. Tôi lui cui sắp túi đồ của tôi vào chỗ được chia cho rồi ngã lưng nằm thử trên cái phần mặt bằng và ngửa mặt nhìn lên cái phần không gian của quê hương mà mình được phân phối. Tôi nhắm mắt lại cố gắng không nghĩ ngợi gì. Từ ngày đi tù tôi cố gắng tập cho mình cái thói quen là không nghĩ gì, cố gắng im lặng để “dưỡng thần”. Khi nào nằm được thì nằm, khi nào ngồi được thì ngồi, lững thững được thì dừng có vội vàng hấp tấp...Tôi lần lần tìm ra cho mình một cách sống mà tôi gọi đùa là “chủ nghĩa dựa cột”, biết thì thừa thốt không biết thì dựa cột mà nghe, ai nói gì, làm gì thấy kệ người ta, ông bà mình dạy thế. “Kệ mẹ nó” tôi thường tự nhủ với mình thế mỗi khi phải chứng kiến những cảnh trái tai gai mắt xung quanh mình. Được xếp chỗ nằm ngay sát cầu tiêu, tôi thấy cũng là một cái hay, đó là một chỗ không ai nhòm ngó. Một mảnh đất xấu ít có nguy cơ bị xâm lấn. Mùi hôi khai người miết rồi cũng quen sẽ không còn cảm thấy hôi khai nữa. Đúng ra, nếu chú ý đến nó thì sẽ nghe thấy hôi, nhưng nếu lắng nghe tất cả mọi nơi thì chỗ nào cũng đều hôi cả, thế cho nên lại phải áp dụng sách “kệ mẹ nó” cho qua tất cả.

Nằm được một lát thì anh ta tới. Tôi ngồi dậy “tiếp khách”. Dù gì đi chẳng nữa thì anh ta cũng đang là kẻ đến thăm và dù gì đi chẳng nữa thì tôi cũng đang tiếp anh ta tại chỗ của mình. Tôi ngồi xích vào và tựa lưng nơi vách nhà cầu: - Ngồi chơi, “hữu bằng tự viễn phương lai bất diệc lạc hồ?” Anh ta sà xuống ngồi trên manh chiếu:

- Ăn chưa?

Tôi gật đầu:

- Cũng như chưa.

Anh ta cười tỏ vẻ hiểu ý và nhắc lại:

- Ăn rồi cũng như chưa!

Tôi nói cho có chuyện:

- Trước khi chuyển chỗ đã được lãnh một củ sắn bèn cắt ngay vào bụng cho chắc ăn và cũng là tiện lợi hành trang gọn nhẹ.

Anh ta nói:

- Lâu lắm rồi mới gặp lại ông.

Tôi gượng gạo:

- Và gặp nhau trong nông nổi này.

Chợt anh ta hỏi:

- Bác sĩ người ta về nhiều hoặc cũng ở trong Nam, sao ông “lạc”ra tới đây?

Tôi lắc đầu:

- Nào ai biết được cái tổ con chuồn chuồn.

Viên sĩ quan lặng thinh, tôi phải nói tiếp:

- Cũng có thể là tại tôi khai tôi ở đảng Dân chủ.

- Khai làm gì?

- Chẳng làm gì cả, cũng như hồi xưa, bạn bè rủ vô đảng thì mình vô theo ý họ muốn còn mình thì chẳng để làm gì cả! Thối là ở chỗ đó.

- Sao ông không làm chuyên môn ?

- Chuyên môn là sao?

- Là làm bác sĩ trên y-vụ ấy, đỡ hơn là ở đội này “chuyên môn” đi cuốc đất khổ thấy mẹ.

Tôi duỗi chân ra đụng phải người anh ta, tôi ngửa mặt lên cố tìm lấy một sự thư giãn, nhưng cái nhìn của tôi đụng phải cái sạp ngủ tầng trên, lúc đó tấm ván cũng đang cốt kết, có lẽ người nằm trên cũng đang trần trở nằm ngồi không yên. Tôi hỏi:

- Làm y tá hả?

Anh ta cười:

- Ừa, bác sĩ làm y-tá, còn y-tá làm bác sĩ...Đó là bằng chứng cụ thể nhất về vấn đề “hồng” với “chuyên”! Thôi, ông chịu khó nhẫn nại, tùy thời, cho qua cái cảnh này. Làm sao mình yên thân, giữ sức khỏe, để mà tồn tại còn về Nam.

Tôi gạt đầu tỏ vẻ đồng ý:

- Trước đây ở các trại khác tôi cũng đã có thời gian xách túi thuốc làm vai trò y-tá đi theo các ông cán bộ y-tế, nhưng rồi cũng không yên. Mấy lần làm y-tá, mấy lần bị đuổi về đội đi lao động. Bây giờ mình cảm thấy rằng thôi thì thôi cũng đành lấy cái cuốc làm chỗ dựa...vững chắc vậy!

Viên sĩ quan gạt gù:

- Hóa ra làm y-tá trong trại tù khó hơn làm bác sĩ giám đốc bệnh viện Dân-Quân y của một tỉnh ông nhỉ?

Anh ta nói dứt câu thì đứng lên vỗ vai tôi:

- Tôi phải về đội sinh hoạt tối. Thôi cố gắng lên nghe ông.

Anh ta vừa đi khỏi thì anh bạn đồng cảnh ở tầng trên đu cột nhà trèo xuống sà vào ngồi sát bên tôi hỏi nhỏ:

- Ông có thân với thằng cha đó không?

Tôi nhìn người vừa tới, anh ta cũng là sĩ quan quen biết trong quân đội cũ, tôi nói: - À, cùng một đơn vị từ hơn mười năm trước. Hồi đó anh ta mới là thiếu úy hay trung úy, đại đội trưởng, còn tôi là y-sĩ trung đoàn. Bẵng đi mười mấy năm rồi, nghe nói cấp bậc cuối của anh ấy là trung tá.

Anh bạn đồng cảnh mĩa mai:

- Trung tá đội trưởng dưới quyền xài xể của hạ sĩ cán bộ, trước mặt nó, trung tá phải đứng nghiêm báo cáo, thưa, gửi, dạ, vâng...

Tôi bào chữa cho anh ta và cũng là cho nỗi nhục chung của những kẻ sa cơ thất thế vì bị đồng mình trối lại và cấp lãnh đạo bỏ rơi:

- “Gặp thời thế, thế thời phải thế” bạn ạ, thôi thông cảm cho anh ta ẩn nấp, nín thở qua sông...

Anh bạn đồng cảnh nỗi cái tuy vẫn cố nói nhỏ:

- Đồng ý, khi sa cơ thì phải nín nấp nhưng thằng cha này nó đi làm tay sai ông có biết không? “Thân làm tướng phải hầu quân giặc mà không biết tức” lại còn rắp tâm theo dõi báo cáo hãm hại anh em chiến hữu. Tôi thấy nó đến chỗ ông rù rì gạ chuyện là nguy hiểm cho ông lắm, ông phải coi chừng đề phòng, không thể dễ dãi, cả tin, cởi mở với thứ chó săn ấy được.”

Tôi nói để anh bạn tốt bụng yên tâm:

- Tôi nghĩ anh ta cũng đâu đến nỗi, vả lại tôi đâu có đụng chạm gì đến ai chẳng lẽ lại bị người hại, với lại tôi cũng chẳng nói gì đến những điều cấm kỵ mà sợ.

Anh bạn lắc đầu:

- Đâu có giản dị như vậy, một kẻ tham sống sợ chết, một kẻ bon chen dành giật tham lam thì nó có thể dấn lên người khác mà sống, ông không nói nhưng nó có thể suy đoán và bịa ra hoặc là ông nói thế này nó sẽ bẻ ra thế khác để hại ông à? Sợ tóc chẻ làm tư rồi “nâng lên hàng quan diêm” ông không nghe nói đến những trò đó à? Ông mà cứ...kờ thế thì có ngày bị chúng nó đem ra thiêu sống chứ chẳng yên đâu!”

Tôi tỏ vẻ hiểu ý và cảm ơn anh bạn có lòng tốt:

- Tôi sẽ cố gắng nghe lời ông dặn dò.

Và tôi cũng đùa dặn dò lại anh bạn cho vui vẻ:

- Nhưng ông cũng phải giữ mồm giữ miệng kẻo có ngày mang họa đấy. Kệ mẹ nó hơi đâu mà chửi nó cho thêm mệt đầu mình.

Anh bạn đứng lên đi vào nhà xí, cánh cửa cầu tiêu mở ra kêu ken két rồi đóng lại cái rầm làm rung rinh cả bức vách. lát sau anh bạn đi ra cánh cửa một lần nữa lại ken két và đánh rầm. Tầm vách lại rung rinh. Trước khi trèo lên chỗ nằm tầng trên anh ghé tai tôi nói nhỏ:

- Cũng muốn im nhưng lắm lúc ngứa mắt quá im không nổi lại phải chửi! Chắc tôi chết bỏ xác ở cái miền đất đọa đầy, hung bạo, biệt xứ, này mắt ông bác sĩ ạ.

Tôi thấy cần phải an ủi anh ta, tôi nghĩ rằng trong hoàn cảnh tù đầy tuyệt vọng này điều tối kỵ là nản chí và sợ hãi, tôi chỉ một ngón tay lên trời nói nhỏ với anh:

- Không sao đâu, hãy cậy trông mọi sự ở Trời!

Anh ta mỉm cười, tuy cái cười có vẻ méo xẹo:

- Ăn ở làm sao Trời thương là được phải không ông?

Còn một mình tôi lại ngả lưng xuống chiếu, chân duỗi ra cho có cảm giác nhẹ nhõm... Lúc nào nằm được thì nằm, không ngồi. Cứ phải thế. Làm sao càng ít vận động càng tốt. Không hoang phí calorie... Tiết kiệm tối đa sức lực. Đây là một cuộc trường kỳ cầm cự để tồn tại... ..Bố tiên sư nhà nó! Cha tiên sư nhà nó! Tầm ván tầng trên lại oằn oại ken két. Củ sắn luộc cất trong dạ dày tiêu mẹ nó hết rồi hóa cho nên không trống trong đó gây nên một cuộc khủng hoảng thiếu hụt làm hẫng đi cái thói quen sinh lý chắc dạ. Cứ như thế nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, cơ thể tù binh suy nhược dần, cai tù lần áp dần, thành ra là cuộc đấu tranh bao tử. Chính nghĩa đứng về phía cơm gạo, thậm chí chính nghĩa còn đứng về phía khoai sắn. Đéo mẹ nó, cán bộ nói thì phải đúng bởi vì hàng ngày cán bộ được ăn no và cán bộ có súng còn anh là tù lúc nào anh cũng đói cũng là đi đứng không vững thì anh phải sai anh phải học tập những điều tào lao người ta nói. Sai thành đúng, đúng thành sai. Ôi, chẳng còn ra cái thể thống gì nữa cả. Trời làm một cuộc lằng nhằng. Cha tiên sư nhà nó cách mạng. Bố tiên sư nhà nó

đồng minh. Cụ nhà nó lãnh đạo...Đói quá, sót ruột quá... Tôi thức dậy, cánh cửa nhà xí mở ra đóng vào rầm rầm, lẫn vào đó còn nghe tiếng xè xè và tiếng phèn phẹt từ trong cầu tiêu vang ra. Tôi đang hiện hữu, ở đây, tôi có mặt và tôi đang sống ở đây, một điểm nào đó trên hành tinh. Chỗ này là đâu, đây là đâu, tôi đang hít thở không khí mùi phân và nước tiểu, chỗ này, vậy là tôi có mặt ở chỗ này, vậy là tôi có thực, chỗ này có thực. Và tôi đang sống là có thực! Sài gòn. Hà nội.Tây. Tàu. Nga. Mỹ. À, California, Orange county, bến phà Âu-lâu, ấp Con-khe, củ sắn, nhà cầu, phèn phẹt, sè sè, chủ nghĩa xã hội, phèn phẹt, bác hồ, sè sè, cách mạng, cục kít, bố tiên sư nhà nó, đồng minh, chiến hữu...Keng, keng, keng, keng...”Xưa bom không nổ, nay keng đổ liên hồi”, một đồng cảnh nào đó làm thơ hay thiệt. Sáng, trưa, chiều,tối. Cái búa gõ vào vỏ quả bom. Keng, keng keng, keng, keng...Keng thức, keng ngủ, keng ăn, keng tập hợp, keng lao động, keng thu dụng cụ, keng đổi gác...đủ thứ keng, đến nỗi trong tiềm thức lúc nào cũng như vang vang có tiếng keng keng! Đang nằm lơ mơ ngủ bị keng đánh thức dậy báo cho biết đến giờ ngủ, vậy là giấc ngủ chính thức phải được ngăn cách với giấc ngủ không chính thức bằng một cái mở mắt thức dậy. Cái gì cũng vậy, sống là phải theo nội qui. Ăn uống ngủ nghỉ phải theo keng. Keng cũng phải được gõ theo nội qui. Ngủ trong giờ ngủ là hợp pháp,cái hợp pháp phải được phân biệt ra với cái bất hợp pháp.Anh đang ngon giấc nhưng đến giờ ngủ người ta gõ keng, tiếng keng long óc có làm anh thức dậy để bắt đầu một giấc ngủ qui định thì đó là văn minh văn hóa xã hội chủ nghĩa! Anh phải ráng mà tập cho quen với nếp sống văn minh văn hóa mới đó ! Tôi bị đánh thức dậy bởi hồi keng ngủ đồng thời với những tiếng nhắc nhở oang oang của ban tự quản,đội trưởng,nhà trưởng “tất cả đi ngủ”.Tôi ngồi dậy vào nhà cầu đi tiểu xong trở ra mắc mùng đi ngủ cho đúng nội qui nếp sống văn minh văn hóa mới. Người bạn đồng ngũ mười lăm năm trước trên kinh Đồng tháp, nay là đồng cảnh trong tù, nhưng anh ta làm tự quản, nghĩa là cũng có “chức quyền” hơn anh em, được miễn lao động “nghĩa là” không phải làm nặng khổ sai, được tin giao dù không biết được tin đến mức độ nào, còn giao thì giao cho nhiệm vụ quản lý một đội hai mươi lăm người làm nông nghiệp và quản lý một buồng giam ngót trăm người khi ở trong trại, nhất là ban đêm. Có người cho rằng đi tù mà được cai tù tin giao cho chức cho quyền ưu đãi là có đường sống đường về, là còn hy vọng, là một đường “binh” khôn ngoan. Các nhà có tí máu tử vi đầu số thì nói đùa là những nhân vật ấy có số làm “quan”, ở tù cũng làm quan. Người sĩ quan năm xưa nay là đội trưởng, nhà trưởng khiến nhiều anh em đồng cảnh e ngại anh ta. Ban ngày anh ta dẫn đội đi lao động, hò hét, đốc thúc; tối về điều khiển đội sinh hoạt, cũng hò hét đốc thúc anh em phát biểu. Đã ba tối nay đội anh ta phải ngồi kiểm điểm rất khuya mà chưa giải quyết xong vấn đề, chưa tìm ra manh mối về kẻ đã viết mấy chữ “đả đảo CS” bằng than trên vách nhà lố. Công an quản giáo đã bắt anh ta phải kiểm điểm đội, tìm cho ra thủ phạm trong đội. Mấy ngày nay trong trại có bàn tán về vụ này. Riêng anh ta thì rất lo lắng vì công an quản giáo đã “khoán” cho anh ta rằng nếu không tìm cho ra thủ phạm thì chính đội trưởng phải chịu trách nhiệm. Âu cũng là họa lộ của công danh ! Đội tôi cũng phải họp “kiểm điểm các mặt học tập lao động cải tạo” trong tuần, tìm ra “mặt mạnh mặt yếu” để thời gian tới phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt yếu đưa đội mỗi ngày một tiến lên! Cũng may là đội trưởng đội tôi rất bèn,anh ta chọn được thư ký đội cũng bèn không kém anh ta,hai người ấy điều khiển và ghi chép biên bản rất nhanh và rất “phong phú”,rất có”chất lượng”. Tất cả chúng tôi, dù không giám nói ra, nhưng nhìn nét mặt mỗi người khi buổi họp chấm dứt sớm, đều hả hê nằm lăn ra chiếu, duỗi chân, duỗi tay, thì biết là ai cũng bằng lòng. Anh bạn đồng cảnh tăng trên tụt cột xuống đi vào nhà cầu, khi ra lại sà vào chỗ tôi bắt chuyện :

- Kể ra mình sa vào cái đội này cũng đỡ khổ phải không ông ? Nhìn sang anh em bên đội hung thần kia mà thấy tội nghiệp, ba đêm rồi chưa xong, đêm nay cũng còn cãi nhau loạn xạ, chưa biết tình thế sẽ đi về đâu.

Tôi nói nhỏ đủ hai người nghe:

- Làm sớm nghĩ sớm, ngắn gọn đầy đủ, ông có thấy đội mình “tài” không?

- Nhờ ơn trên có anh ta lạnh lẽo nhảy bèn, biên bản cũng đầy đủ các tiết mục, nhiều anh em phát biểu “sâu sát”, buổi sinh hoạt kết thúc tốt đẹp mà tốn ít thời giờ. Nhìn đội bên kia rồi lại nhìn đội mình mới thấy rằng trong phạm vi lớn hay nhỏ kẻ bị trị khổ nhiều hay khổ ít là tùy ở vua quan thống trị cả mà thôi.

Tôi gật đầu:

- Ngày trước chúng ta cũng làm quan, vậy có khi nào chúng ta thấy điều đó không ?

Anh ta cười xòa:

- Nay ông bác sĩ, ông có nhắc đến tôi mới để ý. Chúng ta thường chỉ thấy được vấn đề khi chúng ta đã ra khỏi nó.

Chúng ta thấy rõ hơn sự đau khổ khi chúng ta bị đau khổ ! Thường thì ai cũng biết thế đấy nhưng chỉ thực sự biết rõ hết khi đã thất bại !

Tiếng bàn cãi từ phía đầu nhà kia lớn hơn rồi ngưng ngang, mọi người trong phòng giam chợt im lặng, chỉ còn nghe tiếng anh ta sang sảng:

- Chúng ta đều nhìn nhận là những chữ viết trên vách nhà lô là khẩu hiệu đả đảo chống lại cách mạng, chúng ta cũng nhìn nhận là người viết những chữ đó là người trong đội này, vậy mà chúng ta không làm cho rõ ai là người đã làm điều sai trái đó, chúng ta bàn cãi mấy đêm liền mà đối tượng vẫn chưa can đảm nhận lỗi và tập thể đội cũng chưa đưa ra được đích danh thủ phạm. Cán bộ thì..cán bộ đã biết là ai rồi, vấn đề là cách mạng muốn để chúng ta tự giác ! Các anh cũng thừa biết là bây giờ khoa giáo nghiệm nét chữ rất tiến bộ, người ta có thể tìm ra là nét chữ của ai chứ .

Anh bạn đồng cảnh nói nhỏ với tôi:

- Ông thấy hấn ghê gớm không? Hấn nói như thánh tướng vậy, còn lý sự hơn cả cán bộ nữa.

Tôi gật gù:

- Thuộc bài.

- Còn thuộc hơn tụi nó nữa. '

Phía đằng đó có tiếng người khác phát biểu:

- Tôi có ý kiến, anh đội trưởng nói thủ phạm chỉ là người trong đội nhưng đội này đâu chỉ có những người ngồi đây, còn có những người khác nữa, sao không đặt vấn đề với cả những người đó mà cứ truy nã anh em chúng ta đây thôi.

- Anh cho biết những người khác đó là những người nào?

Im lặng nặng nề căn phòng, người tự quản dần giọng:

- Anh Đề muốn ám chỉ ai khi nói đến những người khác ?

Căn phòng giam vẫn yên lặng, chỉ có tiếng viên tự quản:

- Phải chăng anh Đề muốn đặt nghi vấn với hai anh tù hình sự coi nhà lô ? ,

Ngừng một lát anh ta tiếp giọng gay gắt:

- Hay là anh Đề muốn điều tra cả cán bộ quản giáo và cán bộ võ trang quản chế?

Có tiếng cười khê trong một góc phòng, viên tự quản chậm rãi:

- Vì đó cũng là những người có mặt ở nhà lô.

Sự im lặng trong căn phòng đến lúc này mới thật là nặng nề ngột ngạt, anh bạn đồng cảnh ngồi cạnh nói thầm với tôi:

- Tiêu tòng lão ĐỂ rồi, tụi nó đang ghét lão ta, đang kềm kẹp lão ta ồm cũng không cho khai bệnh nghỉ, bây giờ lại dính vào cái vụ này, tôi lo tụi nó sẽ làm thịt lão ta mất.

Phía đầu phòng lại có tiếng viên tự quản nói:

- Các anh phải biết rằng các cán bộ là những người ngoài vòng cương tỏa, chúng ta không được nói đến. Cả hai người tù hình sự cũng vậy, phần họ đã có cán bộ làm việc. Chúng ta phải biết rõ vị trí của mình hiện nay, chúng ta đang được học tập cải tạo, chúng ta chỉ biết lo... cải tạo bản thân mình. Cán bộ đã chỉ thị rõ cho chúng ta là đội phải sinh hoạt kiểm điểm tìm cho ra sự thật, tôi nhắc lại cán bộ chỉ thị cho chúng ta kiểm điểm nhau chứ không phải chúng ta kiểm điểm cán bộ, chúng ta phải làm cho rõ chúng ta chứ chúng ta không có quyền xét xử cán bộ. Anh ĐỂ đặt vấn đề thế là sai. Anh hãy lo phần của anh cho xong, đừng đưa đội đi lạc sang hướng khác.

Có tiếng của một người lớn tuổi vì tôi nghe giọng đã khàn khàn:

- Tôi không có ý nói phải điều tra cán bộ, tôi chỉ muốn nói rằng tại sao lại cứ đổ diệt cho anh em chúng ta, mấy chục người ngồi đây, phải có ai đó đứng ra nhận tội, trong khi chúng ta đã ngồi kiểm điểm suốt mấy đêm liền chúng ta đã thành khẩn phát biểu và phân tích vụ việc rằng trong chúng ta đây không ai dại gì làm cái việc dại dột nguy hiểm ấy, thế mà cứ dây dưa căng thẳng hoài. Chẳng lẽ bây giờ trong đội này phải có một người nào đó đứng ra nhận đại là mình đã viết cái khẩu hiệu “Đả đảo CS” đó hay sao?

Ngưng một chút, giọng khàn khàn tiếp:

- Mà CS là cái gì? Có chắc là ai đó muốn “đả đảo cộng sản” không? Hay CS chỉ là...cảnh sát, như tôi đây này, tôi là đại úy cảnh sát, và anh đội trưởng nữa, anh từng là trung tá Quân đội biệt phái cảnh sát, hay là người ta nói đả đảo tôi hay đả đảo anh, nhận đại đi là đả đảo tôi hay đả đảo anh cho xong chuyện, nói tới nói lui lằng nhằng kéo dài mệt quá rồi.

Nhiều tiếng cười khúc khích nổi lên trong phòng giam. Viên tự quản lên tiếng: - Yêu cầu các anh giữ im lặng, chúng ta nghiêm chỉnh làm việc, anh thư ký ghi rõ ràng đầy đủ những lời anh ĐỂ phát biểu để ngày mai trình cán bộ duyệt.

Tiếng anh ĐỂ lại nổi lên :

Tôi nói nghiêm chỉnh đấy, chúng ta cứ ngồi mà chẻ sợi tóc làm tư, làm tám, mất thời giờ. Chúng ta cần nghỉ ngơi giữ sức khỏe mai đi lao động. Tuổi cao sức già ngồi mãi công lưng chịu gì nổi, các đội khác họ ngủ cả rồi. Hay anh không muốn đả đảo mình thì thôi vậy, đả đảo mình tôi này! Hoặc nữa, CS là “Con sâu” hay “Củ sắn” cho xong mẹ đi! Đả đảo con sâu! Đả đảo củ sắn! Được chưa? Thỏa mãn chưa? Đội ta kiểm điểm đạt yêu cầu chất lượng cao! Xin anh thư ký ghi cho rõ ràng và đầy đủ vào biên bản nhé!

Phòng giam vẫn lặng thinh, anh bạn đồng cảnh lại thì thầm bên tai tôi:

- Tiêu thật rồi, lão ta phát khùng rồi, nói năng kiểu đó là không xong với tụi

nó rồi. Cuối cùng chúng nó cũng đạt yêu cầu, chúng nó ép mãi thế nào cũng có người chịu hết nổi phải bùng ra, nói năng lung tung loạng quạng có cớ cho chúng nó kết tội tiêu diệt. Đấy rồi ông coi, lão ĐỂ không thoát đâu.

Anh ta thấp giọng hơn nữa khiến tôi phải cố hết sức lắng tai mới nghe được:

- Trong hoàn cảnh này ông cũng phải rất cẩn thận mới được. Tính ông cả tin

cởi mở là dễ chết lắm. Tốt hơn cả là đừng dính dáng gì đến những chuyện không cần thiết cho mình, cứ lặng thinh là ổn.

Tôi hỏi:

Mũ ni che tai ấy hả? Không thấy, không nghe, không biết, ấy hả ?

Anh ta gật gù:

- Ừ, bốn, năm không gì đó.

Nói xong anh ta trèo lên chỗ ngủ tầng trên. Phía đằng kia buổi sinh hoạt kiểm điểm của đội bên cũng đã chấm dứt. Tôi buông mùng chui vào ngủ. Từ trong mùng tôi nhác thấy nhà trưởng đi vào cầu tiêu, lát sau trở ra anh ta đứng chân trước mùng tôi nhìn vào như có ý muốn nói chuyện, tôi nhớ những lời dặn dò của đồng cảnh tầng trên, bèn nhắm mắt vào ngủ. Đêm đó trong giấc ngủ mê man vì mệt nhọc, tôi nghe hình như có một lúc nào đó, có một anh đồng cảnh nào đó, mê sảng rú lên một tiếng kêu gì đó ! Ghê sợ lắm!

Ngày hôm sau anh Để khai bệnh nhưng đội trưởng không cho, anh Để phải theo đội đi cuốc đất, nửa buổi anh Để bị công an dẫn về trại nhốt trong nhà biệt giam cùm một chân. Ba ngày sau anh Để bị chết vì bệnh kiết lỵ ỉa ra máu ! Hôm anh chết, tối tôi nằm trong mùng mà có lúc nghe văng vẳng tiếng anh phát biểu từ phía đội đầu nhà về một cái khẩu hiệu đã đảo...đã đảo... Ở nhà giam số 8 bên cạnh có một anh gặp lúc trời mưa, chạy từ sân trại vào nhà miêng la lớn: “Đã đảo, đã đảo...trời mưa!” Tất cả chúng tôi không ai bảo ai đều lo lắng cho người bạn đồng cảnh tự nhiên giờ chứng, không biết sự gì sẽ xảy ra cho anh bạn trẻ, nghe nói tính tình bất thường. Nhưng một tuần lễ trôi qua người “đã đảo trời mưa” vẫn yên ổn, không thấy anh ta bị hỏi han gì. Cũng lạ. Mà cũng chẳng có gì lạ cả. Điều bất ngờ là viên sĩ quan đội trưởng nhà trưởng cũng bị chết. Nghe nói sáng sớm có người thấy anh ta vật lá khoai lang vò bỏ miêng ăn sống. Vừa đi vừa nhai. Nửa buổi anh ta bị cảm ngoài hiện trường lao động, được đưa về cấp cứu ở bệnh xá, y tá cách mạng tiêm thuốc chữa trị cho anh ta, lát sau anh ta tắt thở. Có người đoán anh ta ăn củ sắn sống nhiều quá bị say nên giải độc bằng lá khoai lang không khỏi, đi làm phát quang ở nghĩa địa bị xỉu. Người đoán nói rằng say sắn chỉ uống nước đường nằm nghỉ sẽ hết. Y tá không biết gì chích bừa thuốc cảm là chết toi.

Có người hỏi tôi:

- Theo ông bác sĩ thì anh ta chết vì bệnh gì ?

Tôi nói:

- Bệnh gì thì phải “chẩn” mới biết được chứ.

Mộ phần của anh nằm cạnh mộ phần của anh Để. Dưới chân đồi. Vùng Việt bắc.

Xa, rất xa quê anh và quê anh Để. Lại càng xa, rất xa nước Mỹ.

*

NHẮN TIN: Nhấn cậu thanh niên ra đời sẩy thai, thiếu tháng, mang họ nhờ... Người đỡ đẻ và khai sinh cho cậu đã chết trong tù. Khi chiến tranh chấm dứt, cũng không thấy có một người đàn ông nào gọi là cha ruột của cậu trở về. Còn Mẹ của cậu nghe nói đã có một đời chồng khác. Không còn ai là người có liên hệ gia đình với cậu. Nhưng những người biết chuyện này thì còn nhiều. Tôi nghe rằng cậu nay đã có vợ con và hiện làm ruộng ở đồng bằng sông Cửu long. Lại cũng nghe rằng cậu đã vô đảng và đang là một anh Việt cộng ở Sai gòn. Lại cũng nghe nữa rằng cậu đã vượt biên và hiện đang ở đâu đó trên đất Mỹ... Vậy thì là cái gì bây giờ ? Người ta, có khi, đã làm khổ làm sở lẫn nhau chỉ vì những cái khốn kiếp của những kẻ khốn kiếp nào đó bày đặt ra. Truyện này phần trên viết trước 1975, đã đăng lần đầu

trên tạp chí Hành Trình số 1 tại Sài Gòn VN. Sau 1975 trong một cơn sốt ở trại giam của CS, gặp lại nhân vật, tác giả bèn nảy ra ý nghĩ viết thêm phần dưới. Sau này, nếu có dịp, biết đâu đây, lại mê sảng gặp lại cậu, ở đâu đó... thì có thể tác giả lại phải kể nốt cái phần tiếp theo của cậu. Không rõ, khi ấy, người ta sẽ xài cái khẩu hiệu gì ?

(HB/ 5.25.1993.)

Chuyện hai nhà văn Ngô Nhân Dụng

Thảo Trường là một nhà văn tự do. Ông sống trong thời chiến tranh, 17 năm phục vụ trong quân đội, nhưng khi viết văn ông là một con người tự do. Nhà văn nhìn cuộc chiến diễn ra trước mắt bằng con mắt của một con người. Đối diện với sự sống và cái chết, nhà văn diễn tả những quan sát trung thực, những cảm nghĩ chân thành. Nhà văn giữ được chất nhân bản, yêu sự sống, thương con người, thương loài người, một tình thương không để hoen ố vì chính trị phe đảng bẻ phái, mà còn vượt lên trên những tranh chấp tư tưởng, ý thức hệ nhất thời.

Thảo Trường phải ngưng viết trong 17 năm làm tù binh của chế độ cộng sản. Và nay ngoài 70 tuổi, tị nạn ở Mỹ, ông lại sống và viết tự do. Nhưng ngay khi sống trong nhà tù, có thể nói tâm hồn ông vẫn tự do phơi phới. Khi nghe ông kể lại những mẩu chuyện trong tù, chúng ta thấy một người bình tĩnh chăm chú quan sát cuộc sống quanh mình, với tâm hồn thanh thản, và nhiều khi rất hóm hỉnh. Thảo Trường kể chuyện người cựu tù binh đạp xe đi mót ve chai ven xa lộ PCH ở California mà lâu lâu lại vẫn vương nhớ những hình ảnh cũ. “Hồn bay lên khỏi những ngọn cây trầm rậm rì... qua những cây trầm khác trong trại giam ra khỏi hàng rào tre, bay qua Suối Lạnh, qua Suối Cạn, lướt trên ngọn cây, bay vù lên ngọn núi Mây Tào...” Ông nhớ lại những ông chánh án tòa thượng thẩm bị biệt giam, nhớ cậu bé con, nhớ người sĩ quan trẻ bị tâm thần được trả tự do nhưng nhất định không rời trại nếu không có xe quân cảnh Mỹ đến đón! Sau khi vất vả mới đánh lừa để đuổi được cậu tù trẻ này ra khỏi trại rồi, người trực trại than: “Tù cũng khổ! Cai tù cũng khổ! Ở tù cũng khổ! Ra tù cũng khổ!” Buổi tối, khi đàn bò xổng chuồng cả trại phải đi “thu quân” về rồi mới được ngủ bù, có bác cần nhân: “Bò cũng khổ! Người cũng khổ!”

Trong tù có câu chuyện một cựu sĩ quan được đàn em cũ trong lính giúp nên chỉ phải làm chân chăn heo, công việc nhàn đở phải đi lao động. Công việc là nấu cám cho heo ăn, kín nước rửa chuồng heo, tắm đàn heo cho sạch sẽ, chỉ loanh quanh trong nhà lổ, đở mưa đở nắng. Cậu đàn em dặn dò “bác già”: “Ông thầy phải khôn một tý mới có hy vọng sống sót mà về Nam... Phải biết nín thở qua sông.” Ông sĩ quan cần cù theo chủ trương nín thở. Một bữa bà vợ của trại trưởng mang con heo cái tới lấy giống của con heo nọc trong trại. Bà phó tiến sĩ chỉ huy trại heo bảo ông tù binh vào chuồng heo giúp hai con vật làm bồn phận gây giống. Nhưng khi “bác già” nín thở bước vào thì bị con heo nọc tấn công, bác tháo chạy, phóng ra khỏi chuồng heo.

Thảo Trường viết, “Người đàn bà và cô phó tiến sĩ cười ngặt nghẽo:

- Anh thua con lợn à?

Bác già gật đầu:

- Thua. Tôi thua giống lợn!

Một người tù binh tất nhiên phải nhận là mình thua trận. Bác già bình thản công nhận điều đó:

“Thua. Tôi thua giống lợn!”

Khi đọc những “miếng” truyện trong tuyển tập mới xuất bản của Thảo Trường, chúng ta sẽ thấy sự thực nhà văn không thua, dù thua cái giống lợn. Bởi vì ngay trong lúc sống trong tù thì óc

sáng tạo của ông và đồng đội của ông vẫn làm việc tự do. Chúng ta được đọc những bài thơ Thanh Tâm Tuyền viết trong những năm tù đầy:

“Vẫn thấy trong mơ đời trở giấc
Cỏ hoa rù quuyền gió hoang đàng!”

Hay là:

“Mưa bay đều hạt mưa phơi phơi
Chiều đàng tàn hiu quạnh rừng sâu”
Trong hoàn cảnh nào người tù binh vẫn nhớ:
“Đứng vững không khuyu chân
Trên mảnh đất nghèo khổ
Thở hít tận vô cùng”

Trong thời gian đọc lại Thảo Trường trong Tuyển Tập mà Người Việt mới xuất bản, tình cờ chúng ta cũng có dịp đọc mấy đoạn tùy bút của một nhà văn khác, là ông Nguyễn Khải. Hai nhà văn Thảo Trường và Nguyễn Khải cũng trạc tuổi như nhau, cùng sống trong quân đội, thuộc hai chế độ miền Nam và Bắc khác nhau. Thảo Trường may mắn còn sống và còn viết, Nguyễn Khải mới qua đời năm nay. Hai cuộc đời và hai văn nghiệp khác nhau.

Nguyễn Khải là một nhà văn chuyên nghiệp được quân đội miền Bắc nuôi để viết văn, còn Thảo Trường thì không. Ông không thuộc ngành tâm lý chiến, chỉ viết khi rảnh, theo ý thích, không viết lách như làm việc. Ngay năm 1969, khi viết về chiến tranh ông đã mô tả tình vi những mâu thuẫn trong lòng một sĩ quan thấy anh lính thân cận nhất của mình ngã chết, rồi lại được nghe những tiếng khóc của người vợ lính mất chồng. Đến bây giờ sau 40 năm chúng ta vẫn cảm động khi đọc lại. Trong một câu chuyện chiến tranh khác, Thảo Trường chỉ kể lại những đối thoại của một người lính Việt Nam Cộng Hòa với một em bé, khi em bé cứ cặm cụi, tần mẩn tìm cách đào một viên đạn bắn vào nhà mình, còn ghim trong tường. Thảo Trường còn viết, viên đạn Mỹ, nhưng không biết bên nào bắn. Một nhà văn miền Bắc, nhất là một nhà văn quân đội không được phép viết tự do như vậy.

Cho nên khi đọc bài “Đi tìm cái tôi đã mất” của Nguyễn Khải, chúng ta thấy một nhà văn như ông thật đáng thương. Ông mở đầu bằng lời thú nhận: “Năm 70 tuổi tôi bắt đầu chán viết.” Ông đã theo đảng Cộng Sản, tôn thờ thuyết những lời tiên tri Mác xít về việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Năm 2008, trước khi qua đời, ông nghĩ lại: “Dành cả một thời thanh xuân để tin vào những lời tiên tri ấy, về già nhìn lại cái tài sản tinh thần thu góp một đời chỉ là một cái kho chứa đủ tạp nham chẳng có một chút giá trị gì.”

Ai đã đọc Nguyễn Khải thì biết ông là một nhà văn có tay nghề già giặn bậc nhất. Các tiểu thuyết của ông được bố cục chặt chẽ, nhân vật rất sống, rất thực dù ông cố ý xếp đặt cho những mục đích chính trị, ngoài ra lối kể chuyện của ông lôi cuốn người đọc dù ông viết về bất cứ đề tài nào. Nhưng mỗi tác phẩm của ông đều nhắm một mục tiêu tuyên truyền nhất định nào đó mà đảng Cộng Sản muốn dân chúng phải học tập trong một khoảng thời gian nào đó.

Bây giờ Nguyễn Khải nhìn lại quãng đời viết văn phục vụ Đảng của ông, ông thấy đảng Cộng Sản đã giết chết cá tính con người, cả những người nghệ sĩ. Nhưng khi người nghệ sĩ phải hy sinh hết cá tính, phải vứt bỏ “những phát hiện độc đáo của riêng mình” thì “Mất những cái đó thì còn sống làm gì, còn viết tiếp làm gì?”

Nguyễn Khải nhớ lại cuộc đời viết văn của mình: “Đám văn nghệ sĩ chúng tôi cũng ‘sống không dễ’ trong sự viết lách. Viết đúng luật lệ thì chỉ có hai chủ đề: Căm thù và hy sinh... Cái thế giới mênh mông, nhiều màu sắc ngày một thu hẹp lại và chỉ có hai màu: Đỏ là quân ta, đen là quân địch.” Cho nên “Chính chúng tôi cũng tự chán mình. Tài đã kém lại bị bó chặt từ đầu tới chân, xoay tới xoay lui cũng chỉ một vòng quay, ú ớ một cách nói, càng viết càng nhảm.

Đến lúc ngoài 70 tuổi Nguyễn Khải thú nhận:

“Tôi là nhà văn của một thời, thời hết thì văn phải chết, tuyển tập, toàn tập thành giấy lộn cho con cháu bán cân!”

Con người cộng sản Nguyễn Khải trước khi qua đời công nhận “Cách tổ chức xã hội của giai cấp tư bản dẫu có xấu xa đến tận đâu cũng vẫn tạo được những môi trường tự do và dân chủ hơn, mở ra những cơ hội mới cho sự phát triển của tài năng của mọi cá nhân và của cả cộng đồng.” Kinh nghiệm riêng của ông là: “Năm đất nước mới thống nhất vào Sài Gòn được gặp gỡ các nhà văn nhà báo, các nghệ sĩ của chế độ cũ mà thêm. Họ sống thoải mái quá, nói năng hoạt bát, cử chỉ khoáng đạt, như chưa từng biết sợ...” Đó là ông Nguyễn Khải không có dịp gặp những nhà văn bị tù như Thảo Trường, Doãn Quốc Sĩ, Như Phong Lê Văn Tiến, Hà Thượng Nhân, Trần Dạ Từ, Thanh Tâm Tuyền, vân vân. Ông sẽ thấy ngay khi bị bắt làm tù binh và bị dìm xuống đất đen như thú vật, những nhà văn tự do vẫn “Đứng vững không khụy chân.” Bài tùy bút của nhà văn Nguyễn Khải giống như một di chúc. Ông nói thẳng rằng trong chế độ toàn trị của đảng Cộng Sản “Văn chương cũng không thể còn. Nó sẽ chết vì bị ngạt... Những gì mà chủ nghĩa cộng sản hứa sẽ thành hiện thực trong tương lai thì cái hiện thực ấy sẽ giết chết cả loài người!”

Đọc văn Thảo Trường thấy đời sống hùng hực bốc lên, thấy cuộc sống ngồn ngộn hiện ra, chúng ta phải cảm ơn trước năm 1975 đã được sống ở một miền Nam tự do, trong một chế độ tôn trọng những truyền thống nhân bản. Nhờ sống trong bầu không khí đó, mới có những tiểu thuyết của Võ Phiến, của Bình Nguyên Lộc, Mai Thảo, Sơn Nam, Thảo Trường, Nhã Ca, Dương Nghiễm Mậu, vân vân. Đọc những lời tâm sự của một nhà văn ở thế giới khác là ông Nguyễn Khải, chúng ta càng thấm thía niềm biết ơn với những người đã chiến đấu bảo vệ những năm tháng tự do ngắn ngủi đó. Trong đó có những người bạn tù của Thảo Trường, mà ông đã rỉ rả kể chuyện cho chúng ta nghe trong “Những Mảnh Vụn của Tiểu Thuyết.”

Phỏng vấn nhà văn Thảo Trường Nguyễn Mạnh Trinh

(1) Xin anh cho một vài dòng về tiểu sử của mình?

TT: Tôi tên là Trần Duy Hình, bút danh Thảo Trường chỉ là một chọn đặt tình cờ từ khi đăng những sáng tác trên Tạp chí Sáng Tạo và dùng cho đến bây giờ. Vài bút danh nữa ký ở những bài báo trước 1975 hoặc những thơ văn thời trẻ đến nay tôi không còn dùng nữa. Tôi chỉ học hết trung học và chưa biết đại học Văn khoa là gì. Tôi chỉ thích 4 năm học Hán văn với giáo sư Trần văn Hào, cụ thích tôi, tôi biết rõ vì chính tôi cũng rất kính yêu cụ, mỗi lần cụ cho 00/20 điểm trên bài luận văn của tôi thì cụ đều nhìn tôi cười, và nói: “Deux zéros! Không lẽ cho điểm âm!” Năm nay tôi vừa lục tuần vì cũng thích coi tử vi nên tôi thường nhớ tuổi mình là Bính tý. Quê quán tôi ở tỉnh Nam định miền Bắc bên bờ sông Vị hoàng. Tôi là người thứ chín trong một gia đình đông con, mười người. Thân phụ tôi mất sớm. Tôi là đứa con bất hiếu, năm 1954 tôi vào Nam bỏ lại Mẹ tôi ở quê nhà với người chị gái lo phụng dưỡng ông nội tôi và coi sóc mồ mả tổ tiên, nhưng sau đó Mẹ tôi bị đầu tở, bị tịch thu hết nhà cửa ruộng vườn, bị đuổi ra ở ngoài gò đất giữa cánh đồng nước mênh mông. Vào Nam tôi gia nhập quân đội, theo học Khóa 6 Trường Sĩ quan trừ bị Thủ đức. Và chính thức viết văn.



*Thảo Trường, Chuẩn Úy Pháo Binh Khóa 6
Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức (vào năm 1958)*

(2) Là người lính trước 75, là người tù sau 75 và sau cùng sang Mỹ tị nạn theo diện HO, anh suy nghĩ thế nào về chiến tranh và thay đổi thế nào tùy theo thời gian cũng như vị trí của anh trong thời điểm ấy ?

TT: Tôi đã trải qua một thời chiến, tôi cũng đã trải qua một thời tù và hiện tôi đang phải trải qua một thời loạn! Tôi đã tham dự cuộc chiến tranh Việt Nam suốt 17 năm, làm sĩ quan pháo binh chán rồi chuyển sang làm sĩ quan nghiên cứu “Phương châm chiến lược hai chân ba mũi” của CS, nhiệm sở ở Cục An ninh quân đội. Qua những công việc đó tôi đã phải đi và ở hầu hết hơn bốn mươi tỉnh thành của Miền Nam Việt Nam và còn có dịp ra ngoài Bắc nhìn tận nơi thành phố Hà Nội nhân chuyến nhận tù binh Mỹ ở ngoài đó. Cấp bậc chót của tôi là Thiếu tá của QLVNCH. Ngày 30 tháng 4 năm 1975 tôi bị bắt làm tù binh. Tôi bị CS giam giữ gần mười bảy năm, trải qua 18 nơi giam giữ từ Nam ra Bắc rồi từ Bắc vô Nam. CS thả ra, tôi ở Saigon hơn một năm thì sang Mỹ đoàn tụ với vợ và các con tôi theo hồ sơ IMMI được hơn ba năm nay. Nghĩ về chiến tranh thì tôi xác định rằng những người cầm đầu băng đảng cộng sản phải chịu trách nhiệm với lịch sử, họ muốn và họ bắt buộc nông dân phải làm ruộng theo cách của họ, họ muốn và họ bắt buộc công nhân phải sản xuất theo cách của họ ... họ muốn và họ bắt buộc con người phải sống theo những khuôn phép của họ, vì thế chiến tranh xảy ra. Mà những điều họ muốn chỉ là những thứ họ bắt chước của những kẻ sai lầm khác ở bên Nga bên Tàu. Tôi bị cộng sản bỏ tù lâu vào tận đáy vực của họ để thấy một điều rõ ràng là họ giả dối một cách thiệt tình, họ tàn nhẫn rất nhiệt tâm, độc ác nhân danh lòng nhân đạo. Những người cộng sản cấp dưới không biết việc họ làm, vì thế tôi không hề thù hận họ. Song những lãnh tụ của họ thì phải chịu trách nhiệm về những tan nát của quê hương Việt Nam. Cái thời chiến đổ vỡ tan hoang đó cũng như cái thời tù cơ cực nghiệt ngã đó nó phải có tác động nhất định nào đó vào những tác phẩm của tôi. Cũng như bây giờ sống trong một nước Mỹ không chiến tranh, nhưng thế giới đang ở một thời loạn, nơi này có kẻ nhận là chúa, nơi khác có bà xưng mình là phật, con giết cha mẹ, mẹ trấn nước con thơ, vợ chồng giết hại lẫn nhau, bom nổ lung tung giữa trung tâm nước Mỹ, Anh, Pháp hơi độc giết người tại thủ đô Nhật bản ..., và ở VN cũng vẫn còn “ngụy cộng sản” vẫn còn “giả dạng cách mạng”... thì chúng ta không thể thờ ơ khi làm tác phẩm.

(3) Cuộc đời anh có phản ảnh trong những điều anh viết không? Có tác phẩm nào như những điều tự thuật ?

TT: Tác phẩm là sáng tạo, nhưng đây đó có những chuyện giống giống người này người kia, hay nhân vật trong truyện xưng tôi thì cũng không có nghĩa nhân vật là tác giả. Tất cả những gì mà cuộc sống của tôi trải qua, những gì mà tôi chứng kiến, những gì mà tôi nghe kể lại và những gì tôi đọc được ở sách vở thì đều có thể là chất liệu dùng làm chất xúc tác khi xây dựng

tác phẩm. Có khi tôi lượm nhiều mẫu đời vụn ở nhiều nơi nhiều lúc sắp đặt vào một nhân vật. Đã có một người anh họ nói đùa với tôi: “Coi chừng kể cho nó nghe nó lại “phang” mình vào trong truyện thì bỏ mẹ!” Cũng có khi tôi đem những cái của mình gán vào một nhân vật nào đó, như là mình cho mượn vậy; bởi vì chính mình, đã có khi phải đi mượn những mối tình của người khác đặt vào chỗ của mình. Riêng đời tôi, tôi chưa làm tác phẩm nào tự thuật. Tôi không có ý định viết hồi ký.

(4) Chắc anh khởi đầu viết từ những truyện ngắn trên tạp chí Sáng Tạo ? Anh có nhớ đó là truyện ngắn với nhan đề như thế nào và anh có kỷ niệm nào đặc biệt về nó?

TT: Trước Sáng Tạo tôi có những bài tùy bút và thơ đăng trên những nội san ở Hà nội và Nam định như nội san của Trường sĩ quan trừ bị Nam định. Khi di cư vào Sài Gòn tôi có viết được một truyện dài nhan đề là “Đau thương” nhưng chưa xuất bản. Truyện ngắn đầu tiên của tôi đăng trên tạp chí Sáng Tạo do nhà văn Mai Thảo làm chủ bút là truyện “Hương gió lướt đi”, truyện ngắn này sau có in trong tuyển tập Sáng Tạo do tạp chí Văn xuất bản và dĩ nhiên nó cũng có trong “Thử Lửa” là tập truyện ngắn đầu tay của tôi do cơ sở Tự Do xuất bản năm 1962. Tôi chẳng có kỷ niệm nào về nó, có người hỏi đó đọc xong tưởng là chuyện có thật của tôi và nói tôi... yêu sớm quá. Thực ra đó là chuyện của một ... cô “me tây” với một anh học trò cùng trường lớp với tôi, tôi chỉ “mượn” câu chuyện của họ rồi ... xúc cảm làm thành như là chuyện của mình. Hồi đó tôi nhát và ngớ. Cho đến bây giờ hình như tôi cũng vẫn còn nhát và ngớ. Có khi còn hơn thế nữa.



Thảo Trường vào thời cộng tác với Sáng Tạo (ảnh Cao Lĩnh)

(5) Khi cầm bút anh có mục đích nào ? Thích là viết hay để làm đẹp đời sống, nêu cao những chủ trương triết thuyết ?

TT: Tôi làm tác phẩm là để đời.

(6) Anh có một quan niệm khá đặc biệt về truyện ngắn ” Câu nói hay nhất là câu nói ngắn nhất. Viết truyện ngắn là dùng thứ kích thước nhỏ để dựng vấn đề có khi rất lớn.” Bây giờ vấn đề lớn là gì? (thời sự, con người, văn chương...?)

TT: Ông có nhắc thì tôi mới nhớ, tôi có phát biểu đầu đó như thế với Nguyễn Đông Ngạc trong tuyển tập *Những Truyện Ngắn Hay Nhất* hồi ở Việt Nam trước 1975. Bây giờ tôi cũng vẫn nghĩ như vậy. Và vấn đề lớn cũng vẫn là “thân phận con người trong thời đại này”. Tôi vẫn có tham vọng làm sao “nhét” cả một cuộc chiến tranh vào trong một truyện ngắn, làm sao đưa được cả

một thời đại mình đang sống vào trong một truyện ngắn. Vâng, tôi vẫn hằng mong muốn làm được như vậy.

(7) Khi anh viết truyện ngắn, động lực đầu tiên để thúc đẩy anh viết ? (nhân vật, đề tài...?)

TT: Hình như đầu tiên là nhân vật. Tôi vớ được một nhân vật nào đó ngoài đời làm cho tôi chú ý, nó bắt tôi phải suy nghĩ xung quanh nhân vật đó về những sự kiện, lời nói và hành động tinh tiết cùng những bản khoăn, mang những ý nghĩa của đời sống, có lý hay phi lý Rồi có khi những ý nghĩ của mình bay về quá khứ hay mịt mùng ở một nơi xa xôi nào đó, ý nghĩ bay đi lộn lại, quần thảo một hồi xong có khi xếp xó để đấy, rồi một lúc nào đó nó lại xẹt ra, lại quần thảo. Những cơn vật vã như thế sẽ nảy sinh ra những vấn đề, nói cách khác là có lúc nó sẽ nảy ra đề tài, một đề tài hay nhiều đề tài, loại bỏ và chọn lựa...cho đến khi sự xúc cảm đem đến cho mình niềm thích thú thì dùng bút pháp riêng của mình mà thể hiện nó ra. Cũng có khi phải “cắt” nó nằm yên trong “bộ nhớ” ở trong đầu mình nhiều năm, thời gian cắt đi để dành này có thể “nó” còn được nhào nặn thêm qua nhiều suy tư nữa. Trường hợp những truyện ngắn hình thành mà tôi phải “cắt đi” lâu nhiều năm là những hình thành trong thời gian ở tù CS. Qua Mỹ tôi mới thể hiện nó ra. Bây giờ tôi cũng vẫn đang đi tìm nhân vật. Tôi tìm trên đường phố, ngõ hẻm, và các thành phố Mỹ. Ngồi nói chuyện với ông có lúc tôi cũng chợt tự hỏi hay là mình “bắt” người này về làm nhân vật.

(8) Thường thường, anh viết có dễ dàng không ? Và có sửa chữa gì nhiều sau khi hoàn tất ?

TT: Thời trước 75 tôi viết dễ dàng. Bây giờ tôi làm việc vất vả. Phải sửa chữa chừa, đôi khi phải sửa nhiều. Bây giờ dùng computer nên công việc sửa chữa rất thuận tiện.

(9) Nếu sửa chữa nhiều, có thể làm lạc đi những ý định ban đầu khi khởi viết không ?

TT: Tôi chưa gặp trường hợp phải thay đổi nhiều, chỉ có nhờ sửa chữa mà nội dung được phong phú thêm, theo ý tôi.

(10) Nhiều người rất thích thú vì những cái bất ngờ xảy ra khi đang viết. Anh có tâm trạng ấy không? Và trong những truyện ngắn của anh, có truyện nào anh thấy nhiều “bất ngờ” nhất ?

TT: Có một bất ngờ tôi xin kể: Trong truyện ngắn “Viên đạn bắn vào nhà Thục”, nhân vật cô bé hỏi nhân vật người lính rằng bên nào đã bắn vào nhà cô, lúc đầu tôi cho phe hai người bộ đội bắn, sau tôi nghĩ trong giao tranh bên nào cũng bắn cả và ai biết được hòn tên mũi đạn nó đi như thế nào, với lại cũng may là viên đạn lại chui vào vách tường không chết ai cả vậy thì cho nó công bằng một tí, tôi viết câu người lính trả lời cô bé là: “Đạn này nhãn hiệu Mỹ, nhưng có thể đã bắn ra từ phe tôi và cũng có thể đã bắn ra từ phe hai người bộ đội, bởi vì bên nào cũng có thứ súng đó hết !” Nhưng khi đưa kiểm duyệt thì Bộ Thông tin xoá bỏ mấy chữ “Đạn này nhãn hiệu Mỹ” để giữ hòa khí với bạn đồng minh Hoa kỳ, tình nghĩa đến thế là cùng. Rồi các ấn bản cứ phải in với sự loại bỏ những dòng kiểm duyệt, kể cả bản in ở Mỹ sau đó. Mà nước Mỹ thì họ đâu cần để ý đến những cái lẻ tẻ đó. Cho nên sắp tới khi xuất bản tập sách có truyện ngắn ấy ở nước Mỹ này thì nó sẽ đủ nguyên con và mang tên nguyên thủy của nó là “Nhãn hiệu Mỹ”.

(11) Trước khi viết, anh có dự trù kết cấu của câu chuyện sẽ viết ? Hoặc, không có gì cả và viết một mạch ?

TT: Tôi làm việc có dự trù cẩn thận, tôi còn có bản ghi chép những ý tưởng và những chi tiết cần ghi nhớ sẽ cho vào trong truyện, khi làm việc tôi thường phải rà xét lại những ghi chép đó để xử dụng nó vào đoạn nào trong truyện. Nếu lái xe mà chợt nảy ra ý tưởng gì đó, tôi ấn nút ghi chép bằng máy ghi âm nhỏ, vì sợ quên, về nhà tôi chuyển nó sang bản ghi chép giấy. Những ghi chép này người khác đọc không hiểu vì tôi ghi theo cách vắn tắt, và nó là một mẩu giấy chằng chịt ngang dọc gạch xóa những chữ có khi rất vô nghĩa. Có khi đang viết tôi cũng phải ngưng lại để ghi chép. Có khi đang nằm lơ mơ sắp ngủ tôi cũng phải vùng dậy lấy bút ghi chép.

Thảm lắm ! Và như tôi đã nói, mặc dù có dự trù như thế nhưng trong lúc làm việc những ý tưởng nảy sinh bất ngờ sẽ làm cho tác phẩm phong phú thêm, và đó là sáng tạo.

(12) Khi trước 1975 anh là người lính và làm báo. Vậy những công việc ấy có ảnh hưởng thế nào đối với công việc cầm bút làm văn chương của anh ?

TT: Đời lính có cuộc sống luôn luôn sôi nổi, tầm hoạt động thay đổi, đi nhiều và đi xa, gặp gỡ nhiều, nghe được nhiều và có nhiều cảm giác lạ ... như thế tôi nghĩ có lợi cho công việc đi tìm nhân vật cho tác phẩm mình. Thời kỳ làm báo cũng giúp tôi mở rộng tầm nhìn vào xã hội và cuộc sống. Nhưng làm báo lúc đó với tôi là để kiếm thêm tiền nuôi gia đình, tôi nhận viết những mục phiếm luận trên một số báo ở Saigon và cho in hàng ngày những truyện dài đã viết của mình, tôi không biết làm tin nên thường không phải đến các toà soạn. Bài viết từ nhà hoặc từ trong trại lính đêm trước hôm sau nộp, cuối tháng lãnh lương. Do đó viết văn là cứ viết văn thôi, có ảnh hưởng là ảnh hưởng từ cái cuộc sống ấy. Nếu nói về thời giờ làm việc thì hồi đó tôi rất sung sức, làm việc giờ nào cũng được, viết giờ nào cũng được.

(13) Khi viết anh hay dùng ngôi thứ nhất hay ngôi thứ ba ?

TT: Điều này phải lục lại tất cả các tác phẩm đếm xem ngôi nào nhiều hơn ngôi nào, tôi cũng không nhớ rõ nữa ngôi nào tôi hay dùng, hình như cả hai đều hay dùng cả. Nhưng ngôi thứ nhất cũng không có nghĩa là tôi cơ mà. Mới đây trong một truyện ngắn tôi đã dùng ngôi thứ nhất cho một con nhện.

(14) Và, trong truyện cũng như tiểu thuyết anh, sự thật chiếm bao nhiêu phần trăm ? Còn hư cấu thì ra sao ?

TT: Sự thật chiếm 99%, hư cấu cũng chiếm 99%!

(15) Văn chương phản ảnh thời thế, và từ đó người ta sẽ quan sát được cả một thời kỳ qua những điều nhà văn diễn tả ?

TT: Tôi cũng nghĩ như vậy.

(16) Nhưng có người quan niệm ngược lại, con người là một đề tài lớn và trường cửu, còn những vấn đề khác xung quanh chỉ là nhất thời không có giá trị lâu dài. Theo anh, vấn đề này nên suy nghĩ như thế nào ?

TT: Tôi không thấy có gì ngược lại cả. Đúng là con người lớn và trường cửu đối với con người. Chỉ khi nào không còn con người nữa thì may ra lúc đó vấn đề mới ... nhỏ đi và tầm thường. Tác phẩm có thể giúp cho người ta hiểu được vào giai đoạn ấy ở nơi ấy cái thời thế ấy nó như thế. Vài ba trăm năm nữa hậu duệ của chúng ta có khi phải đi đào xới nơi này nơi khác để tìm kiếm những di chỉ hoặc là phải đi lục tìm sách vở báo chí tài liệu trong các thư viện để xem cái nền văn minh cộng sản nó là gì. Nếu thế thì một tác phẩm văn nghệ cũng có thể chứa đựng một thế giới riêng trong cái thời đại tác giả đã sống. Mở truyện Kiều ra đọc chúng ta biết được cái thời thế của cụ Tiên Điền đã sống. Vấn đề này lớn quá và phải nói dài, có lẽ phải hỏi các vị giáo sư hay các nhà nghiên cứu, phê bình.

(17) Anh có nhiều thời kỳ cầm bút khác nhau, trước và sau 1975 là cái mốc phân cách. Vậy, mục đích khi cầm bút có thay đổi không đối với anh ?

TT: Không. Trước 75 tôi viết cũng chỉ muốn tác phẩm của mình để đời. Mười bảy năm sau 1975 không viết là vì bị chế độ chính trị khống chế. Nay thay đổi hoàn cảnh có thể viết được thì lại tiếp tục. Không có gì thay đổi cả. Điều này có nghĩa là chế độ chính trị không bắt tôi im được mãi, họ chỉ cản trở tôi được một giai đoạn thôi.

(18) Khi anh viết truyện ngắn hoặc truyện dài, kỹ thuật mà anh xử dụng có giống nhau không ?

TT: Tôi nghĩ là có khác. Kỹ thuật viết một truyện ngắn thường phải xúc tích ngắn gọn, các tình tiết cần phải được gạn lọc, lựa chọn lấy những gì là điển hình nhất để đưa vào xử dụng mà thôi. Khi hành văn thì càng ngắn càng tốt. Với truyện dài có hơi khác vì một đề tài mình muốn viết thành truyện dài là do vấn đề mình muốn nói trong đó cần phải có một cốt truyện dàn trải ra với những tình tiết diễn tiến để dẫn tới điều mà mình muốn tác phẩm ấy phải đạt tới... Tôi không biết nói sao thêm vì tôi không có khả năng lý luận văn học. Tôi chỉ thấy là có khác biệt khi mình làm một tác phẩm ngắn và khi mình xây dựng một tác phẩm dài. Nhưng tôi không có ý nói một tác phẩm lớn phải là truyện dài hoặc thật dài còn một tác phẩm nhỏ thì không thể lớn. Một người bạn Mỹ và cũng là độc giả của tôi đã đọc những truyện dài trước 75 và mới đây sau khi đọc những truyện ngắn của tôi viết trong năm qua thì ông ta có nhận xét vui vui rằng: "Ngày xưa anh sản xuất rượu bia, ngày nay anh nấu rượu mạnh." Cho tôi phỏng vấn lại Nguyễn Mạnh Trinh là anh nhận xét thấy thế nào ?

(19) Hình như trước 1975, anh có viết những truyện dài đăng từng kỳ trên các nhật báo. Có người như nhà văn Túy Hồng đã kêu rằng thể loại ấy làm hư hoại văn chương của bà đi. Còn với anh thì thế nào ? Có thể viết được một truyện dài hay bằng thể loại ấy, theo anh ?

TT: Đúng là như vậy. Nếu phải sản xuất theo kiểu mỗi ngày một mẩu thì làm sao có mạch văn và tư tưởng liên tục của một tác phẩm dài, ấy là chưa kể khi bận rộn hoặc gặp lúc bí mà vẫn phải "nộp" bài thì sẽ xảy ra tình trạng "sản xuất" ẩu. Biết được như thế thì cũng có thể tránh được nếu muốn, bằng cách viết xong một tác phẩm hoặc ít ra là xong từng chương rồi hãy giao cho các toà soạn in dần từng ngày. Nhưng khốn nỗi vì nhu cầu sinh sống mà phải viết *feuilleton* thôi. Tôi có những truyện dài đã đăng dần trên nhật báo sau mới xuất bản thành sách mà tôi cũng rất thích. Và cũng có những bản thảo in dần trên nhật báo để lấy lương tháng sau tôi bỏ không xuất bản thành sách vì nghĩ rằng còn phải mất nhiều công sức sửa chữa hoặc có thể còn phải viết lại.

(20) Nhân vật chính của anh thường là phụ nữ hoặc các cô bé, có phải ?

TT: Thừa hình như không phải. Điểm lại 16 tác phẩm đã xuất bản và 6 tác phẩm hoàn thành nhưng chưa in, tôi thấy nhân vật chính của tôi có đủ loại người, nam, nữ, già, trẻ, lớn, bé ... và còn có cả bò, nhện

(21) Các chất đặc sắc nào mà anh muốn diễn tả từ các nhân vật của anh ? Vì khác thường không giống ai hay vì giống tất cả mọi người ?

TT: Nhân vật để biểu hiện điều mình muốn nói trong tác phẩm.

(22) Chiến tranh đã xuất hiện trong văn chương anh như thế nào ? Có phải đó là một đề tài tuyệt diệu trong thời kỳ anh viết lúc trước 75?

TT: Thời chiến mà tôi trải qua thì thế nào nó cũng "nhập" vào trong các tác phẩm của tôi.

(23) Bây giờ, cái nhìn của anh về chiến tranh ra sao ? Có khác biệt gì so với lúc trước?

TT: Chiến tranh VN đã chấm dứt, thực sự chấm dứt ngày mùng 04 tháng 05 năm 1992. (Ngày Việt cộng thả 4 người tù binh cuối cùng ra khỏi trại giam, đó là các quý vị Đỗ Kế Giai, Trần Bá Di, Lê Minh Đảo và Lê Văn Thân.) Vì thế xin anh cho tôi tạm quên đi giai đoạn đó !

(24) Anh đã viết truyện dài "Bà Phi" dài gần 2000 trang. Đó có phải là một trường thiên tiểu thuyết, so về bề dày?

TT: Thừa phải.

(25) Vậy trường thiên tiểu thuyết khác với truyện dài rất dài như thế nào ?

TT: Theo tôi thì ở tiểu thuyết tác giả đứng ngoài, đứng trên, hay đứng trong câu chuyện mà diễn đạt, thậm chí tác giả còn ở trong đầu, trong óc, trong tim trong gan nhân vật, trong tư tưởng,

trong ý nghĩ của nhân vật mà diễn đạt. Ở truyện dài thì tác giả làm vai trò thuật truyện mà thôi, mỗi khi muốn cho nhân vật biểu hiện cái gì thì chỉ tả mặt ngoài của nhân vật hoặc gán cho nhân vật những câu nói và..bắt “hắn” nói ra cái câu mà mình muốn nói với độc giả, nhưng không được viết rằng trong đầu “hắn” đang nghĩ thế này thế kia.

(26) Lúc bây giờ, viết những truyện về đời sống thực ở trong tù, ở nơi đang định cư với đời sống của người HO, anh có nghĩ anh đang làm công việc tự thuật ?

TT: Thế cơ à ? Có ai đọc tôi mà nghĩ rằng tôi tự thuật toàn chuyện đời mình thì kể ra truyện của tôi cũng thực đấy chứ! Cái gì cũng 99% cả thì biết thế nào mà nói bây giờ.

(27) Anh có nghĩ rằng những đề tài như vậy đã quá quen thuộc và được nhiều người khai thác nên khó có tính chất lôi kéo người đọc ?

TT: Nếu như thế thì cũng rất đáng buồn. Nhưng biết làm thế nào được. Năm ngoái ông Nguyễn Văn Trung từ Canada sang có nói cho biết rằng nhà văn Mai Thảo cũng có nói với ông ấy rằng tôi viết truyện tù lúc này thì ai đọc, tôi nghe và ghi nhận những lời nhận xét và khuyên bảo chí tình của các anh ấy nhưng tôi chỉ tưởng rằng mình được lưu ý thế thôi, nay nghe ông hỏi nữa tôi mới giật mình rằng nhà văn lại có thể bị nông nổi ấy thật sao ! Đời sống của tôi chỉ nghèo nàn trong ba cái “thời chiến, thời tù, rồi thời loạn”, suốt cả một đời “quanh quẩn” trong những “khe núi” ấy, tôi không biết uống rượu, nhảy đầm, đánh bạc, lại cả không biết xã giao, thậm chí trong thực tế còn không biết nói chuyện với...đàn bà, thì làm sao tôi có một đời sống phong phú, làm sao có chất liệu phong phú, để nó ảnh hưởng vào tác phẩm mình. Ôi, đành chịu an phận thế thôi, cũng may là tôi không có ý định “lôi kéo” người đọc khi viết, độc giả hoàn toàn khách quan và nghiêm khắc, tôi chẳng thể lôi kéo. Tôi thấy những điều mà tôi cho là phải viết để đời thì tôi viết ra. Thế thôi! Trong tù hay ngoài tù, bên ta hay bên tây, “trong hang” hay “trong hẻm”, thực tế nào kích động và ảnh hưởng vào trong tôi thì nó có thể là đề tài tôi sẽ chụp lấy.

(28) Có người nói cái chất sôi nổi với đời sống mà anh có trong những tác phẩm thời kỳ trước, bây giờ, ở những dòng chữ gần đây nhất, trầm lắng đi. Theo anh, điều ấy có đúng không ?

TT: Tôi không đo được điều ấy, có lẽ phải nhờ các nhà phê bình và thư độc giả. Tôi chỉ thấy rõ nhất một điều là mình già đi, tuổi tác già đã đành, lại thêm bị cay nghiệt và cơ cực, cho nên cái gì cũng già đi cả.

(29) Có phải sự thăng trầm của đời sống anh đã tạo ra tâm thức ấy ?

TT: Hình như vậy.

(30) Hậu quả của cuộc chiến có phải là sự căm hận, theo anh ? Và anh có nghĩ đến một tương lai hoà giải hoà hợp của dân tộc VN ?

TT: Căm hận hay không, theo tôi, thì tôi đã nói ở trên rồi. Dân tộc Việt Nam bao giờ cũng vẫn chỉ là một. Không có vấn đề hòa hợp hòa giải dân tộc. Chỉ có các chính quyền hay phe phái mới nói đến chuyện đó. Chính quyền CS hiện nay chiếm được đất nước và cai trị theo mảnh khoé của họ nhưng đất nước và dân tộc Việt Nam thì vẫn là đất nước và dân tộc Việt Nam. Chế độ tôi thì đất nước có lụn bại đi nhưng lịch sử đã diễn ra bao đổi thay, thử hỏi có chính quyền nào tồn tại mãi được không.

(31) Lằn ranh quốc-cộng, theo anh bây giờ còn hiện hữu không? Trong thực tế đời thường và trong văn chương ?

TT: Trên thực tế ngày nay chế độ VNCH đã tiêu vong. Trên thực tế bây giờ chế độ cộng sản cũng chẳng còn, toàn thế giới cũng như ở trong nước ta. Chính quyền ở VN bây giờ chỉ là nguy cộng sản. Xét theo Mác xít thì đảng cộng sản VN bây giờ là nghịch đồ của Karl Marx. Văn chương không có lằn ranh nên cũng chẳng cần hòa hợp hòa giải. Chuyện đó là của các phe phái.

(32) Đối với thế giới, vai trò của VNCH rất mờ nhạt trong cuộc chiến vừa qua, kể cả trên phương diện văn chương. Theo anh, đó có phải là một hình thức bất công không? Và nhà văn phải có nỗ lực nào để được công bằng hơn?

TT: Về mặt chính trị, nếu VNCH có mờ nhạt trên trường quốc tế trong cuộc chiến vừa qua là vì chế độ đó không được chơi bựa trong khi phía đối phương thì mảnh nào họ cũng có thể gỡ ra. Tôi nói thế cho dễ hiểu. Nếu văn chương miền Nam là mờ nhạt thì tại nhà văn miền Nam chúng tôi viết tồi, nhưng tính cho đến 1975, có lẽ miền Bắc cũng chẳng có gì khởi sắc. Bằng cứ là sau 1975 nhiều người từ miền Bắc đã tìm cách đọc và có được những tác phẩm văn nghệ miền Nam. Nếu nói về âm nhạc thì “nhạc vàng” từ miền Nam đã ra giải phóng miền Bắc một cách thần tốc, (Mặt kinh tế, xe Honda cũng kinh lắm!) Văn chương không cần thế lực nào ban phát công bằng, văn chương soi sáng cho các thế lực tập tành tự do dân chủ, văn chương tạo ra sự công bằng.

(33) Trong văn chương anh thấy có biên giới nào giữa những người cầm bút ở trong nước và hải ngoại? Hoặc, ở trong nước giữa những người miền Bắc và người miền Nam?

TT: Các nhà văn Việt Nam chỉ có tổ quốc chung duy nhất là Quốc Ngữ.

(34) Anh đã cầm bút ở hai thời kỳ, trước 75 ở trong nước và sau 75 ở hải ngoại. Vậy anh có thể cho một vài nhận xét cũng như so sánh về hai nền văn học này?

TT: Tôi mới sang, còn rất ngớ trước một xã hội văn minh thế này và chưa đọc được bao nhiêu tác phẩm hải ngoại xuất bản 20 năm nay rải rác trên khắp thế giới. Tôi xin phép chưa có ý kiến và so sánh. Nhưng tôi nghĩ là chắc có nhiều thơ văn Việt ngữ giá trị đã được sáng tác ở hải ngoại. Chẳng hạn mới tháng trước đây tôi đọc thấy trong tập thơ “Tôi chim ngủ đậu cành xanh” của thi sĩ Nguyễn Nam An nhiều câu thơ làm tôi bàng hoàng. Thơ của Nguyễn Nam An rất hay và tôi đã thuộc nhiều câu nhiều đoạn. Chẳng hạn như:

*Hai mươi năm sau nghe lại tiếng mà trên điện thoại, tha phương
Nhận rõ không, giấy bút đâu ghi địa chỉ
Tọa độ hôm nay là những thành phố Mỹ
Chi chít trên bản đồ đại pháo bắn huyệt hơi!
Thằng lính thân thương ơi*

.....

*Có nhận ra không, về hú một tiếng vang
Như tiếng lựu đạn của mà xưa nổ trận đầu trên tàn hoang Quảng Trị
Kỳ lạ quá sao tao mà ở Mỹ?*

Tôi nghĩ rằng tôi phải dành một thời gian để đọc.

(35) Có người cho rằng văn học VN ở hải ngoại là nền văn học miền Nam trước 75 nối dài. Theo anh có chính xác không khi phát biểu như vậy?

TT: Chẳng nên nói gộp chung lại như vậy. Có những tác giả sang đây viết nối dài như cái cũ. Nhưng cũng có những bút pháp rất lạ, như Nguyễn Nam An mà tôi vừa nói đến ở trên.



*Chân dung Thảo Trường (tù Cộng sản)
qua hí họa của Chóe (thập niên 1980)*

(36) Anh đã có một thời gian vài năm ở trong nước sau khi cải tạo về. Vậy anh có theo dõi tình hình văn học ở trong nước lúc ấy không? Nếu có xin anh một vài ý kiến.

TT: Rất không may là tôi bị tù lâu quá, về Sài Gòn rất trẻ và lại đi ngay, nên chẳng theo dõi được bao nhiêu. Tôi chỉ có đọc được mấy truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, và tôi rất thích.

(37) Anh có băn khoăn nào về tương lai văn học VN ở hải ngoại. Sẽ suy tàn dần, biến dạng thành một nhánh khác viết bằng ngôn ngữ bản xứ hoặc hội nhập với dòng văn học ở trong nước?

TT: Văn học VN thì phải viết bằng Quốc Ngữ. Viết bằng chữ khác thì không nên gọi là văn học VN. Tôi thấy có thi sĩ người Việt làm thơ tiếng Anh hay tiếng Pháp, tôi coi các vị ấy là thi sĩ Mỹ hay thi sĩ Tây. Văn học VN viết bằng Quốc Ngữ rồi Tây Tàu Nga Mỹ gì đó nếu thấy hay thì dịch ra tiếng nước ấy mà thưởng thức, cũng như mình, ngược lại thấy của người hay thì chuyển ngữ về mà đọc, hoặc là học biết tiếng nước ấy mà đọc. Văn học VN ở hải ngoại viết bằng Quốc Ngữ thì cũng vẫn là văn học VN, chỉ có tác giả vì một lý do nào đó phải sống ở nước ngoài nhưng vẫn làm văn học VN mà thôi, có cần gì phải nhập mới vào được Quốc Ngữ. Quốc Ngữ không phải xuất cảnh, nhập cảnh bao giờ. Nhà văn đi đâu cũng mang Tổ Quốc của mình trong tim.

(38) Theo anh, có tín hiệu lạc quan nào từ những người trẻ ở hải ngoại? Về phương diện chính trị cũng như về văn hóa?

TT: Lúc tôi ra tù, ở Sài Gòn chờ xuất cảnh, có người cháu mà bố mẹ anh ta đều là người Việt sống ở bên Pháp, về thăm quê hương, đến chào tôi, anh ta đi đâu cũng phải mang theo một thông ngôn. Tôi bâng khuâng trước câu hỏi này của ông!

(39) Đời sống của anh bây giờ ra sao? Có còn thuận tiện cho công việc cầm bút nữa không?

TT: Thừa có.

(40) Một ngày của nhà văn Thảo Trường?

TT: Vấn đề ăn ngủ: Đêm ngủ sáu tiếng. Trưa ngủ mười lăm phút. Ăn ngày ba bữa, uống trà Thái nguyên. Làm việc: thức mười bảy tiếng gặp gì làm nấy, nhưng có bốn tiếng ngồi trước máy viết cái gì đó. Với gia đình: sáng sớm đi bộ cùng với nhà tôi tới nhà thờ và chiều ở bãi biển; Tôi thích tiếp chuyện với các con tôi (bảy người đã trưởng thành) và thích nhìn đứa cháu nội.

(41) Anh có dự định nào cho văn chương trong tương lai? In một tập truyện ngắn viết một cuốn truyện dài hoặc mang những kinh nghiệm viết của mình trên những trang hồi ký?

TT: Dự định xuất bản một tập truyện ngắn nhan đề “Những Miếng Vụn Của Tiểu Thuyết” gồm 7 truyện ngắn mới làm xong. Đang viết ba cái truyện ngắn nữa. Sửa chữa bản thảo sáu truyện dài viết trước 75 để có dịp là in. Không có ý định viết hồi ký.

(42) Sau cùng, anh có điều gì muốn nói thêm với độc giả?

TT: Sau gần hai chục năm vắng mặt trên văn đàn, nay tôi lại tiếp tục viết. Tôi đã có lời chào gửi đến độc giả, qua tập truyện ngắn *Tiếng Thi Thảm Trong Bụi Tre Gai*, do nxb Tin, Paris, xuất bản năm vừa qua. Ấn bản ở Hoa kỳ do Văn nghệ phát hành.

(H.B. Oct.5.1996.)

Xuất cảnh

Con gái lớn của tôi từ bên Mỹ về thăm, tôi mừng quá, nó mở ra cho tôi một lối thoát. Thấy tôi thất vọng đủ điều, nó nói: 'Mẹ sang Mỹ ở với con. Con nay đã là công dân Mỹ rồi, có quyền bảo lãnh cho mẹ sang bên đó. Mẹ đi Mỹ một cách đàng hoàng, công khai, chính thức, không phải trốn chui trốn lủi như ngày mẹ đưa con đi trước kia, và mẹ muốn ở bao lâu cũng được, ở luôn cũng được.'

Con nhỏ còn cười với mẹ:

'Sang đó mẹ muốn lấy một ông Mỹ già làm chồng nữa cũng được cơ.'

Rồi con Mỹ con còn phun ra một câu tiếng Mỹ:

'Makes you think!'

Nó dịch sang tiếng ta và giảng giải cho tôi hiểu. Tôi nói:

'Má cần gì phải lấy ông Mỹ già. Má sẽ tìm người bạn trai của má, ông ấy là sĩ quan Cộng hòa xuất cảnh sang bên đó năm ngoái.'

Con nhỏ rũ ra cười:

'Tưởng gì chứ các ông sĩ quan HO thì đông lắm, ngày nào các bác ấy cũng họp nhau ở các quán cà phê ngoài hiên hút thuốc bàn chuyện thế sự, như ngay xưa ở Saigon, các bác ấy thường hay họp 'chợ HO' ở vườn bông trước sở ngoại kiều đường

Thống Nhất, hay ở quán cà phê Thiên Nga lề đường Trần Quý Cáp mỗi buổi sáng. À mà Má quen bác nào vậy'

Tôi chọt bẽn lễn với con gái:

'Bạn của má ngon lành lắm.'

Nó lại cười:

'Được rồi. Để coi. Makes you think!'

Con gái tôi thu xếp mọi việc xong mới trở về Mỹ giao cho văn phòng dịch vụ làm hồ sơ bảo lãnh mẹ qua đoàn tụ với con gái.

Tôi làm thủ tục ly dị với chồng nhưng ngôi nhà thì tôi không để lại cho ông ấy. Tôi mất hết của cải rồi nên tôi phải bán cái tài sản còn lại ấy đi để có tiền ăn xài. Tôi tìm đến căn nhà ở làng phé binh cũ gặp vợ chồng thợ tằm quất mù. Tôi nghe nói vợ chồng anh kiếm được nhiều tiền để ra, muốn mua một căn nhà lớn hơn căn nhà tôn mục nát. Đã lâu lắm rồi tôi không gặp vợ chồng anh, nay thấy họ, tôi ngạc nhiên vì cả hai vợ chồng đều sáng sủa đẹp đẽ ra. Cả vợ lẫn chồng đều mặc đồ đẹp. Anh phé binh mù đôi rách ngày nào nay trông như một việt kiều về thăm quê hương. Anh ta cởi trần phơi ra bộ ngực và bờ vai nẩy nở khoẻ mạnh như cầu thủ bóng chuyền, anh mặc một chiếc quần sóc đẹp có nhãn hiệu Mỹ ở bên cạp, chân đi dép da cũng là đồ ngoại chứ không phải 'dép lổp đi vào vũ trụ' như ngày xưa. Chị vợ cũng xinh đẹp nhưng bụng chị đã nhô ra, chị mặc áo kiểu V. mỏng, quần sóc trắng, đi giày nike. Tôi chỉ vào bụng chị, chị cười: 'Sáu tháng rồi, chỉ ráng đi làm 2 tháng nữa là phải nghỉ đẻ.'

Chị hỏi thăm vợ chồng tôi và mời tôi ngồi, thấy anh mù đứng dựa tường, tôi cầm tay anh tính dìu

anh tới ghé ngồi thì chị vợ bước ngay tới gỡ tay anh ra khỏi tay tôi, nói:

'Cứ để nhà tôi tự đi đứng một mình được mà chị, anh ấy thuộc lòng tất cả rồi, chị khỏi cần dẫn dắt.'

Tôi hiểu ngay tâm địa người đàn bà đối diện cũng như tôi hiểu rõ hơn ai hết tâm địa tôi. Tôi nghĩ tới bàn tay của anh 'chiến sĩ lái' thuở chúng tôi còn hợp tác làm ăn ở bên chiến trường Cam bốt, những lần tôi ngồi bên anh trên xe tải chuyển hàng lậu, bàn tay ấy đã xục xạo khắp người tôi, trong khi tay kia anh vẫn điều khiển bánh lái, miệng anh vẫn truyện trò. Bàn tay anh tung hoành khắp chốn đến nỗi tôi nghĩ rằng có khi chính ông chồng tôi, có chỗ, cũng chưa có dịp sờ tới. Phải hiểu rằng đi buôn lậu, nhất là khi chuyển hàng lậu là sợ lắm, anh ta đã làm cho tôi quên đi sự sợ hãi! Rồi thời gian sau, lặn lội trên miền đất viễn chinh, anh ta đã học được ngón nghề xoa bóp tẩm quất và tôi cũng đã có nhiều lần nằm cho anh ta ra nghề. Tôi nhìn nhận rằng anh ta giỏi nghề và rất dễ thương trong cung cách làm việc và ứng xử. Vợ chồng anh làm ăn phát đạt bằng nghề đấm bóp dạo là đúng thôi. 'Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh'. Nhưng nay, bàn tay kia, tôi không còn đụng tới được nữa và cái bàn tay ấy cũng không còn cơ hội mò mẫm xục xạo vào những chốn xưa kia.

Chị vợ vào việc ngay, chúng tôi, hai người đàn bà, không có đàn ông trong việc này, bàn chuyện đổi nhà, tôi bán cho chị ngôi nhà của tôi và chị sang lại cho tôi căn nhà của chị. Sang lại là vì căn nhà chiến lợi phẩm này vợ chồng tôi được cấp phát theo chính sách 'hóa giá' sau đó bán cho vợ chồng chị tá túc. Nay lại đến lúc chị có tiền mua ngôi nhà lớn hơn cần bán đi căn nhà nhỏ này thì chúng tôi lại thoả hiệp. Vợ chồng chị, sắp có con, sẽ dọn sang ở nhà tôi, còn tôi sẽ dọn sang ở căn nhà của vợ chồng chị. Chồng tôi sẽ ở đó. Còn tôi đi Mỹ. Vấn đề phải thương thảo trả giá là số tiền chênh lệch chị sẽ trao cho tôi sau khi trừ đi số tiền trị giá của căn nhà bẹp. Chúng tôi, cũng vẫn là hai người đàn bà, không có đàn ông, còn thỏa thuận với nhau về khoản tiền phải 'bồi dưỡng' cho các chức việc trong các cơ quan nhà nước có công chuẩn thuận việc mua bán này.

Công cuộc thương thảo trải qua mấy lần gặp gỡ mới xong, khi thì tôi sang nhà chị, khi thì chị sang nhà tôi. Hôm cuối cùng làm giấy trao tiền, chị còn hỏi tôi nhường cho chị con ở trong nhà, chị cũng sắp cần tới một đứa ở. Tôi nói:

'Nó đi lấy chồng rồi còn đâu.'

'Trời, còn nhỏ thế sao đã lấy chồng.'

'Nhỏ gì, mười bảy, mười tám tuổi rồi. Hồi nó mới đến ở còn nhỏ xíu, nuôi ăn mấy năm lớn tồng ngồng, nẩy nở, dậy thì ra. Bố mẹ nó bán cho thương gia Đài Loan đem về nước làm vợ, được đâu hai ngàn đô la làm nhà mới rồi.'

'Sang bên đó làm nô lệ 'sếch' chứ vợ chồng gì!'

'Tức là làm đĩ ấy hả'

'Làm vợ cho cả nhà, báo đăng thế, họ nuôi ăn đồ tàu béo bở, ở một căn phòng trên gác, đàn ông trong nhà ai cần tới thì tiếp. Có cô phải phục vụ tới 9 người, bố già hen xuyên ho khù khụ thì lo đấm bóp rửa ráy lau chùi cho ông cụ, đàn con trai cường tráng thì nó ào tới xong rồi xách quần đi, lại thêm thằng cháu mới đến tuổi thành niên, cô ấy tiếp mệt nghỉ không hết việc! Mỗi tháng họ trả lương gửi tiền về cho bố mẹ cũng giống như chính sách 'xuất khẩu lao động' của nhà nước ta hợp tác với nước ngoài ấy mà!'

'Thế lỡ có con thì sao, biết của ai'

'Họ không để cho có bầu, nếu lỡ có là phải phá, có bầu đẻ mất năng xuất lao động!'

'Tội nghiệp con bé không rõ sa vào tay nhà nào ở bên đó. Bố nó sau cách mạng, biên chế trong Mặt Trận Tổ Quốc, chỉ làm tay sai, không có đặc quyền đặc lợi gì, nhà nghèo quá phải cho con đi ở, lớn lên lại đem con đi bán. Ông ấy than với tôi người ta 'đi tây đi tàu đi Nga đi Mỹ đi Hung đi Tiệp' xuất cảnh tứ tung, gửi tiền về cho gia đình mua nhà mua xe, còn ông chẳng được đi đâu, nên thấy có đường giây đưa người đi Đài Loan bèn tới nhà xin cho con gái về, để lo cho nó xuất cảnh cho bằng thiên hạ.'

Giấy tờ xong, tiền bạc xong, hai bên dọn nhà qua lại. Vợ chồng anh tẩm quất chơi toàn đồ 'xịn', phần nhiều là đồ dùng của khách việt kiều quảng cho khi họ về Mỹ. Nhà tôi dọn sang bên ấy

toàn là 'đồ cổ', nhất là mấy khoản của ông chồng tôi sẵn nhật. Suốt những năm vào giải phóng Miền Nam, ông thượng úy chỉ lo thu vén nhật nhật những thứ của 'đế quốc' tháo chạy bỏ lại. Từ miếng tôn, tấm vỉ sắt lót đường, cái bàn nhôm, cái ghế bành da, đến chiếc nón sắt gĩa cua, đôi giày boots sờn, cái chần cái màn, cái muống cái nĩa, cái cốc cái xẻng thậm chí còn có cả một cái vỏ trái bom napal bằng nhôm, rỗng, cưa ra dùng làm xuống 'hầm bà là hằng' dọn sang chất đầy căn nhà trệt chiến lợi phẩm chiếm được tại làng Thương Phế Binh Cộng Hòa ở Thủ Đức. Xung quanh vách ông treo đầy rẫy những bằng khen, những huân chương kháng chiến hạng nhất hạng nhì hạng ba, huân chương chống Mỹ cứu nước. Riêng cái ghế bành da không biết ông chôm được từ đâu mang về, nhưng cứ nghe ông kể thì cái ghế bành da này là của một tướng Mỹ 2 sao, Tư lệnh Sư đoàn 1 Không Ky, ngồi điều động những đoàn 'ngựa sắt bay' trong cuộc chiến Việt Nam. Tôi thấy hồi mới chiếm Miền Nam loại bàn ghế này bị đám người hôi của rinh từ các căn cứ Mỹ đem ra ngoài xa lộ bán rẻ như bèo, không có sức mà hốt. Tuy nhiên ông chồng tôi thì khoái cái ghế này lắm, trải qua năm tháng bị lôi đi bầm dập khắp chốn, khi nó về tay ông, tôi đã thấy có mấy miếng vá bằng băng keo. Ông đặt cái ghế bành da ngay chính giữa gian nhà, có lần ông đề tôi lên ghế, bấm nút cho thân ghế ngã ra, vừa làm tôi ông vừa nói 'thế này mới sướng'. Tôi nằm dưới nhìn qua vai ông thấy quả bom treo trên xà nhà ngay trên đầu mình. Mai này khi thế chiến bùng nổ, nhân loại sẽ chìm trong hỏa ngục, ngày tận thế sẽ đến, nước ngập lên tới đỉnh núi. Ông sẽ bám vào chiếc xuống vỏ bom này mà qua cơn đại hồng thủy, thoát hiểm, tồn tại, sống sót, để lưu lại cho hậu thế một bí thư đảng ủy đầu tiên cho nhân loại mới. Ghế Mỹ, bom Mỹ, nhà Ngụy, cái gia tài ấy xin để lại cho ông, những kỷ vật của một thời chinh chiến, như một vòng hoa cho người cách mạng! Còn tôi, tôi xin lạy cả nhà nhà nước, lạy cả nhà đảng, tôi đi!

Bán nhà tôi ôm được một khoản tiền lớn đủ tiêu dùng trong những ngày chờ xuất cảnh. Một hôm ông chồng tôi nói:

'Tiền bán nhà em chia cho tôi chút đỉnh tiêu xài chứ, ăm cả coi kỳ quá, chẳng còn chút lưu tình gì.'

Tôi nghe nói có lý bèn chia cho ông một khoản nhỏ, ông cảm tình bở, mở ra đếm cẩn thận rồi mới nhét vào túi. Ông nói:

'Sang Mỹ thỉnh thoảng em cũng phải gửi về cho tôi vài ba trăm đô cứu trợ nhé!'

Tôi nói:

'Cái đó chưa biết, đô la kiếm ở đâu ra mà có để gửi về, sang bên đó biết làm gì, một chữ tiếng Anh bẻ đôi không biết.'

'Cái thằng tình nhân của em nó phải bao em chứ, sĩ quan Cộng hòa sang bên ấy lãnh lương Mỹ thiếu gì tiền!'

'Ông là một thằng điếm cho vợ đi làm tiền à'

'Xin lỗi ạ! Ly dị rồi mà. Tôi biết là em sang bên đó sẽ chóng phát, em vốn thông minh, hồi xưa ở ngoài Hà nội, em học tiếng Nga dễ ợt, em nói lầu lầu không ai bằng, năng khiếu ấy sang Mỹ em cũng sẽ nhanh chóng thành bà Mỹ. Lại buôn lậu.'

'Này đừng có mà nói bậy nói bạ. Ông bảo tôi không lưu tình, ông không kể đến cái khoản tuy đã ký giấy ly dị rồi nhưng trong khi chờ đợi chưa đi, tôi cũng vẫn để ông xài tôi thoải mái, tình nghĩa đến thế còn gì.'

'Em phụ tôi chứ tôi có làm gì phụ em đâu nào.'

Một hôm tôi trở lại ngôi nhà cũ thấy anh mù ngồi một mình trước hàng hiên, anh vênh tai nghe ngóng, tôi lên tiếng anh nhận ra tôi ngay:

'À chị.'

'Bà ấy đâu'

'Đi nhà bảo sanh đêm qua rồi.'

'Đẻ chưa'

'Không biết.'

'Ở nhà một mình à'

Anh ta gật đầu rồi ngẩng mặt lên ngu ngơ nhìn. Tôi cũng nhìn xung quanh, nhà vắng không

người, tôi cầm tay anh kéo vào trong nhà, cái bàn tay bừa trước tôi tưởng là đã mất chẳng còn bao giờ bắt được. Anh mù cũng chẳng để tôi phải chờ đợi hay mò mẫm, anh vòng tay ôm tôi dí vào xó nhà. Hai cánh tay vòng sau lưng tôi và hai bàn tay quí quái bắt đầu xục xạo, những bàn tay trên xe tải đêm mưa biên cương xưa kia. Anh và tôi khụy xuống trong kẹt cửa. Tôi quì phủ phục dưới đất nghe đường chuyển của hai bàn tay lần mò. Anh ta đẩy tôi tống vào xó cửa bình, bình, bình, u cả đầu. Mà cũng tại tôi rúc vào xó chứ anh ta mắt mù có thấy đường gì đâu. Người mù không phải chịu trách nhiệm gì về chuyện thế gian này, kẻ sáng mắt gây ra tất cả. Nhưng mà thằng mù này ghê thiệt. Anh ta vừa yêu vừa thì thầm 'anh nhớ em quá'. Trước mọi người anh ta phải gọi tôi là chị xưng em, nhưng vào những lúc căng thẳng anh ta gọi tôi là em xưng anh! Rồi sau đó trật tự lại vẫn hồi. Cung cách du kích chiến này khác hẳn với thái độ thông dong của chàng. Với chàng, phải có tiện nghi, có thời giờ, có phi pháo, có hỏa lực, có yểm trợ giương cao đèn êm, gối ôm gối cặp, gương soi đèn chiếu phải chính qui và hiện đại.

Thừa dịp chị ta đi đẽ, tôi liên tục lên đến nhà chung chạ với anh mù, dịp may hiếm có không ngờ. Sẽ chẳng được lâu. Thời cơ sẽ hết. Những bàn tay kia sẽ chẳng còn là của tôi. Nhưng tôi không ngờ chị ta đẽ dễ và về nhà sớm thế. Ngày thứ 3, tôi vừa chạy vù vào kiếm anh mới chỉ chộp được bàn tay anh thì chị ta lù lù từ trong nhà bước ra. Chị bắt quả tang tôi đang ôm tay chồng chị. Chị kêu ré lên rồi ngã sấp xuống đất. Tôi và anh mù vục chị ta ngồi lên chiếc ghế. Chị tỉnh lại chửi tôi nát nước, nào là 'con đĩ cướp chồng người', nào là 'con việt cộng cái từ bắc vào nam cướp của giết người nay lại còn cướp cả thằng mù của chị', chị chửi tôi rồi quay sang chửi anh chồng 'thằng việt cộng mù đứng đường vô ơn bạc nghĩa.' Chị chửi rồi chị khóc. Khóc rồi lại chửi.

Chị còn nhắc tới một câu nói nổi tiếng của ông tổng thống của chị: 'Đừng nghe những gì cộng sản nói, hãy nhìn những gì cộng sản làm'. Thấy tôi đứng sớ rớ, chị hét lên:

'Con 'đĩ ngựa' xéo ra khỏi nhà tao.'

Tôi lúi dúi ra cửa, nhìn vào tôi thấy anh ta quì xuống đất ôm lấy chân vợ. Chị đạp chồng ngã lăn ra, anh ta lại lồm cồm bò dậy, lại quì xuống ôm chân chị. Người thanh niên đẹp đẽ tuấn tú mà tôi đã quì mọp phủ phục cho anh dày xéo nay lại quì phủ phục ôm chân người đã chửi tôi là đĩ. Chị gào lên chửi anh là 'quân duy vật giả dối, đồ cộng sản lưu manh!' Bị thất tình chị trở thành tay chống cộng kịch liệt.

Tôi đi nhanh ra khỏi căn nhà. Nước mắt tôi trào ra. Tôi nghĩ tới chồng tôi. Chồng tôi chửi tôi là con 'đĩ ngựa' thì tôi cảm thấy sung sướng, chị ta chửi tôi 'đĩ ngựa' tôi thấy nhục. Tôi có làm gì ác đâu, tôi chỉ muốn hưởng những gì làm cho tôi hạnh phúc. Tôi lại nghĩ tới chàng. Chỉ có chàng là không dùng tới những lời lẽ lăng mạ tôi.

Một tuần lễ sau chị ta bị ra máu đưa vào bệnh viện thì chết. Hôm đám tang tôi tới nhà chia buồn. Hàng xóm xúm vào giúp cho anh ta chôn cất vợ. Tôi thấy anh ta đội khăn tang, ôm một hài nhi còn đỏ hỏn nhưng người ta cũng quấn trên đầu nó một mảnh vải trắng để tang mẹ. Một bà hàng xóm nói nhỏ vào tai tôi:

'Cũng may cho bà đấy, cái nhà này xui lắm rồi, bà dọn đi nên thoát chết, chị ta ở đâu mới đến ở vài tháng đã lãnh quả thay cho bà không biết rồi bố con nó sẽ sống ra sao. Thằng bố mù, thằng con mới lọt lòng mẹ cũng mù luôn, lại không nghe được, không khóc được. Trời ơi sao khổ quá vậy!'

Tôi nói:

'Thì lại nhờ đến Sở thương binh xã hội. Anh ấy là thương binh hạng nhất mà.'

Nghe ra tiếng tôi anh ta mừng rỡ, nói nhỏ:

'À em chỉ có em dẫn tôi đi lên thành phố được thôi.'

Tôi suyt khế cho anh ta im. Tôi có thể nằm cho anh ta đấm bóp chứ tôi làm sao mà dẫn dắt anh ta đi hành nghề tằm quất kiếm tiền được. Tôi là kẻ quen ăn quen chơi, không thích lao động. Chị có vợ anh ta làm được việc đó, nhưng nay chị ấy đã nằm kia.

Tôi nghe tiếng kèn bát âm réo rất náo ruột. Hồi lâu không nghe tôi nói gì anh ta hỏi:

'Em à chị còn đó không'

Tôi nói nhỏ:

'Đang lễ an táng, chuyện đó để lúc khác nói.'

Tôi mở tấm khăn cúi nhìn vào hài nhi trên tay anh. Nó nằm yên không nhúc nhích. Tôi lặng lẽ rời khỏi đám tang. Tiếng kèn vẫn sục sùi não ruột đuối theo tôi.

Một mối tình xót xa của hai kẻ khốn cùng nhất, giữa hai chế độ, trong hoàn cảnh hậu chiến, đã kết thúc, để lại cho đời một đứa trẻ, vừa mù, vừa câm, vừa điếc!

Một ngày trước khi tôi lên máy bay xuất cảnh, bố mẹ con bé dẫn nó tới thăm vợ chồng tôi. Phải gọi là cô hay gọi là chị chứ không là con bé ngày nào nữa. Chị đã là người đàn bà từng trải dạn dày. Ông Mặt Trận nói:

'Cháu nó từ nước ngoài dẫn chồng về thăm quê hương, tôi đưa cháu tới chào ông bà.'

Họ còn cho chúng tôi quà ngoại là sâm Đài loan uống cho bổ. Tôi nhìn cô gái chợt nhớ tới những ngày bắt nó đấm bóp rồi mới cho coi TV. Lại còn không cho ngồi trên ghế mà phải ngồi dưới nền gạch bông với lũ trẻ lồi xóm. Nay thì chị ấy đã khác xưa. Trong câu chuyện chị ấy kể chồng chị không phải là anh thương gia Đài loan ở Chợ lớn mà là bố của anh ấy, anh sang Việt Nam tìm người cưới về làm vợ cho bố anh ở bên đảo. Nay mọi chuyện yên vui, bố anh ấy tức chồng chị dẫn chị về thăm Việt Nam một phen. Họ còn khoe tôi những tấm hình vợ chồng chị chụp khi đi du lịch trên núi Dương Minh Sơn nơi có lăng Tôn Trung Sơn và giang san triều đình của Ông Bà Tướng Giới Thạch, hình đôi vợ chồng chụp ở Lâm khẩu, ở Nhật Nguyệt đàm, ở cầu 7 góc, ở Cao hùng. Toàn hình màu đẹp đẽ sắc sỡ. Chị còn cho biết ông chồng chị trước năm 1975 đã từng là sĩ quan cấp cao của Đài bắc, chuyên về lý thuyết 'Chủ nghĩa Tam dân' và 'Lục đại chiến', sang Saigon làm cố vấn 'Chính Trị Tác Chiến' cho quân đội Cộng hòa, nay còn giữ được Bằng Tưởng Lục của Tổng cục chiến tranh chính trị do ông Trung tướng Tổng cục trưởng ký tên và đóng dấu, có chụp hình chụp ảnh lưu niệm đảng hoàng. Chồng chị biết nhiều về đường phố Saigon và các nơi khác ở Miền nam. Chị nói tuy ông ấy nay hơi lớn tuổi nhưng nhờ các toa thuốc của các vị hoàng đế Tàu đại bổ nên ông vẫn cường tráng lắm. Tôi cũng mừng cho chị ấy xuất cảnh lấy được chồng đảng hoàng chứ không phải đi làm đĩ hay nô lệ 'sách' như nhiều người lo ngại. Ở bên Tàu, chị tha hồ mà coi phim bộ, ngồi trên ghế bành da mà coi phim mệt nghỉ, đâu có khổ như ở bên ta. Biết đâu mai này thời cơ nó đến, ông nhà đi làm đại sứ ở Việt Nam, chị sẽ là bà đại sứ hay còn gọi là phu nhân đại sứ, vinh thân phì gia.

Chuyến bay vào giữa đêm, tối đó tôi chào chồng tôi để sửa soạn ra sân bay thì ông ấy dở chứng. Tôi điệu nghệ mời ông lần chót nhưng ông lại không chịu. Ông quì xuống ôm chặt lấy chân tôi khóc rưng rức, ông khóc thảm thiết như người ta khóc vợ chết vậy, khiến tôi cũng mũi lòng nước mắt dãn dụa. Tôi hỏi ông tại sao, ông chỉ lắc đầu không nói và lại càng khóc to hơn, ông vẫn quì phục ôm chân tôi mà hôn túi bụi từ trên xuống dưới từ dưới lên trên. Ông hôn cuồng nhiệt như muốn ăn tươi nuốt sống con mồi. Ở hay cái ông này, từ trước tới nay có bao giờ. Tây như thế này đâu, bây giờ sắp chia tay hai người hai ngã, đường đời vạn nẻo, thì ông lại sinh tật đổi mới! Phải chi hồi nào tới giờ ông cứ bình thường như thiên hạ, đừng bày đặt 'cách mạng cách miếc', ai sao tôi vậy, ai làm kiểu nào tôi làm theo, sống kíp với trào lưu thì có gì phải đổi mới nói cũ.

Tôi quỳnh quáng vì thời gian cấp bách, còn nhiều thủ tục xuất cảnh trước khi lên phi cơ, vẫn phòng dịch vụ đã dặn dò không được trễ. Tôi dìu ông đến chiếc ghế bành da của ông nhưng ông không ngồi lên mà vẫn cứ phủ phục dưới đất. Ôi, tại sao đàn ông họ lại cứ thích quì dưới chân đàn bà mà hôn mà khóc nhỉ Tôi bối rối không biết giải quyết ra sao, tôi cũng khóc hu hu. Ông không lên ghế bành làm tượng tư lệnh Mỹ thì tôi phải tụt xuống đất với ông, tôi cũng quì sụp với ông. Hai đứa quì dưới đất ôm nhau khóc lóc thảm thiết. Người lái xe của văn phòng dịch vụ đến đón tôi, thấy vợ chồng quì dưới đất ôm nhau khóc thì tỏ vẻ ái ngại. Anh ta nói:

'Sửa soạn đi kéo trẻ chuyển bay, còn phải tính đến khoản lỡ dở dọc đường nữa bà chủ ạ.'

Tôi quệt nước mắt:

'Xin cho chúng tôi năm phút nữa được chứ ạ.'

Anh ta xách túi hành lý nhỏ của tôi ra xe. Con gái tôi nó dặn dò là hãy ra đi tay không. Sang bên đó nó sẽ lo cho đủ hết, kể cả quần áo và các thứ đồ dùng vặt. Nó nói hãy để lại tất cả. Kỳ nhất là đừng có mang theo tranh sơn mài, cho không ai lấy, mà để lại thì garare nhà nó đã chặt.

Phải rút kinh nghiệm năm 1975 bà con miền Bắc vào thăm bà con miền Nam mang theo chiếu và bát sành ăn cơm vì nghe báo đài nhà nước nói trong ấy nghèo 'không có bát mà ăn, không có chiếu mà nằm!' Bột sắn cũng đừng mang theo, quan thuế Mỹ lại tưởng làm bạch phiến báo động tùm lum rắc rối sự đời. Tiền bạc còn thì để lại cho bố. Khoản này tôi không nghe lời nó, tiền đô la của tôi, tôi mang đi hết. Tiền bạc thì có nặng nề gì mà ngại, chịu khó một tí sang bên đó còn có chút đỉnh dẫn túi mà thuê xe xích lô đi tìm người tình.

Tự nhiên tôi hết khóc và ông chồng tôi cũng nín luôn. Cả hai đều đứng dậy. Tôi bước đến bên ông, ôm ông hôn nhẹ nhàng như tôi vẫn thấy trong phim truyện của Mỹ.

Chồng tôi đứng bất động. Khi tôi bước ra cửa, ông nói nhanh:

'Em nhớ thỉnh thoảng gửi tiền về cho tôi!'

Trên đường lên phi trường, người lái xe hỏi tôi:

'Sao bác trai không đi cùng mà ở lại'

Tôi nói:

'Ông ấy còn bận việc nhà nước, còn yêu chủ nghĩa xã hội, còn nhiệm vụ đảng, không nỡ rời bỏ quê hương.'

Anh ta nói:

'Tôi làm nghề chuyên đưa người qua sông, tôi không qua sông được, nhưng vẫn mong ai qua được thì qua, qua được người nào đỡ người đó. Chúc bà thượng lộ bình an.'

Vài kỷ niệm với Thảo Trường Du Tử Lê

Tháng Tám ra đi nhưng không quên gửi lại cho tôi nhiều tin buồn lớn! Tôi muốn nói tới chuyến "đi xa" của nữ danh ca Minh Trang, người bạn đời của cố nhạc sĩ Dương Thiệu Tước. Bà mất ngày 17 tháng 8! Một tuần sau, tới lượt ca sĩ Thúy Nga, tức bà quả phụ Hoàng Thi Thơ, từ trần: Ngày 24 tháng 8!

(Những người ở thế hệ của tôi, nhiều người còn giữ được hình ảnh ca sĩ Thúy Nga, tóc thè, áo dài trắng nữ sinh, với chiếc Accordion tự đệm cho mình hát vào những năm cuối thập niên 1950, ở Saigon.)

Những tưởng sự mất cán của thần chết dành cho giới làm văn học, nghệ thuật ở quê người như vậy, cũng đã vượt "chỉ tiêu!" Ai ngờ, chỉ ba ngày sau, 27 tháng 8, một buổi chiều từ chỗ làm, T. gọi về báo tin:

"Anh Thảo Trường mất rồi!"

Đang viết bài, tôi buột miệng hỏi một câu vô nghĩa:

"Chắc không? Sao T. biết?"

"Gia đình của anh ấy gọi báo tin." T. đáp.

Tôi bần thần đứng dậy. Ra vườn. Ngồi bên hồ cá. Nói thầm mấy câu với tác giả "Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp." Như với chính mình!

Tháng Tám trao tay lái chiếc xe thời gian cho Tháng Chín. Tháng Chín ngồi chưa ấm chỗ, đã háp tấp gõ cửa ngôi nhà bằng hữu tôi, cho tin:

"Nhạc sĩ Trần Quan Long không còn nữa."

Theo tấm lịch treo tường của tôi đó là ngày mùng 3 của mùa Thu miền Nam California.

Lần này, tới phiên tôi báo cho T. biết. Tôi nghe được trong im lặng của T. những mũi kim lao xao chạm tới các đầu dây thần kinh liên tưởng...

Chỉ 2 tuần thôi, tôi lui tới Tang môn quán Feek Family Funeral Home ba lần. Nhiều và nhanh tới độ, một nhân viên ở đây ngỡ lời chia buồn với tôi. Ông ý nhị pha loãng nỗi buồn tử biệt sinh ly bằng câu nói vui:

"Tôi đoán chừng ông không có ý định tìm việc ở đây?"

“Vâng. Hẳn nhiên là tôi không có ý định ấy. Nhưng tìm một chỗ nằm ở đây thì có.” Tôi đáp. Vẫn bằng giọng đùa vui nhẹ nhàng, ông bảo: “Khi nào tới lượt ông, tôi sẽ lo cho ông ‘đảm bảo’ chu đáo.”

Tôi cảm ơn và kể khá nhiều bằng hữu của tôi, cuối cùng, đã tìm đến nơi này. Tôi nói, có những người theo trật tự của sự xếp hàng dọc, thì họ ở sau tôi xa lắm. Vậy mà vì lý do nào đấy, họ đã tách khỏi hàng. Xăm xăm đi trước... Làm như vội vã đi xa kia, hiểu theo một nghĩa nào, cũng là một hạnh phúc. Thứ hạnh phúc ngăn ngạt đờn đau người ở lại.

Mỗi lần tới Feek Family, trong tôi lại âm vang một câu trong bài “Thánh hòa ca” của “Minh giáo” trong truyện chường “Cô Gái Đồ Long” của Kim Dung. Đó là khi toàn bộ “cán bộ đầu não” của Minh giáo bị những người thuộc phe “chánh phái” vây khốn trên Quang Minh Đỉnh. Với cái chết đang lăm lăm siết chặt vòng vây, họ vây quanh quanh đống lửa, cùng hát bài chia tay trần gian.

Trong bài hát ấy, có một câu đại ý: Sống không hẳn đã vui, chết chưa chắc đã buồn. Vậy thì hà cớ gì chúng ta không hát ca trước khi cùng chết...

Đó là những trang sách tôi đọc nhiều sớm mai, lúc chờ người phụ trách mở cửa căn phòng ở tòa nhà chính của Feek Family, cho tôi vào thắp nén hương đầu ngày cho mẹ tôi. Trước khi anh tôi và, những người viếng thăm tìm đến.

Đó là những ngày đầu tiên của trung tuần tháng 11 năm 1988, thời điểm mẹ tôi từ trần.

Đã hai mươi hai năm, khi đó, Feek Family còn xa lạ với cộng đồng người Việt ở quận hạt Orange County này.

Xa hơn nữa của ký ức tôi, là cuối thập niên 1960. Thời điểm chúng tôi dọn về căn phòng ở đường Hồng Thập Tự, trong khu cư xá Bưu Điện, đối diện căn nhà số 7, cư xá Thành Tín, trụ sở chính của hai đài phát thanh Tiếng Nói Tự Do và, Gương Thiêng Ái Quốc (tiền thân đài Mẹ Việt Nam).

Tôi không biết có phải vì ở khúc đường rất ngắn này có tới hai cư xá lâu đời; nên người ta đã lợi dụng khoảng trống giữa bức tường thấp và, hông cư xá Bưu Điện để giăng bạt, bày xe bán từ bún riêu, bún bò Huế, phở, tới bánh cuốn, cháo gà, xôi lạp xường... Khiến nó trở thành một thứ “foods court” nổi tiếng, không chỉ với cư dân thuộc hai cư xá vừa kể mà, còn “hút” khách từ đài Truyền Hình Việt Nam cũng như nhân viên của đài Phát Thanh Saigon (đầu đường Phan Đình Phùng), đi tắt qua bức tường vỡ...

Thời gian này tôi gặp tác giả “Viên Đạn Bắn Vào Nhà Thục” gần như mỗi sáng.

Khi ấy Thảo Trường phục vụ tại cục An Ninh Quân Đội. Sáng nào ông cũng tới sớm sớm. Cát xe.

Đi bộ vài chục bước. Tới căn nhà tôi ở. Dùng loa tay, ông gọi tôi đi ăn sáng.

Ông không phải là người kiêu lời. Nhưng khi dùng loa tay gọi tôi, ông chỉ sử dụng một trong trong hai “khẩu lệnh”:

“Thằng Lê dậy chưa, ra mau, tao cho ăn sáng!” (Hoặc)

“Lê ơi, dậy đi. Ra ăn sáng với tao!”

Tới hôm nay, tôi vẫn không rõ khi nào bạn tôi dùng “khẩu lệnh” thứ hai, tương đối nhẹ nhàng, êm ái hơn “khẩu lệnh” thứ nhất. Chỉ nhớ, dù với “khẩu lệnh” nào, khi ông bắc loa miệng gọi tới lần thứ ba, bao giờ bác chủ nhà cũng rụt rè gõ cửa phòng tôi, nhắc: “Ông ra mau, bạn ông đang đợi.”

Trước “vấn nạn” này, tôi cũng không biết có phải bác chủ nhà vì lòng tốt không muốn bạn tôi phải đợi lâu? Hay chỉ vì bà sợ nếu để Thảo Trường “ra lệnh” thêm một lần nữa thì, cường độ “khẩu lệnh” sẽ “tăng tốc,” khiến đứa cháu mới mấy tháng tuổi bà có thể giật mình. Khóc thét! Tuy nhiên, dù tôi ra nhanh hay chậm, bạn tôi luôn hỏi: “Hôm nay mày muốn ăn gì?” Trước khi tự gọi món ăn cho mình.

Đó cũng là thời gian rất nhiều bằng hữu của chúng tôi “đi xa.” Không ít người chúng tôi mới thấy đó... bỗng được tin họ tử trận!

Gặp nhau trong tình cảnh ấy, lần nào Thảo Trường cũng lắc đầu. Ngao ngán. Chúng tôi không biết nói với nhau điều gì, khác hơn câu nói quen thuộc Thảo Trường dành cho tôi, như một điệp khúc:

“Đời sống sao buồn quá!”

Phần tôi, cũng chỉ có một câu trả lời (lặp lại):

“Ừ! Đời sống buồn quá!”

Khi ấy, chúng tôi đều là lính, hiểu theo nghĩa cái chết đối với chúng tôi đã mặc nhiên sẵn đây. Như khí trời. Nhưng thú thật, chẳng vì thế mà chúng tôi có được cái tinh thần “cười cợt” trước sự chết, như những người thuộc phe “ma giáo” trong truyện chường Kim Dung! Chúng tôi vẫn mừng rỡ gặp lại nhau sau những chuyến công tác dài ngày.

Trước đó một năm, Thảo Trường rủ tôi in chung với ông một tập truyện. Ông bảo tôi chỉ việc chọn truyện... Ông đã liên lạc với Thế Nguyên. Trình Bày sẽ phụ trách tất cả những việc còn lại. Do đấy, trên nguyên tắc Thảo Trường là người có quyền chọn một nhan đề truyện ngắn của ông, làm nhan đề chung cho cả tập. Nhưng ông nhường quyền ấy cho tôi. Ông bảo:

“Mày chọn đi. Nhan đề một truyện ngắn nào đó của mày, làm tên chung tập truyện của hai đứa.”

Tôi chọn một nhan đề truyện của tôi:

“‘Chung Cuộc’ được không?”

“Được lắm. OK ngay. Tao không biết nội dung truyện ấy của mày thế nào. Nhưng với tao, hai chữ ‘chung cuộc’ mang ý nghĩa chúng ta cùng chơi chung một cuộc chơi...” Rồi như để tôi khỏi áy náy, ông tiếp:

“Nhưng tao giao trước rằng, tiền tác quyền چرا đều đó nghe...”

“Đương nhiên,” tôi đáp.

Thuở ấy, đa số các nhà xuất bản chưa quen với nguyên tắc trả bản quyền cho tác giả theo kiểu tính phần trăm trên giá bán, trên số in. Thường thì hai bên thỏa thuận với nhau một khoản tiền nào đó. Xong, tác giả giao bản thảo cho nhà xuất bản và, không bận tâm nữa. Nhưng nhà Trình Bày của Thế Nguyên thì khác. Thế Nguyên cho tôi biết, Trình Bày sẽ trả tác quyền cho tác giả là 10% tính trên giá bán và số in. Lại nữa, nhà Trình Bày cũng có “tục lệ” khi in xong một tác phẩm, sẽ mời tác giả đi ăn tối cùng một số thành viên của nhà xuất bản. Tôi và Thảo Trường đương nhiên được mời, sau khi Thế Nguyên giao sách cho nhà Hiện Đại, phát hành.

Tuy nhiên, tôi suýt hổ nặng, nếu Thảo Trường giải thích thêm rằng, nhà xuất bản chỉ đãi thọ tiền ăn cho một mình tác giả mà thôi. Muốn đem theo một người nào khác, tôi phải cho Thế Nguyên biết trước. Và tôi sẽ là người trả phần sai biệt.

“Nhưng không sao,” Thảo Trường nói. “Mày muốn mời ai cũng được. Khởi hởi thằng Thế Nguyên. Tao sẽ lo cho mày chuyện ấy...”

Buổi họp mặt ăn nhậu mừng tập truyện “Chung Cuộc” ra đời, (1) cuối cùng đã diễn ra một cách suôn sẻ tại một nhà hàng... thịch chớ, bên hông vườn Tao Đàn. Tôi và Thảo Trường đi mình ên. Phía bên nhà xuất bản, ngoài Thế Nguyên còn có Diễm Châu, Nguyễn Khắc Ngữ, Nguyễn Ngọc Lan... cũng mình ên.

Nhắc lại những chuyện này, tôi chỉ muốn nhấn mạnh, bề ngoài tác giả “Thử Lửa” to con, dềnh dàng, đen... ròn. Ông di chuyển cẩn trọng, nhanh nhẹn như một con beo gấm, lúc nào cũng trong tư thế sẵn sàng tấn công. Hay như một tay chơi giang hồ thứ thiệt... Nhưng bản chất ông lại là người thích nuông, chiều bạn. Bất cứ ai khi trở thành thân thiết, đều được ông đối xử ân cần, tế nhị. Như sự tế nhị, ân cần mà người ta có thể dành cho một tình nhân.

Anh em văn nghệ không ai thắc mắc “Bà Phi” có thật? Hay chỉ là nhân vật tưởng tượng? Chỉ biết ngay từ những kỳ báo đầu tiên, truyện “Bà Phi” của Thảo Trường đã lôi cuốn người đọc. Đồng thời Thảo Trường cũng nói, đó không phải là một tiểu thuyết thường. Nó là trường thiên dày trên nghìn trang. Khi công bố ý định của mình, ông dọa:

“Có khi báo Tiền Tuyến chết ngắc mà, ‘Bà Phi’ mới chỉ đi được nửa đoạn đời... Chừng đó, tao không biết phải cho bà ấy ‘tái giá’ với ai nữa!”

Giữa lúc feuilleton “Bà Phi” của Thảo Trường tăng dần độ “nóng,” thì một buổi trưa Thảo Trường điện thoại cho tôi, bảo ra ngay Pagode:

“Bà Phi muốn gặp mày!”

Café La Pagode là “tụ điểm” một thời của văn nghệ sĩ Saigon tính tới ngày 30 tháng 4, 1975. Ở đó mọi người không chỉ biết mà, còn rõ cả tính nết của nhau. Khi tôi ra tới, Thảo Trường và Bà Phi đã ngồi sẵn nơi một trong hai chiếc bàn kê giữa hai chiếc cột gỗ vuông, lấp kính một phần, giữa quán.

Bà là một phụ nữ cao lớn. Rắn chắc. Duyên dáng... Nhiều phần hơi... bị khác những gì Thảo Trường mô tả trong truyện. Suốt cuộc gặp gỡ, Bà Phi tuyệt nhiên không hé lộ một chút gì về thân thể mình. Thảo Trường cũng vậy. Tôi không biết và, cũng không thấy tiện hỏi tên bà.

Chúng tôi đồng tình gọi bà là “Bà Phi.” Cá nhân bà, lâu lâu cũng tự xưng mình là... “Bà Phi.” Qua những lần gặp lại nhau sau này cũng ở Café La Pagode, tôi chỉ biết đại khái Bà Phi không ở Saigon. Bà có business ở nhiều nơi, luôn cả ngoại quốc (?). Một tháng đôi lần bà về Saigon, chỉ để thăm tác giả truyện... “Bà Phi” mà thôi.

Tôi không biết có phải vì Bà Phi không muốn gặp những người bạn khác của Thảo Trường, hay do thói quen nghề nghiệp mà, không lần nào tôi thấy Thảo Trường mời những người bạn khác của chúng tôi ở Pagode ngồi chung bàn với họ.

Khi tôi gặp Bà Phi cũng là lúc rạp Rex mới chiếu phim Doctor Zhivago với tên Việt là “Vĩnh Biệt Tình Em” (?), Thảo Trường có đôi nét hao hao giống Omar Sharif, tài tử chính gốc Ai Cập trong phim. Một lần, tôi hỏi Bà Phi có biết chúng tôi gọi Thảo Trường là Omar Sharif Việt Nam không? Bà hỏi ngược lại, có phải tôi muốn nói bà là Lara? Tôi đành phải gật đầu:

“Chắc vậy!”

Tôi nghĩ bạn tôi có vẻ thích thú với so sánh này. Bằng chứng sau đây, mỗi khi gọi tôi để thông báo chuyện Bà Phi, Thảo Trường bảo “Lara mới về!” Phần ông, những khi cao hứng cũng xưng: “Omar Sharif gọi mày đây!”

Cuối năm 1972, chúng tôi rời khu cư xá Bưu Điện về làng Báo Chí Thủ Đức. Khoảng cách địa lý cũng như tình hình chiến sự leo thang khiến Omar Sharif/Thảo Trường không còn cơ hội ban “khẩu lệnh” cho tôi mỗi sớm mai. Chúng tôi ít gặp nhau. Nhưng do một chuyện không vui, tôi lại được biết rõ hơn công việc của bạn tôi ở Cục An Ninh Quân Đội.

Số là trong mấy năm cuối cùng của miền Nam tự do, tôi có hai người bạn vướng vòng lao lý. Họ bị tạm giữ ở Cục An Ninh. Mỗi khi muốn gặp bạn, tôi phải tìm Omar Sharif của tôi tại nơi ông làm việc. Nhờ thế, tôi biết tác giả “Hà Nội, nơi giam giữ cuối cùng” sự thực chẳng giữ một chức vụ, hay một vai trò ghê gớm gì, ngoài việc biên soạn... tài liệu học tập cho cục!

Trước đó như đã nói, vì bản chất Thảo Trường kín đáo, ít tâm sự nên dù chơi với nhau thân thiết bao nhiêu năm, tôi vẫn hình dung bên cạnh con người nhà văn, trong tưởng tượng của tôi, ở đời thường có thể bạn tôi là một thứ James Bond, điệp viên... thượng hạng, ngoại hạng!!!

Năm 1993, tôi đang ở Houston chữa bệnh thyroid thì được tin Omar Sharif/Thảo Trường đoàn tụ gia đình ở Orange County. Sau khi nhận được cam kết của hai bạn chúng tôi là Phương Hoa/Đặng Khánh sẽ cung cấp phương tiện, nơi chốn cho việc tổ chức một buổi “Houston, Chào đón nhà văn Thảo Trường,” tôi bay về Santa Ana. Để chuẩn bị buổi chào đón vừa kể, tôi cũng chuẩn bị thực hiện một số báo Văn Nghệ chủ đề “Thảo Trường, Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp.”

Người đón và chở tôi đến gặp Omar Sharif của tôi là Trần Duy Hòe, em ruột của Thảo Trường/Trần Duy Hinh. Hòe nói:

“Thảo Trường nôn gặp mày lắm.”

“Tao cũng vậy. Mày thấy nó sao?” Tôi hỏi.

Hòe cười:

“Gặp rồi biết.”

Sau mười tám năm bất tin mới được gặp lại nhau, tôi còn nhớ cảm giác nôn nao, đồng thời lo lắng của mình. Tôi nôn nao gặp bạn và, lo lắng không biết thời gian có cho lại chúng tôi những ngày tháng cũ? Tôi hiểu mười bảy năm tù đầy là một điều gì quá ư khủng khiếp. Nếu không có

một nghị lực phi thường, tôi nghĩ khó ai có thể tồn tại trong hoàn cảnh cùng những điều kiện sống thua cả cầm thú!

Bên cạnh đó, không hiểu tại sao, tôi lại thấy mình như có lỗi! Như không phải với bạn! Mặc dù những người di tản từ năm 75 như chúng tôi, cũng có những thảm cảnh mà người đi sau khó thể hình dung. Chưa kể đời sống riêng của cá nhân tôi còn rách nát hơn nữa.

Gặp lại Omar Sharif của tôi trong ngôi nhà khang trang ở thành phố Huntington Beach, để được thoải mái, chúng tôi kéo nhau ra hiên sau, nơi nắng chiều chan hòa nhất.

Bề ngoài, bạn tôi không thay đổi nhiều sau hơn một năm được vợ, con chăm, bốn từ hải ngoại. Cảnh đó, bạn tôi cũng có vài thay đổi. Tôi cảm nhận được khá rõ. Đó là cử chỉ của bạn tôi có phần chậm chạp. Tinh thần thì mạnh mẽ, lạc quan hơn trước. Nhưng, đáng kể nhất đối với tôi là sự thay đổi cách xưng hô của bạn.

Tôi không biết đổi thay này do bạn tôi phải giữ ý trước mặt vợ, con? Hay từ nguyên nhân sâu xa nào khác? Chỉ nhớ, thoát tiên tôi ngỡ ngàng. Cũng nhiều phút sau, tôi mới quen khếp mình theo cách xưng hô “anh anh, tôi tôi” của bạn.

Thảo Trường nói rất ít về những năm lao tù, dù tôi hỏi và muốn nghe. Ngược lại ông bảo ở Việt Nam, nhưng ông cũng biết khá nhiều chuyện về tôi. Ông kể những điều ông nghe được. Không bình luận. Không phê phán. Như ngày nào. Chúng tôi tôn trọng đời riêng của nhau!

Cũng có những lúc chúng tôi im lặng nhìn nhau. Lặng lẽ hút thuốc. (Thời gian mới tới Mỹ, Thảo Trường còn hút thuốc.)

Với tôi đó là giây phút tôi sống lại với Saigon. Với Hạnh Thông Tây. Hồng Thập Tự. La Pagode. Bà Phi/Lara. Với cả những “tai họa” mà tôi mang tới cho bạn. Nhiều lần tôi định hỏi ông về Bà Phi, nhưng luôn kịp giữ lại. Tôi cho tốt nhất nên để bạn mình tự ý.

Tới lúc phải ra về, tôi nghĩ, dường như hình ảnh Lara trong Omar Shrif của tôi, không còn nữa. Nó như chiếc lá đã lìa cành. Đã dạt, trôi cõi khác.

Đêm xuống nhanh khi tôi ngồi vào chiếc sofa nơi chiếc nhà kho biến thành phòng làm việc của tôi và Trần Duy Đức, nhiều năm trước. Chiếc cửa sổ duy nhất, nhỏ xíu trên cao mở hết cỡ, vẫn không nói với tôi điều gì khác cam nín. Ngột ngạt.

Tôi mượn điện thoại của Đức gọi ngược về Houston, báo cho Phương Hoa/Đặng Khánh biết: Thảo Trường không thể qua Houston ngay lúc này. Nhanh nhất cũng phải sáu tới tám tháng nữa. Ông cần nghỉ ngơi. Tĩnh dưỡng. Làm quen với đời sống mới.

Đêm đó, tôi nằm mơ thấy tôi được ngồi trên chiếc xe jeep của bạn tôi, đi cùng khắp Saigon. Gặp lại từng khuôn mặt. Trò chuyện, la hét ì xèo với các bằng hữu một thời Pagode. Chỉ một người tôi không gặp lại (trong giấc mơ), là Bà Phi.

Phải chăng khi một chiếc lá đã lìa cành, thì chính nó cũng không biết nó sẽ dạt, trôi về đâu? Huống hồ kẻ đứng ngoài nó!

Trở lại Houston không lâu, tôi là chiếc lá lìa cành!

Đó là thời điểm tôi lặng lẽ quyết định bỏ ngang tờ Văn Nghệ. Chấm dứt chương trình điều trị bệnh thyroid mới đi được khoảng một phần ba đường. Cắt đứt mọi liên lạc dù với những người thân nhất. Tôi “chạy trốn” ngày tháng, giống như tựa một tác phẩm của Thảo Trường, xuất bản năm 1964 ở Saigon.

Ăn mình trong căn nhà dưới đáy một con dốc của Nguyễn Văn Phán/TQLC ở Springfield, Virginia, tôi như con thú chỉ ra khỏi hang khi an toàn cho phép. Toan tính thực hiện một buổi “Houston, Chào đón nhà văn Thảo Trường,” trở thành hư không. Như những hư không khác, dày đặc trong đời tôi.

Hai năm sau, trở về Cali, T. giúp tôi làm lại từ đầu. Nhưng cũng mất thêm nhiều năm, tôi mới gặp lại Omar Sharif của tôi. Những gặp gỡ tình cờ ở phố Nguyễn Huệ. Bên cạnh bạn tôi, luôn là người vợ như vàng trắng vàng vạc chung thủy và, đứa cháu xinh đẹp nằm trong chiếc nôi xách tay, của ông.

Một lần khác, cũng tình cờ tôi gặp ông ở nhà hàng Tài Bửu. Khi đó nhà hàng này còn ở gần ngã tư đường Magnolia và Bolsa. Bạn tôi vẫn đi ăn với người vợ “như vàng trắng vàng vạc thủy chung” của mình.

Lần đó, Omar Sharif ra hiên ngồi cùng bàn với tôi, nhạc sĩ Nguyễn Hiền, Tony Hoài (và vài người bạn trẻ khác của Hoài). Biết mình không có nhiều thì giờ, bạn tôi lại nói ngay về cuốn thơ “Tay Gõ Cửa Đời” của tôi mà, ông đem theo được tới Mỹ. Tôi không nhớ đó là lần thứ bao nhiêu, bạn tôi nói về tập sách này. Cũng như tôi không nhớ lần thứ bao nhiêu tôi và T. từng ngỏ lời mượn lại để copy... Lý do đó là một trong những cuốn sách mà, sau nhiều vất vả kiếm tìm, chúng tôi vẫn chưa có lại.

Tôi cũng nhớ có lần tôi còn nhấn mạnh, nếu không tin tưởng tôi, ông có thể giao cho T... Nhưng câu trả lời của ông trước, sau vẫn là cái lắc đầu. Dứt khoát! Hay ông thấy tôi không xứng đáng có lại một đứa con tinh thần của mình? Có thể.

Dĩ nhiên, bạn tôi có lý!

Lần gặp đó, ông kể thêm, trong tù hằng đêm ông nhắm đọc bài “Thạch Sùng” in trong tập thơ ấy. Bài thơ nhỏ kia, đã ở với ông lâu tới độ bây giờ ông cố khu trục nó khỏi đầu mà không được. Tôi tự hỏi, phải chăng vì bài thơ khởi đầu với những câu như:

những lúc ngủ tôi thường quen lập lại
một điều gì in là tôi đã nói
và đôi khi cũng làm bầm
những khao khát từ lâu tôi hằng giấu kín
dù mơ ước không bao giờ làm nên sự thực
nhưng giúp mình bật dậy ở ngày mai
để kéo tiếp đời lên dốc đá
chờ một giờ
bỗng, buột ngã, xuôi tay...

Hay:

tôi sống như thạch sùng
đêm chếp miệng từng hồi kiếm bóng.

.....

hãy cố sống đời ta
đừng vẽ làm dung nhan kẻ khác...

Hoặc giả ngay tự năm, tháng quê nhà, ông đã thấy tôi (chúng tôi) là hiện thân của câu thơ:

mỗi chúng ta là một vùng đất trũng
mà đau thương là mạch nước trôi xuôi...

Phần nào ứng hợp với kiếp tù-không-án của bạn tôi? Nên nó ở được với ông như người “bạn vô hình” (chữ của Thảo Trường) trong đêm đen lao xá một phần đời ông?

Ở những lần gặp tình cờ sau đó, chúng tôi không nhắc nữa, quá khứ.

Tôi vẫn nghĩ kho ngữ vựng của Thời Gian rất giới hạn, nghèo nàn. Suốt ngày nó đắc chí với hai chữ “lãng quên.” Như thể nó đã mua đứt bản quyền từ ngữ này!

Mặt khác vẫn theo tôi, nó lại có phần hơi... bị “tùng” khi ra mặt đố kỵ hai chữ “lập lại!” Tuy nhiên, cách gì tôi cũng phải nghe lời nó.

Tôi hiểu, thời gian không cho phép chúng tôi lập lại hẹn hò một buổi “Houston, Chào đón nhà văn Thảo Trường” giữa một Texas nắng cháy. Thời gian cũng không cho phép chúng tôi nhắc nhớ Bà Phi/Lara. Dù Omar Sharif của tôi, đôi lần đề cập tới mơ ước in thành sách bộ trường thiên tiểu thuyết ấy.

Thời gian cũng không cho phép tôi kể, cuối thập niên 90, đầu tân thiên niên kỷ 2000, tôi nhận được điện thoại của Bà Phi, gọi từ thành phố San Jose. Đó là thời gian bà thành linh xuất hiện như sự hóa thân bất ngờ của chiếc lá lia cành dạt, trôi đã lâu. Bà nói bà đang gọi tôi từ nhà hàng "Hàng Xanh" nằm trên đường Santa Clara. Bà kể, bà chọn tên "Hàng Xanh" và, dùng một đoạn nhạc trong ca khúc "Đêm, nhớ trăng Saigon" của Phạm Đình Chương, để quảng cáo cho nhà hàng của mình.

Đó là đoạn: "đêm về theo bánh xe qua / nhớ tôi xa lộ / nhớ nhà hàng xanh / nhớ em kim chỉ khâu tình / trưa ngoan lớp học chiều lành khóm tre..."

Nhưng ngày 1 tháng 9 vừa qua, khi cùng Phạm Phú Minh, Đạm Thạch, Đặng Phú Phong dàn hàng ngang, thấp nén hương trước linh cữu tác giả "Những Miếng Vụn," tôi nghĩ đây là lúc tôi có thể "kể" chuyện Bà Phi... cho bạn tôi nghe mà, không sợ mang tội với ai. Cũng không ngại bạn tôi, bối rối!

Tôi cho, thời gian dù quyền năng tới đâu, cũng có lúc sẽ bị thần chết vô hiệu hóa.

Đó là lúc con người thực sự được giải thoát khỏi nhà tù mang tên Thời Gian. Để bạn tôi tự do bước tới với những "...mơ ước không bao giờ làm nên sự thật." Tự do "chép miệng mỗi đêm tìm bóng." Hoặc giả, mỗi chúng tôi, dù chỉ là "một vùng đất trũng" thì, cũng sẽ không bao giờ "vẽ lầm dung nhan kẻ khác."

Cuốn sách nào đã ảnh hưởng nhiều nhất tới tôi? Viên Linh phỏng vấn

Chúng tôi đã gửi tới các nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ, học giả, lá thư ngắn sau đây: "Để giúp độc giả có thể biết nhiều hơn về các tác giả của Văn học Việt Nam, cũng như có thể tạo thêm thích thú cho người đọc sách báo văn học, *Nguyệt san khởi Hành* mở cuộc phỏng vấn kể từ số này, với chỉ một câu hỏi chính: "*Cuốn sách nào đã ảnh hưởng (hay có một tác động nào đó) tới Anh / Chị nhiều nhất từ trước tới nay? Vui lòng cho biết trường hợp đọc cuốn sách đó.*"

Anh Thảo Trường, quyển sách nào đã làm thay đổi đời anh?

Tôi nghĩ rằng tôi không bị quyển sách nào làm thay đổi cuộc đời của tôi. Và hình như cuộc đời tôi cũng không có gì gọi là bị thay đổi, hoặc là có thay đổi mà tôi không biết. Mọi điều xảy ra trong đời tôi, tôi đều thấy là có thể hiểu được. Tôi không thấy có sự kiện nào "ghê gớm" cả.

Từ lâu tôi đã tập cho mình bình thản trước những thay đổi của cuộc đời. Thời thế xảy ra như thế nào thì tôi cũng cố gắng tự nhủ "để coi". Thí dụ như đang từ một sĩ quan cao cấp của Quân đội Cộng hòa, trở thành một tù binh khổ sai của cộng sản, bị đày đọa đến tận cùng của khổ nhục, qua phút đầu sững sờ, tôi nhanh chóng trấn tĩnh ngay để tự lý giải rằng sự kiện ấy cũng... không có gì lạ!

Tôi tự nghĩ chẳng ai tình nguyện đi ở tù, nhưng nếu lỡ đã bị chúng bắt bỏ tù thì tại sao mình không nhân "cơ hội" mà quan sát cái cuộc sống kinh hoàng này xem nó ghê gớm đến mức nào. Và tôi bắt đầu đi tìm "*nhân vật tiểu thuyết*" ở trong môi trường "sống chết" đó.

Nói là "đi tìm" chứ thực ra chỉ là quan sát và suy nghĩ rồi cất nó vào trong "bộ nhớ". Thế cho nên mười bảy năm "*sống trong cõi chết*" cũng rất là dễ ợt". Và tôi, khi đã thoát ra khỏi cái "*kiếp đọa đày*" ấy, sống một cuộc sống bình thường, thì tôi cũng không thấy có gì phải xúc động quá đáng. Tôi tiếp tục làm việc (*viết tiểu thuyết*) và đương nhiên là lại vẫn phải tiếp tục quan sát và suy nghĩ mọi chuyện xảy ra xung quanh mình. Việc làm thường nhật, không có gì thay đổi cả! Đời sống bình thường thì như thế.

Cuộc sống trải qua, quan sát và suy nghĩ, là những chất liệu để tôi xây dựng tác phẩm, nhưng những truyện hay, những bài thơ hay, những bài phê bình văn học sâu sắc... là những thứ giúp tôi rèn luyện bút pháp và bản lĩnh sáng tác của mình. Theo thời gian, mỗi ngày mỗi tích lũy thêm những kinh nghiệm sống và những kinh nghiệm viết, để tác giả làm những tác phẩm áp ủ theo ước vọng. Tôi không biết có phải những truyện, những thơ, những vở kịch, những pho tượng, những ca khúc... mà tôi nhớ mãi không quên, đi đâu nó cũng theo mình, đi tù nó cũng vào tù với mình, ra tù sang Mỹ nó cũng lưu vong với mình... có phải những cái đó là những "quyển sách" đã chi phối con người tôi và đã ảnh hưởng sâu đậm vào công việc sáng tác của tôi. Mà như thế thì nhiều lắm, kể ra e không xuể, sẽ vấp phải thiếu sót đáng trách đối với những tác phẩm và những tác giả mà mình chịu ơn.

Thử kể ra một số những "quyển" phải kể như: Ca dao tục ngữ ở làng quê tôi thuở nhỏ. *Đoạn Trường Tân Thanh, Tỳ Bà Hành, Lục Súc Tranh Công* thuở ngồi ghế nhà trường. Những bài giảng Đường Thi của Cụ Giáo sư Trần Văn Hào ở Nam định. *Tam Quốc Chí* và những truyện "chường" của Kim Dung đọc ở Saigon. *Thần Tháp Rùa* và *Thành Cát Tư Hãn* của giáo sư Vũ Khắc Khoan. Tạp chí *Sáng Tạo* của nhà văn Mai Thảo. *Trăm Năm Cô Đơn* của Gabriel Marquez đọc ở trong tù. Những năm sống ở Mỹ thì loạt phim hoạt họa *Mickey Mouse*, coi đi coi lại, coi tới coi lui những "nhân vật" Tom & Jerry... Nhiều lắm, có thể kể hết được không. Dĩ nhiên không thể kể hết được. Có những tác giả hề thấy tác phẩm của họ thì lập tức tôi phải xem, và đương nhiên những tác phẩm đó cũng ảnh hưởng vào mình.

Phải trở lại từ đầu, không phải là "một" quyển sách nào đó làm thay đổi, mà là "nhiều quyển" nào đó đã... thay đổi đời tôi đến tận cùng ngõ ngách: từ trẻ trung náo động tới già cõi dẫn đo, từ khờ dại nông nổi đến bình tĩnh chín chắn, từ những sáng tác dài lê thê tới những truyện ngắn, rất ngắn. Sống trong thời đại hiện nay, tôi thấy có một điều phải ghi nhớ: *không làm mất thì giờ của kẻ khác*, và một vấn đề rất lớn: *làm được một việc nhỏ nào đó*. Bây giờ cách làm tác phẩm của tôi có khác xưa và những quyển mới làm xong gần đây ở hải ngoại cũng có những khác biệt với những tác phẩm cũ. Như vậy thì đời tôi có những thay đổi mà mình không biết đầy chứ. Nhưng tôi không tìm ra đích danh "quyển sách" nào đã thay đổi tôi như thế.

- Ở trong tù làm sao anh có cuốn truyện đó để đọc? Lúc ấy anh đang ở trại tù nào?

Tôi đọc *Trăm Năm Cô Đơn* bản dịch Việt Ngữ ở trong trại tù Rừng Lá, do các bạn tù dúi cho, từ đâu và cách nào họ có sách thì tôi không rõ. Hồi đó tôi thấy lưu hành chuyền tay nhau nhiều quyển sách truyện rất hay, phần nhiều là truyện dịch, xuất bản ở Sài gòn, có nghĩa là ở ngoài không cấm. Có thể do gia đình tù thăm nuôi đem vào. Tù nhân chệ sách của thư viện trại giam nhưng lại rất thích những quyển loại chuyền tay như thế này. *Trăm Năm Cô Đơn* rất dài, đọc "mệt nghỉ"

(16.3.2002)